

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng  
Tel: 0261 3747 053 \* Fax: (0261) 3747 087

Số: 01.../2026/NQ-DHĐCĐ

Thuận An, ngày 22 tháng 05 năm 2026

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01.../2026/BB-DHĐCĐ ngày 22.../05/2026

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo Của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo của BKS về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 5:** Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 6:** Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 7:** Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ theo Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 8:** Thông qua Tờ trình Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026 theo Tờ trình 04/2026/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 9:** Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 10:** Thông qua Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 theo Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS ngày 22/04/2026 với 1.475.300 phiếu tán thành, bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Điều 11:** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 22/05/2026, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 12:** Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và đăng tải lên Website của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như Điều.....;
- Lưu VPHĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Bùi Tuấn Long**

Số: 01 /2026/ BB-ĐHĐCĐ

Thuận An, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**A. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Giấy chứng nhận ĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000173846 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/07/2019.

Địa điểm trụ sở chính: Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An, Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

**B. Thời gian bắt đầu phiên họp: 14 giờ 00 phút, ngày 22/05/2026**

**C. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An, Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng**

**D. Thành phần tham dự: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, các Cổ đông và Người đại diện ủy quyền của Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.**

**E. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội:**

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết là 100% Cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

**1. Đoàn Chủ tịch:**

- |                          |                 |            |
|--------------------------|-----------------|------------|
| - Ông: Bùi Tuấn Long     | Chủ tịch HĐQT   | Chủ tọa ĐH |
| - Ông: Lê Văn Một        | Thành viên HĐQT | Thành viên |
| - Bà: Trịnh Thị Mai Dung | Thành viên HĐQT | Thành viên |

**2. Ban Thư ký:**

- |                        |                |            |
|------------------------|----------------|------------|
| - Bà: Lê Thị Định      | Kế toán trưởng | Trưởng Ban |
| - Bà: Phan Lê Kim Ngân | Phó CVP        | Thành viên |

**3. Ban Kiểm phiếu:**

- |                      |                     |            |
|----------------------|---------------------|------------|
| Ông: Phạm Thành Tuấn | Phó Trưởng P. KT-NV | Trưởng Ban |
|----------------------|---------------------|------------|

Ông: Nguyễn Trung Hiếu	Phó Trưởng P. KT-NV	Thành viên
Ông: Nguyễn Văn Phúc	Kế toán viên	Thành viên

#### **4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

Ông: Phạm Thành Tuấn	Phó Trưởng P. KT-NV	Trưởng Ban
Ông: Nguyễn Trung Hiếu	Phó Trưởng P. KT-NV	Thành viên
Ông: Nguyễn Văn Phúc	Kế toán viên	Thành viên

#### **F. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông – Ông Phạm Thành Tuấn báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, tại thời điểm khai mạc (14 giờ 00 phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty với cơ cấu cổ đông như sau: Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là 08 Cổ đông, đại diện cho 1.475.300 phiếu, chiếm 91,43% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội, trong đó:

- Số Cổ đông tham dự trực tiếp là 05 Cổ đông, đại diện cho 181.700 phiếu, chiếm 11,26 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội .
- G. Số Cổ đông ủy quyền là 03 Cổ đông, đại diện cho 1.293.600 phiếu, chiếm 80,17% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

#### **H. Nội dung phiên họp**

1. **Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
2. **Quy chế làm việc** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
3. **Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
4. **Các báo cáo trình bày tại Đại hội bao gồm:**
  - Báo cáo Của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 do Chủ tịch HĐQT – Ông Bùi Tuấn Long thông qua.
  - Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 do Giám đốc – Ông Lê Văn Một thông qua.
  - Báo cáo của BKS về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 do Trưởng BKS – Ông Nguyễn Anh Tuấn thông qua.
  - Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025 do Kế toán trưởng – Bà Lê Thị Định thông qua.

qua

## **5. Các Tờ trình do Hội đồng quản trị trình bày tại Đại hội:**

5.1. Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT về Thông qua sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh.

5.2. Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT về Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty

5.3. Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT về Thông qua sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ.

5.4. Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT về Thông qua Tờ trình Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026

5.5. Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT về Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

5.6. Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS về Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

## **6. Thảo luận tại Đại hội:**

Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội. Các Cổ đông đã nhiệt tình tham gia đóng góp ý kiến. Các ý kiến đã được Đoàn Chủ tịch tiếp thu và trả lời cụ thể tại Đại hội.

6.1. Ý kiến của cổ đông tại Đại hội:

### **a. Ý kiến của Cổ đông Hồ Sỹ Phong:**

Cổ đông Hồ Sỹ Phong bày tỏ sự tin tưởng đối với sự lãnh đạo, định hướng điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty trong thời gian qua. Bên cạnh đó, cổ đông cũng chia sẻ sự quan tâm khi nhận thấy tại một số khu vực vườn cây của Công ty xuất hiện tình trạng cây bị vàng lá, héo cục bộ và mong muốn Công ty thông tin thêm về nguyên nhân cũng như hướng xử lý trong thời gian tới.

### **b. Ý kiến của Cổ đông Nguyễn Công Sơn**

Cổ đông Nguyễn Công Sơn ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty. Đồng thời, cổ đông đặt vấn đề đối với một số diện tích vườn cây kinh doanh đã có dấu hiệu già cỗi, năng suất không còn cao như trước, và đề nghị Công ty xem xét khả năng thanh lý để nâng cao hiệu quả đầu tư.

6.2. Trả lời ý kiến cổ đông của Đoàn Chủ tịch:

Thay mặt Ban điều hành, Giám đốc Công ty chân thành cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành cũng như các ý kiến góp ý thẳng thắn, trách nhiệm của Quý cổ đông đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **• Đối với ý kiến của Cổ đông Hồ Sỹ Phong:**

Giám đốc cho biết, một số diện tích vườn cây hiện nằm trên nền đất có độ pH thấp, trong khi điều kiện nguồn nước tại khu vực này còn hạn chế, đặc biệt trong giai đoạn thời tiết khô hạn kéo dài, nên ảnh hưởng nhất định đến quá trình sinh trưởng của cây, dẫn đến hiện tượng vàng lá, héo cây cục bộ. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang duy trì công tác chăm sóc, theo dõi và áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp để ổn định vườn cây.

Dự kiến khi bước vào mùa mưa, điều kiện độ ẩm và nguồn nước được cải thiện, vườn cây sẽ từng bước phục hồi và phát triển xanh tốt trở lại.

- **Đôi với ý kiến của Cổ đông Nguyễn Công Sơn:**

Giám đốc chia sẻ rằng, mặc dù một số diện tích vườn cây đã bước vào giai đoạn già cỗi, sản lượng khai thác không còn ở mức cao, nhưng Công ty đã chủ động tối ưu chi phí đầu tư, chi phí chăm sóc và quản lý vận hành. Qua đánh giá hiệu quả thực tế, các diện tích này hiện vẫn đảm bảo mang lại lợi nhuận cho Công ty. Do đó, trước mắt Công ty tiếp tục duy trì khai thác nhằm tận dụng tối đa hiệu quả của vườn cây, đồng thời sẽ tiếp tục theo dõi, đánh giá để có phương án phù hợp trong thời gian tới.

Đến 16 giờ 00 phút (thời điểm biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội), Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là 08 Cổ đông, đại diện cho 1.475.300 phiếu, chiếm 91,43% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

### **I. Tiến hành biểu quyết và các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội**

Sau khi xem xét các Tờ trình, Báo cáo và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An đã biểu quyết bằng phương thức ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và nhất trí thông qua các nội dung sau:

- 1. Thông qua Báo cáo Của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026** với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
- 2. Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026** với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
- 3. Thông qua Báo cáo của BKS về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026** với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
- 4. Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025** với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông

- tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
5. **Thông qua việc** sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh theo nội dung Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
  6. **Thông qua việc** sửa đổi Điều lệ Công ty theo nội dung Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
  7. **Thông qua việc** sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ theo nội dung Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
  8. **Thông qua việc** Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026 theo nội dung Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
  9. **Thông qua việc** Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo nội dung Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).
  10. **Thông qua việc** Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 theo nội dung Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT với 1.475.300 phiếu tán thành, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (0 phiếu không tán thành, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).

hợp; 0 phiếu không có ý kiến, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 0 phiếu không hợp lệ, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp).

**J. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.**

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Biên bản gồm 06 trang, được lập thành 02 bản, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên tại Văn thư 01 bản, lưu Ban Thư ký 01 bản.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 sẽ được lập thành văn bản, công bố toàn văn trên website của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An ([caphethuanan.com.vn](http://caphethuanan.com.vn)) để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng qui định của Pháp luật./.

**ĐOÀN CHỦ TỊCH**

Thành viên

**Trịnh Thị Mai Dung**

Thành viên

**Lê Văn Một**

Chủ tọa

**Bùi Tuấn Long**

**BAN THƯ KÝ**

Thành viên

**Phan Lê Kim Ngân**

Trưởng Ban

**Phạm Thành Tuấn**

C. I. C. P. \* G. M. N.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Tel: (0261) 3747 053 \* Fax: (0261) 3747 087

Số: 01/2026/BC-KT/CCD

Thuận An, ngày 22 tháng 05 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG****THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026****CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Vào hồi 14 giờ 00 ngày 22 tháng 05 năm 2026, tại: Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

- |                           |                        |            |
|---------------------------|------------------------|------------|
| 1. Ông: Trần Ngọc Nguyên  | Phó Trưởng Phòng KT-NV | Trưởng ban |
| 2. Ông: Nguyễn Trung Hiếu | Phó Trưởng Phòng KT-NV | Thành viên |
| 3. Ông: Nguyễn Văn Phúc   | Kế toán viên           | Thành viên |

đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông tới tham dự **Đại hội cổ đông thường niên năm 2026** Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

**Kết quả cụ thể như sau:**

- Tổng số cổ đông trong danh sách chốt ngày 15 /04 /2026 là: **30** cổ đông, nắm giữ **1.613.690** cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số cổ đông tham dự đại hội là: **8** cổ đông
 

<i>Trong đó :</i>	+ Tham dự trực tiếp:	<b>5</b>	cổ đông
	+ Tham dự thông qua uỷ quyền:	<b>3</b>	cổ đông

Đại diện cho quyền sở hữu 1.475.300 cổ phần, bằng 91,43 % số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 14 giờ 10 ngày 22/05/2026 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

TM/ BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

TRƯỞNG BAN

Trần Ngọc Nguyên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Tel: (0261) 3747 053 \* Fax: (0261) 3747 087

Số: 01/2026/BBKP -TAN

Thuận An, ngày 22 tháng 05 năm 2026

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT  
CÁC NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Hôm nay, ngày 22 tháng 5 năm 2026, vào lúc 16 giờ 00 phút, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được tổ chức tại Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

**Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:**

- |                           |                    |            |
|---------------------------|--------------------|------------|
| 1. Ông: Trần Ngọc Nguyên  | Phó Trưởng P.KT-NV | Trưởng ban |
| 2. Ông: Nguyễn Trung Hiếu | Phó Trưởng P.KT-NV | Thành viên |
| 3. Ông: Nguyễn Văn Phúc   | Kế toán viên       | Thành viên |

Ban kiểm phiếu đã tiến hành giám sát quá trình biểu quyết. Kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 8 tờ phiếu, đại diện cho 1.475.300 cổ phần bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu thu về: 8 tờ phiếu, đại diện cho 1.475.300 cổ phần bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Trong đó:**

- Số phiếu hợp lệ: 8 tờ phiếu, đại diện cho 1.475.300 cổ phần bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không hợp lệ: 0 tờ phiếu, đại diện cho 0 cổ phần bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Kết quả kiểm phiếu như sau:

TT	NỘI DUNG	Tán thành		Không tán thành		Không ý kiến	
		Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026	1.475.300	100	0	0	0	0

TT	NỘI DUNG	Tán thành		Không tán thành		Không ý kiến	
		Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %
2	Thông qua Báo cáo Của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026	1.475.300	100	0	0	0	0
3	Thông qua Báo cáo của BKS về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026	1.475.300	100	0	0	0	0
4	Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025	1.475.300	100	0	0	0	0
5	Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh	1.475.300	100	0	0	0	0
6	Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty	1.475.300	100	0	0	0	0
7	Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ	1.475.300	100	0	0	0	0
8	Thông qua Tờ trình Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026	1.475.300	100	0	0	0	0
9	Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025	1.475.300	100	0	0	0	0
10	Thông qua Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026	1.475.300	100	0	0	0	0

4. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

Biên bản kiểm phiếu được lập xong vào hồi 16h30, ngày 22/05/2026 và đã được thông qua công khai trước Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An .

**CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN KIỂM PHIẾU**

**HỌ VÀ TÊN**

**CHỮ KÝ**

1. Ông Trần Ngọc Nguyên



2. Ông Nguyễn Trung Hiếu



3. Ông Nguyễn Văn Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

**TÀI LIỆU HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**NĂM 2026**

Thuận An, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Tel: (0261) 3747 053 \* Fax: (0261) 3747 087

**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

<b>STT</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>NGƯỜI THỰC HIỆN</b>
1	13h30 – 14h00	Đón tiếp và đăng ký cổ đông	Ban Tổ chức
2	14h00	Khai mạc phiên họp; Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban KTTC Cổ đông
3	14h05	Giới thiệu và bầu Đoàn Chủ tịch, các Ban giúp việc Đại hội	Ban Tổ chức
4	14h10	Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội	Đoàn Chủ tọa
5	14h20	Báo cáo Của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026	Đại diện HĐQT
6	14h30	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026	Giám đốc
7	14h40	Báo cáo của BKS về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026	Đại diện BKS
8	14h45	Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán	Giám đốc Công ty
9	15h00	Thông qua các Tờ trình của Hội đồng quản trị: 1. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh. 2. Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty. 3. Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ. 4. Tờ trình về Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026. 5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025	Đoàn Chủ tịch
10	15h20	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.	Ban Kiểm soát

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
11	15h30	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo của Giám đốc, Ban Kiểm soát và các Tờ trình của HĐQT	Đoàn Chủ tịch
12	16h20	Nghỉ giải lao	
13	16h30	Thông qua kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban Kiểm phiếu
14	16h40	Thông qua Biên bản Đại hội	Ban Thư ký
15	17h00	Bế mạc Đại hội	Đoàn Chủ tịch

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Tuấn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng  
Tel: (0261) 3747 053 \* Fax: (0261) 3747 087

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

**Điều 2.** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

**Điều 3.** Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An theo Sổ đăng ký cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách là **12 giờ 00 ngày 22/05/2026** hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;
- Căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn theo quy định pháp luật;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b. Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu đại hội và **Thẻ biểu quyết màu hồng** bao gồm các nội dung: **Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết** (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền); **Các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng** (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

c. Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

d. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi,



phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban thư ký.

e. Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

f. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

#### **Điều 5. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa đại hội**

1. Đoàn chủ tịch do ĐHCĐ bầu; Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

#### **Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm **12 giờ 00 ngày 22/05/2026**; Phát tài liệu đại hội và các phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

#### **Điều 7. Ban thư ký Đại hội**

1. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b. Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c. Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

#### **Điều 8. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử**

Ban Kiểm phiếu và Bầu cử gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử có nhiệm vụ:

- a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội;
- b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;

### **CHƯƠNG III**

#### **TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

##### **Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm **12 giờ 00 ngày 22/05/2026**.

##### **Điều 10. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.**

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **Thẻ biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

Cách thức biểu quyết:

a. Biểu quyết bằng cách **Giơ tay biểu quyết /Giơ Thẻ biểu quyết (màu hồng)**: Một số vấn đề cổ đông thực hiện giơ tay biểu quyết/giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo yêu cầu của Chủ tọa để biểu quyết theo nội dung: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến, cụ thể:

- Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu và thông qua Chương trình nghị sự;
- Thông qua Biên bản và Nghị Quyết Đại hội;
- Và các nội dung khác phát sinh theo diễn biến thực tế tại Hội nghị.

b. Biểu quyết bằng cách **ghi (đánh dấu) trên thẻ biểu quyết**: các nội dung chi tiết được ghi trên Thẻ biểu quyết (**màu hồng**) các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến) các vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Thông qua Báo cáo Của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026.
- Thông qua Báo cáo của BKS về Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026.
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025.
- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh.
- Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty.
- Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ.
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

- Tờ trình về Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026.

2. Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến của từng nội dung sẽ được Trưởng Ban Kiểm phiếu thông báo kết quả tại Đại hội.

### **Điều 11. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này và Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, đối với Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về những nội dung sau sẽ được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 12. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty.

## **CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13.** Quy chế này gồm có 13 điều do Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cà phê Thuận An ban hành tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các Cổ đông, Thành viên Ban Kiểm soát, Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An. chịu trách nhiệm thi hành./- *ylh*



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ THUẬN ANCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 01/2026/BC-HĐQT

Thuận An, ngày 22. tháng 04. năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(V/v Kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026)

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025****1. Cơ cấu Hội đồng quản trị trong năm 2025**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty gồm 03 thành viên, trong đó gồm: 01 thành viên điều hành và 02 thành viên HĐQT độc lập.

Cơ cấu HĐQT được duy trì ổn định trong suốt năm, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Sự tham gia của các thành viên độc lập góp phần nâng cao tính khách quan, minh bạch trong hoạt động quản trị và giám sát.

**2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025****a. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

HĐQT đã tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; đồng thời chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế. Trên cơ sở theo dõi, giám sát thường xuyên, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo các giải pháp điều hành, đặc biệt trong công tác kiểm soát chi phí, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Kết quả thực hiện ghi nhận: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 25.607 triệu đồng, tương đương 91% kế hoạch năm (28.165 triệu đồng), tăng 7,4% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 10.016 triệu đồng, bằng 155% kế hoạch (6.465 triệu đồng), tăng 94% so với năm trước. Kết quả tích cực này chủ yếu nhờ Công ty đã kiểm soát tốt chi phí, trong đó giá vốn hàng bán giảm 38%, chi phí quản lý giảm 7% và chi phí tài chính giảm 30% so với kế hoạch; chi phí sản xuất giảm 28% so với kế hoạch và giảm 16% so với năm trước, thông qua việc tăng cường quản lý, áp dụng cơ giới hóa, nâng cao năng suất lao động và chủ động trong các khâu sản xuất.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất nông nghiệp được duy trì hiệu quả, công tác chăm sóc cà phê và cây trồng đạt năng suất cao; diện tích cà phê đa thân trồng năm 2023 cho năng suất vượt trội, chất lượng đồng đều, là nguồn nguyên liệu tốt cho chế biến và có khả năng nhân rộng. Công ty thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ đất đai, không xảy ra tình trạng lấn chiếm trái phép; hiệu quả sử dụng đất được đảm bảo. Công tác quản lý tài chính được thực hiện công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả; không phát sinh thất thoát, không có nợ xấu, không có khoản phải thu khó đòi và không phát sinh dư nợ vay; tình hình tài chính lành mạnh, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

Song song đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ, định mức kinh tế kỹ thuật và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Tập đoàn; triển khai đúng Giấy chứng nhận đầu tư, phương án cổ phần hóa và phương án sử dụng đất đã được phê duyệt, tuân thủ quy trình tái canh cà phê theo quy định. Công tác nhân sự và điều hành được thực hiện hiệu quả, bộ máy tổ chức tinh gọn, nhân sự được bố trí phù hợp, lực lượng lao động từng bước được trẻ hóa. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 9.966 triệu đồng, bằng 154% kế hoạch và tăng 97,5% so với năm 2024.

Với kết quả đạt được, năm 2025 Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ so với Kế hoạch đề ra.

#### **b. Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HDQT) hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2025, HDQT duy trì chế độ họp định kỳ với tần suất 02 lần/quý, đồng thời tổ chức các cuộc họp bất thường khi cần thiết để kịp thời xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền.

Công tác chuẩn bị các cuộc họp được thực hiện nghiêm túc, bài bản; nội dung, chương trình họp được xây dựng cụ thể, bám sát yêu cầu quản trị và tình hình thực tế của Công ty. Tài liệu họp được gửi trước đến từng thành viên HDQT theo đúng quy định để nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng thảo luận và hiệu quả ban hành nghị quyết. Các cuộc họp đều có sự tham gia đầy đủ của các thành viên, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản trị.

Trong năm 2025, HDQT đã tổ chức 12 cuộc họp (bao gồm họp định kỳ và họp bất thường) nhằm kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kịp thời đưa ra các định hướng, giải pháp điều hành. Nội dung các cuộc họp tập trung vào các vấn đề trọng tâm như: đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và xây dựng kế hoạch năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An; xem xét, thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập; cho ý kiến đối với việc sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế, văn bản về công tác nhân sự nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và nâng cao tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống quản trị nội bộ.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HDQT còn thực hiện việc thông qua các quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên HDQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, đảm bảo tính linh hoạt và liên tục trong công tác quản trị. Các quyết định được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Số Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
1	01a/2025/NQ-HDQT-TAN	04/03/2025	V/v phê duyệt triển khai tổ chức cho CBNV và CNSX tham dự Ngày hội văn hóa T&T – SHB vào ngày 15/03/2025
2	01/2025/NQ-HDQT-TAN	27/03/2025	V/v gia hạn ngày tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2025
3	02/2025/NQ-HDQT-TAN	14/04/2025	V/v thông qua Chương trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
4	03/2025/NQ-HDQT-TAN	06/05/2025	V/v bổ sung chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

5	04/2025/NQ-HĐQT	29/05/2025	V/v nâng bậc lương đối với Bà Lê Thị Định – KTT
6	05/2025/NQ-HĐQT	15/08/2025	V/v Ban hành các quy chế của Công ty CP cà phê Thuận An
7	06/2025/NQ-HĐQT	20/09/2025	về việc Phê duyệt chủ trương tài trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa sân trụ sở UBND Xã Thuận An tỉnh Lâm Đồng
8	07/2025/NQ-HĐQT	10/10/2025	về việc Phê duyệt chủ trương triển khai tổ chức ươm và chăm sóc 100.000 cây giống cà phê để chuẩn bị cho công tác xuống giống năm 2026
6	04/2025/NQ-HĐQT-TAN	09/12/2025	V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
7	01/2025/QĐ-HĐQT	15/04//2025	V/v Thành lập ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
8	02/2025/QĐ-HĐQT	15/04/2025	V/v phân công soạn thảo Văn kiện ĐHĐCD năm 2025
9	03/2025/QĐ-HĐQT	05/05/2025	V/v Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông ĐH ĐCD TN năm 2025

017384  
 0NG TY  
 0 PHÁP  
 0 PHÍ  
 0 UẬN A  
 0 W-T. L

Thông qua hoạt động họp và ban hành nghị quyết, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, chỉ đạo và giám sát đối với Ban điều hành trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra ổn định, hiệu quả, vì lợi ích của cổ đông và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

**c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị**

Các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp, nghiên cứu tài liệu và đóng góp ý kiến khách quan, độc lập trong quá trình thảo luận và ra quyết định. Các ý kiến của thành viên độc lập tập trung vào việc đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Qua đánh giá, thành viên HĐQT độc lập nhận thấy HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; các quyết định được ban hành trên cơ sở thảo luận dân chủ, minh bạch và vì lợi ích chung của Công ty.

**d. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc**

Nhìn chung, trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng giám sát đối với công tác quản lý, điều hành của Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty. Bên cạnh việc trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất, HĐQT còn thường xuyên trao đổi thông tin thông qua điện thoại, thư điện tử và các hình thức khác nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản

xuất kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các mục tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua.

HDQT đã thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định và các quy chế, quy định quản lý nội bộ. Đồng thời, HDQT phối hợp chặt chẽ với Giám đốc trong việc định hướng, xây dựng và ban hành các quyết sách quan trọng nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh; kịp thời xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Trong năm 2025, Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý đã cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện qua các kết quả nổi bật sau:

1. Hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông và HDQT thông qua;

2. Chỉ đạo triển khai nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HDQT; tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp trọng tâm theo định hướng của HDQT, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, đặc biệt là trong công tác kiểm soát và tiết giảm chi phí quản lý;

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đối với người lao động; không để xảy ra tình trạng chậm lương, nợ bảo hiểm hoặc nợ thuế nhà nước, trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn, thời tiết, thiên tai diễn biến phức tạp và giá vật tư nông nghiệp biến động tăng;

4. Tuân thủ đúng phân cấp quản trị theo Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và các quyết định, chỉ đạo của HDQT trong suốt quá trình điều hành.

#### **e. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác**

HDQT đã thực hiện giám sát đối với các cán bộ quản lý và người điều hành khác thông qua báo cáo chuyên môn, kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác phối hợp giữa các bộ phận. Qua giám sát cho thấy các đơn vị, bộ phận đã cơ bản thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo tuân thủ quy chế nội bộ, quy trình quản lý và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nhìn chung, công tác điều hành tại các bộ phận được triển khai ổn định, góp phần hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động chung của Công ty.

#### **g. Tình hình chi trả thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác đối với HDQT**

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HDQT theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tổng quỹ thù lao của HDQT năm 2025 là 120.000.000 đồng. Việc chi trả được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HDQT : 60.000.000đ/năm
- Thành viên HDQT : 30.000.000đ/người/năm

Ngoài thù lao, các chi phí hoạt động của HDQT được thực hiện theo quy chế tài chính của Công ty, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý và phục vụ hiệu quả cho công tác quản trị.

## **II. KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA HDQT TRONG NĂM 2026**

Năm 2026, HDQT xác định chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động trong một số công tác chủ yếu như sau:

1. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, bám sát chiến lược phát triển giai đoạn 2024–2028;

2. Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn, sắp xếp bộ máy nhân sự; tuyển dụng, bổ sung nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

3. Nghiên cứu, định hướng mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của Công ty;

4. Xem xét, thông qua các điều lệ, quy chế hoạt động và các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; đồng thời trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền;

5. Thực hiện tốt chức năng giám sát đối với bộ máy quản lý, điều hành; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực; đồng thời chỉ đạo chấn chỉnh, thay thế các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ;

6. Chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đồng thời đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua;

7. Chỉ đạo triển khai và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật có liên quan;

8. Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật về chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng.

Kính thưa Quý vị cổ đông!

HĐQT cảm ơn toàn thể Quý vị cổ đông, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc cùng toàn thể CBNV đã tin tưởng, đồng hành cùng HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm vừa qua. HĐQT cam kết sẽ nỗ lực hết mình thực hiện tốt mục tiêu chiến lược của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua trong năm tới vì lợi ích của các cổ đông và thương hiệu của Công ty trên thị trường.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, thịnh vượng và thành công!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *ufc*  
HỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ  
THUẬN AN  
M.S.D.N: 60001738.06  
X. THUẬN AN - T. LÂM ĐỒNG

Bùi Tuấn Long

C.T.C.P  
ĐÔNG

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ**  
**PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, định hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với những nội dung như sau:

**PHẦN I:**  
**TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NĂM 2025**

**I. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VĨ MÔ**

Năm 2025, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại nhưng ổn định hơn, trong bối cảnh lạm phát giảm, tiêu dùng tăng, nhưng đối mặt với nhiều rủi ro từ căng thẳng địa chính trị, phân mảnh thương mại.

Đối với Việt Nam, năm 2025, dù trong bối cảnh rủi ro, thách thức và cơ hội đan xen, với thách thức nhiều hơn, vừa phải khắc phục những hạn chế, bất cập nội tại và phải dành nhiều thời gian, nguồn lực để giải quyết ứng phó, khắc phục thiên tai gây hậu quả nặng nề và kéo dài tại nhiều địa phương. Với quyết tâm chính trị cao, tinh thần khẩn trương, quyết liệt, Việt Nam đã hoàn thành thể chế chính sách pháp luật với quy mô và cường độ lớn tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế và ổn định vĩ mô, GDP Việt Nam cả năm 2025 tăng 8,02%, thuộc nhóm 21 nền kinh tế có thành tích nổi bật về tăng trưởng và ổn định vĩ mô. Quy mô nền kinh tế đạt 514 tỷ USD, xếp thứ 32 thế giới và thứ 4 ASEAN; GDP bình quân đầu người 5.026 USD, chính thức trở thành quốc thu nhập trung bình cao.

**II. TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NGÀNH NÔNG SẢN NĂM 2025**

Năm 2025 khép lại đánh dấu một cột mốc lịch sử đối với ngành nông nghiệp Việt Nam. Trong bối cảnh thương mại thế giới đầy biến động, nông sản Việt không chỉ vượt qua những rào cản kỹ thuật khắt khe mà còn thiết lập những kỷ lục mới về kim ngạch, khẳng định vị thế chiến lược của một quốc gia nông nghiệp hiện đại, xanh và bền vững.

Theo dữ liệu Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2025 đạt 70,09 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2024, vượt mục tiêu năm 2025 (mục tiêu 2025 là 65 tỷ USD), nhờ vào sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do và chiến lược chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Các mặt hàng nông sản chủ lực, đóng góp trên 50% kim ngạch xuất khẩu,

với khoảng 37,25 tỷ USD, trong đó mặt hàng cà phê đạt gần 9 tỷ USD. Năm 2025 ngành hàng cà phê có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ xuất khẩu thô sang chế biến sâu, đẩy mạnh xuất khẩu cà phê đặc sản, cà phê hòa tan, cà phê rang xay thương hiệu Việt sang các thị trường khó tính như EU và Nhật Bản.

## PHẦN II: KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2025

### I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:

#### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

TT	Hạng mục nội dung	ĐV tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch đầu năm 2025	Tổng thực hiện năm 2025	% TH KH năm 2025	+/- SV năm trước	% +/- SV năm trước
<b>A</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu	<b>23.838</b>	<b>28.165</b>	<b>25.607</b>	<b>91%</b>	<b>1.769</b>	<b>7,4%</b>
1	Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ	Triệu	22.624	28.165	25.607	91%	2.983	13%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu	1,37		7,78			
3	Thu nhập khác	Triệu	1.212					
<b>B</b>	<b>Tổng chi phí</b>	Triệu	<b>18.671</b>	<b>21.700</b>	<b>15.766</b>	<b>72%</b>	<b>-2.955</b>	<b>-16%</b>
1	Giá vốn hàng bán	Triệu	12.596	15.061	9.385	62%	3.211	-25%
2	Chi phí bán hàng	Triệu	54		42		-12	-22%
3	Chi phí QLDN	Triệu	4.779	5.745	5.328	93%	549	11,5%
4	Chi phí tài chính	Triệu	309	794	560	70%	251	81%
5	Chi phí khác	Triệu	932		401		-531	-57%
6	Chi phí TNDN	Triệu	114		50		-64	-56
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu	<b>5.167</b>	<b>6.465</b>	<b>10.016</b>	<b>155%</b>	<b>4.849</b>	<b>94%</b>
<b>D</b>	<b>Thuế TNDN</b>	Triệu	<b>144</b>		<b>46</b>		<b>-98</b>	<b>-68%</b>
<b>F</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu	<b>5.052</b>	<b>6.465</b>	<b>9.966</b>	<b>154%</b>	<b>4.914</b>	<b>97%</b>
<b>G</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	Triệu	<b>16.136</b>		<b>16.136</b>			
<b>H</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	Triệu	<b>22.030</b>		<b>31.101</b>		<b>9.071</b>	<b>41%</b>

#### 2. Kết quả hoạt động sản xuất các loại cây trồng:

##### 2.1. Cây cà phê kinh doanh thời kỳ ổn định

- Diện tích cà phê kinh doanh trên 10 năm của Công ty là 48,447 ha, phân bố trên 4 khu vực (KV1: 18,87 ha; KV2: 6,614 ha; KV3A: 16,303 ha; KV3B: 6,661 ha). Năm 2025 kế hoạch sẽ đưa vào trồng dặm, cải tạo vườn cây đang ở những năm đầu của chu kỳ kinh

doanh khu vực 2,3A và 3B là 5,2 ha (thực tế thực hiện là 5,57 ha), diện tích còn lại đưa vào SXKD năm 2025 là 42,877. Hiện tại vườn cà phê phát triển không đồng đều, trên 38,95% diện tích vườn cây đã già cỗi (trồng năm 2006) đang ở thời điểm cuối của chu kỳ kinh doanh nên cây đang bị suy kiệt, già cỗi, tỉ lệ cây chết có chiều hướng gia tăng.

- Tổng sản lượng quả tươi thu hoạch niên vụ 2025 - 2026 là 450,8 tấn (KH 476 tấn quả tươi) đạt 94,7 % kế hoạch. Năng suất quả tươi bình quân năm 2025 đạt 10,4 tấn/ha, giảm 600 kg/ha so với kế hoạch.

\* **Nguyên nhân:** Vườn cà phê kinh doanh đang ở giai đoạn cuối thời kỳ kinh doanh, cây già cỗi, kém phát triển, chống chịu sâu bệnh, năng hạn kém dẫn đến năng suất giảm. Ngoài ra, công tác chỉ đạo, giám sát vườn cây của cán bộ kỹ thuật chưa sâu sát, công tác tưới nước, bón phân chưa thật sự phù hợp từng thời điểm, quy trình kỹ thuật chăm sóc vườn cây chưa được thực hiện tốt cũng là một trong các yếu tố dẫn đến giảm năng suất so với kế hoạch và so với năm 2024.

### ***2.2. Cây cà phê năm đầu thời kỳ kinh doanh (cà phê trồng năm 2022)***

Tổng diện tích cà phê kinh doanh trồng năm 2022 là 15,2 ha, tập trung tại khu vực 1, 2, 3. Công ty đang áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững. Hiện tại vườn cà phê được chăm sóc sinh trưởng và phát triển tương đối đồng đều, cây, cành khỏe mạnh, cho năng suất khá. Tổng sản lượng quả tươi thu hoạch niên vụ 2025- 2026 là 98,9 tấn, đạt 108,4% kế hoạch năm (KH 91,2 tấn quả tươi). Năng suất quả tươi bình quân năm 2025 đạt 6,5 tấn/ha.

### ***2.3. Cây cà phê trồng năm 2023 (KTCB năm 2)***

Tổng diện tích cà phê KTCB năm 2 là 43,01 ha, trong đó 24,1 ha cà phê trồng theo phương pháp đa thân tưới nhỏ giọt; 18,91 ha cà phê trồng theo phương pháp truyền thống.

Đối với diện tích 24,1 ha cà phê trồng theo phương pháp đa thân áp dụng tưới nhỏ giọt (KV 1 - 13,86 ha; KV 4 - 10,24 ha). Mặc dù đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản nhưng nhờ áp dụng kỹ thuật và phương pháp sản xuất theo phương pháp nông nghiệp công nghệ cao nên hiện vườn cây sinh trưởng và phát triển khá tốt theo như kỳ vọng, cho năng suất đạt cao, sản lượng quả tươi niên vụ 2025 – 2026 đạt 225,3 tấn, đạt 133,55 % kế hoạch năm (kế hoạch năm 2025 là 168,7 tấn), năng suất quả tươi bình quân 10 tấn/ha. Có triển vọng cao và khả thi trong việc ứng dụng và nhân rộng mô hình sản xuất tại Công ty và cộng đồng.

Đối với diện tích 18,91 ha cà phê trồng theo phương pháp truyền thống (KV 3B núi lửa 18,2 ha; KV 2 - 0,71 ha). Mặc dù đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản nhưng nhờ áp dụng kỹ thuật và phương pháp sản xuất theo phương pháp nông nghiệp công nghệ cao nên vườn cây sinh trưởng và phát triển khá tốt theo như kỳ vọng, cho năng suất đạt cao, sản lượng quả tươi niên vụ 2025 – 2026 đạt 153,3 tấn, bình quân 8,1 tấn/ha, đạt 231,4% kế hoạch năm 2025.

### ***2.4. Cây cà phê trồng năm 2024***

Tổng diện tích cà phê trồng mới năm 2024 là 45,06 ha trong đó 32,05 ha cà phê trồng theo phương pháp đa thân tưới nhỏ giọt; 9,21 ha cà phê trồng theo phương pháp truyền thống và 3,8 ha cà phê Arabica (cà phê chè Catimor) trồng xen trong vườn Sachi. Các vườn cà phê sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh. Hiện tại các vườn cà phê đã bắt đầu cho hoa và sẽ đóng góp vào doanh thu trong mùa vụ tới.

### **2.5. Cây Sachi:**

Tổng diện tích 7,74 ha, tổng sản lượng năm 2025 đạt 26 tấn, đạt 63,7% kế hoạch, năng suất bình quân hơn 3,5 tấn/ha. Hiện tại vườn cây có hiện tượng úng rễ, một số cây bị chết khô. Trong thời gian tới cần tiếp tục theo dõi xử lý bệnh để đảm bảo vườn cây phục hồi và phát triển.

### **2.6. Trồng và chăm sóc nha đam:**

Tổng diện tích 6,5 ha cây nha đam hiện đang được Công ty áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng đối với đơn vị diện tích đất. Hiện tại vườn nha đam được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, khỏe mạnh và sẽ cho sản lượng và đóng góp vào doanh thu của Công ty trong năm tới.

### **2.7. Cây Cà phê khoán, cao su liên kết.**

Đến năm 2025 Công ty còn 4,59 ha cà phê khoán còn thời hạn hợp đồng đến năm 2040 (hộ ông Trần Văn Vân 4,59 ha cao su, cà phê, tiêu). Hiện tại các hợp đồng này đều còn giá trị pháp lý nên Công ty vẫn tiếp tục thực hiện, hộ nhận khoán hiện đã hoàn thành các nghĩa vụ giao nộp sản phẩm được quy định theo Hợp đồng ký kết.

### **2.8. Cây hằng năm (Cây bắp giống)**

Năm 2025, Công ty tiếp tục hợp tác với Công ty TNHH Syngenta Việt Nam, tổ chức liên kết sản xuất, đầu tư và bao tiêu toàn bộ sản phẩm theo giá hợp đồng từ đầu vụ, tổ chức sản xuất 86 ha bắp giống Syngenta vụ 1 (từ tháng 4 đến tháng 11/2025), đơn vị đã áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất: cơ giới hoá bằng máy gieo hạt, bón lót để giảm chi phí nhân công, chi phí sản xuất. Tổng sản lượng thu hoạch đạt 422 tấn quả, đạt 80% kế hoạch (KH là 522 tấn)

### **2.9. Ươm cây giống cà phê**

Năm 2025, Công ty đã tiến hành ươm được 68.000 cây giống cà phê thực sinh kế hoạch Đại hội cổ đông thông qua vượt kế hoạch 8.000 cây (tương ứng đạt 113,33 % kế hoạch), trong đó đã xuất vườn 31.000 cây trồng tại KV2 5,7 ha và 3,5 ha KV4 và trồng dặm cho cà phê 9,21 ha trồng năm 2024.

Đợt 2 thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 10/10/2025 là 100.000 cây, đã thực hiện 109.720 cây (trong đó: 59.720 cây xanh lùn, 50.000 TR4) vượt 9.720 cây (tương ứng đạt 109,72% kế hoạch) hiện tại số cây giống này đang được chăm sóc tại vườn ươm, dự kiến tháng 6/2026 xuất trồng cho 54 ha tại KV2, KV4 và KV3a.

## **2.10. Đối với 3,8 ha cà phê Arabica (cà phê chè Catimor) trồng xen trong vườn Sachi:**

Duy trì áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững. Hiện tại vườn cà phê được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh. Dự kiến sẽ cho sản lượng trong năm tới.

### **3. Kết quả hoạt động chế biến cà phê:**

- Cà phê quả tươi: Tổng sản lượng cà phê quả tươi niên vụ 2025 – 2026 đạt 930.549 kg. Trong đó xuất bán tươi: 259.506,7 kg; đưa vào chế biến ướt: 130.726 kg; đưa vào chế biến phơi, sấy: 494.777,4 kg; đưa vào chế biến cà phê đặc biệt (cà phê quả chín 100%): 45.539 kg.

- Cà phê nhân xô phơi, sấy: Tổng sản lượng đạt 121.597 kg (trong đó đã xuất bán đến ngày 31/12/2025 là: 33.072,84 kg, số lượng nhập kho: 88.524,8 kg), đạt 116% kế hoạch (KH năm 2025 là 105 tấn).

- Cà phê nhân chế biến ướt: Tổng sản lượng đạt 26.701 kg, đạt 267% kế hoạch (KH năm 2025 là 1 tấn).

- Cà phê nhân đặc biệt: Tổng sản lượng đạt 10.806,6 kg.

- Cà phê thành phẩm: Tổng doanh thu đạt 1.023,3 triệu đồng.

Sản lượng: **Cà phê bột:** 845,5 kg. Trong đó, cà phê bột loại đặc biệt là 31 kg (sử dụng nguyên liệu cà phê niên vụ 2024-2025), cà phê bột loại bình thường là 142,5 kg (sử dụng nguyên liệu cà phê niên vụ 2024-2025), cà phê bột chế biến ướt là 672 kg (sử dụng nguyên liệu cà phê niên vụ 2025-2026). **Cà phê hạt rang:** 177,75 kg. Trong đó loại chế biến ướt là 87 kg, cà phê loại bình thường là 91 kg (sử dụng nguyên liệu cà phê niên vụ 2024-2025, do cà phê nhân chế biến ướt niên vụ 2025 – 2026 đến cuối tháng 12/2025 mới có sản phẩm).

## **II. Kết quả công tác tổ chức, quản lý nhân sự:**

### **1. Cơ cấu tổ chức lao động:**

- Ban giám đốc: 01 (Giám đốc)

- Các phòng, ban:

+ Văn phòng: 08 người

+ Phòng Tài chính kế toán: 04 người

+ Phòng Kỹ Thuật Nghiệp vụ: 10 người

- Công nhân sản xuất trực tiếp: 65 người

- Tổng số lao động: 87 người, trong đó: công nhân lao động là người đồng thiểu số tại chỗ là 40 người (chiếm 46% tổng lao động).

### **2. Quản lý nhân sự của công ty:**

- Tuyển dụng mới: 20 người

- Số lao động có thâm niên công tác trên 5 năm: 14 người, chiếm 16%
- Lao động trên 50 tuổi: 5 người
- Lao động nữ: 41 người, chiếm 47.7%
- Lao động đã qua đào tạo đại học: 18 người, chiếm 20,9%
- Số lao động nghỉ việc: 19 người
- Số lượng lao động Công ty đơn phương chấm dứt HĐLĐ: 4 người
- Số người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng với công ty: 15 người
- Số lao động bị Công ty xử lý kỷ luật sa thải: 4 người
- Số lượng các trường hợp xử lý vi phạm kỷ luật trong kỳ: 6 người

### **3. Chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi người lao động, an sinh xã hội và trách nhiệm cộng đồng**

- Thu nhập của CBCBV, người lao động ngày một cải thiện đáng kể so với những năm trước, thu nhập bình quân đạt 7,5 triệu đồng/người/tháng, các khoản phúc lợi, chế độ bảo hiểm cho người lao động thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

- Đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động. Quan tâm đến điều kiện làm việc cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, thân thiện, có bản sắc văn hóa riêng, đảm bảo cho Công ty phát triển bền vững, hiệu quả.

- Hàng năm công ty đều có chính sách thăm hỏi, tặng quà, tiền thưởng, chế độ nghỉ mát cho người lao động nhân các ngày lễ trong năm, như Quốc khánh 2/9, Tết dương lịch, âm lịch, ngày quốc tế lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV và người lao động, ... Cụ thể: theo chính sách Tập đoàn thưởng cho người lao động công ty tháng lương 13 nhân dịp Tết Dương lịch, thưởng Tết âm lịch theo xếp loại đơn vị A1- Đơn vị xuất sắc hoàn thành các chỉ tiêu KHSXKD của công ty từ 0,5 tháng đến 2 tháng lương cho người lao động dựa trên kết quả xếp loại hàng năm...

- Công ty giải quyết việc làm mùa vụ cho 150 lao động đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ của 2 bon Sapa, Bu Đắc, xã Thuận An, mức thu nhập bình quân 350.000 đồng/người/ngày; Vào các dịp khai giảng năm học, Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát, Giám đốc dành tặng 50 bộ sách giáo khoa mới, 1.000 cuốn vở cùng các dụng cụ học tập cho con em đồng bào dân tộc 2 bon Sapa, Bu Đắc; tài trợ làm 400 m<sup>2</sup> sân trường cho trường mẫu giáo phân hiệu buôn Sapa với số tiền 48 triệu đồng; hàng năm tặng 100 suất quà tết cho người nghèo (400.000 đồng/suất), tặng quà nhân lễ Giáng sinh cho đồng bào thiểu số gặp khó khăn; đóng góp quỹ khuyến học, đóng góp chương trình Nông thôn mới của địa phương

### **4. Công tác quản lý đất đai**

- Hiện tại Công ty Cổ phần cà phê Thuận An đang quản lý 282,62 ha đất, với 32 Giấy CNQSDĐ Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ, quản lý đất đai theo quy chế, phân công bảo vệ chuyên trách thường xuyên tuần tra đồng thời gắn trách nhiệm của cán bộ chỉ đạo sản xuất tham gia bảo quản tài sản;

- Đối với diện tích đất có nguy cơ xảy ra lấn chiếm, ngoài việc tuần tra, kiểm soát, công ty đã lập hàng rào, cổng bảo vệ, quy hoạch lại đường lô, hạn chế việc đi lại trong khu vực sản xuất của Công ty.

### **III. Đánh giá chung:**

#### **1. Thành tích đạt được:**

1.1. Về doanh thu: Mặc dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 91% kế hoạch năm (25.607 triệu đồng/28.165 triệu đồng), tuy nhiên tăng 7,4% so với thực hiện năm trước.

1.2. Lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 155% kế hoạch 2025 (10.016 triệu đồng/6.465 triệu đồng), và tăng 94% so với năm 2024. Nguyên nhân năm 2025 các khoản chi phí về giá vốn hàng bán, chi phí quản lý và chi phí tài chính giảm so với kế hoạch (chi phí giá vốn hàng bán giảm 38%, chi phí quản lý giảm 7% và chi phí tài chính giảm 30%).

1.3. Chi phí: Chi phí sản xuất năm 2025 giảm 28% so với kế hoạch và giảm 16% so với năm trước. Nguyên nhân trong năm 2025 Công ty đã quản lý, kiểm soát tốt chi phí sản xuất kinh doanh, từng bước áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chủ động trong việc chăm sóc, thu hoạch và chế biến, kịp thời chỉ đạo xử lý các quy trình sản xuất cây trồng.

1.4. Chăm sóc cà phê và cây trồng đạt hiệu quả, năng suất cao, cụ thể: cà phê đa thân trồng năm 2023 cho năng suất vượt trội, chất lượng quả đồng đều, đây là nguồn nguyên liệu tốt cho việc cung ứng nguyên liệu cho nhà máy chế biến cà phê rang xay thời gian tới, đồng thời là mô hình mẫu, chuyển giao và nhân rộng trong nhân dân.

1.5. Về quản lý sử dụng đất đai, tài sản: Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ, quản lý đất đai theo quy chế, trong năm không xảy ra lấn, chiếm đất đai trái phép, phát huy hiệu quả sử dụng đất đai.

1.6. Về quản lý tài chính: Công tác quản lý tài chính được thực hiện đúng theo quy chế tài chính của Công ty, theo nguyên tắc công khai, minh bạch, có hệ thống, tiết kiệm và hiệu quả nên trong năm công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, không xảy ra thất thoát và hạn chế tối đa được rủi ro. Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi tồn đọng và nợ vay, nợ khách hàng.

1.7. Tình hình tài chính của công ty khá lành mạnh, Quy mô nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty được bảo toàn và phát triển.

1.8. Về hoàn thiện hệ thống, thực hiện tuân thủ pháp luật: Xây dựng và hoàn thiện Quy chế tiền lương, thưởng và chế độ phúc lợi xã hội theo mức lương tối thiểu vùng mới; Định mức kinh tế kỹ thuật đối với trồng và chăm sóc các loại cây trồng Công ty trình các Ban của Tập đoàn thẩm định phê duyệt.

1.9. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Tập đoàn trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

1.10. Về kết luận triển khai Phương án Cổ phần hóa: Công ty đã triển khai dự án theo đúng Giấy chứng nhận đầu tư và Phương án Cổ phần hóa, Phương án sử dụng đất được phê duyệt, thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định 2085/QĐ-BNN&PTNT, ngày 31/05/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy trình tái canh cà phê vối và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

1.11. Công tác nhân sự, quản lý điều hành của Ban lãnh đạo trong năm thực hiện tốt, đã đưa công ty phát triển ổn định, năng lực tài chính ngày càng cải thiện đáng kể, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 9.966 triệu đồng, đạt 154% kế hoạch và tăng 97% so với năm 2024 (tăng tương ứng 4.914 triệu đồng so với năm 2024). Bộ máy phòng ban công ty tinh gọn, nhân lực được bố trí phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn đào tạo; nhân lực của Công ty đang dần được trẻ hóa, có trình độ, nhiệt huyết, hướng đến đạt chuẩn nhân lực chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn chung của Tập đoàn.

Từ kết quả nêu trên, năm 2025, Công ty CP Cà phê Thuận An được Chủ tịch Điều hành xếp loại đơn vị A1, Thủ trưởng đơn vị cũng được xếp loại A1. Đây là kết quả đáng được ghi nhận và làm cơ sở triển khai Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm 2026.

## **2. Các tồn tại, hạn chế:**

2.1. Chăm sóc vườn cà phê kinh doanh thời kỳ ổn định và một số cây trồng đạt năng suất thấp so với kế hoạch, cụ thể:

1) Chăm sóc vườn cà phê kinh doanh thời kỳ ổn định: Năm 2025 diện tích cà phê kinh doanh thời kỳ ổn định của Công ty là 47,48 ha, không đạt theo kế hoạch, một phần do diện tích cây đã già cỗi (đã 20 năm tuổi) chiếm 38,95% diện tích, đến thời điểm cuối thời kỳ kinh doanh, kém phát triển. Ngoài ra, công tác chỉ đạo, giám sát vườn cây của cán bộ kỹ thuật chưa sâu sát, vẫn còn tình trạng mất cấp phân bón trong lô... Tuy nhiên, đã phát hiện kịp thời xử lý.

2) Chăm sóc vườn cây Sa chi: Tổng diện tích 7,74 ha, tổng sản lượng năm 2025 đạt 26 tấn, đạt 63,7% kế hoạch. Hiện tại vườn cây có hiện tượng úng rễ, một số cây bị bệnh chết khô. Trong thời gian tới cần tiếp tục theo dõi xử lý bệnh để đảm bảo vườn cây phục hồi và phát triển.

3) Trồng, chăm sóc cây bắp giống: Năm 2025, Công ty tiếp tục hợp tác với Công ty TNHH Syngenta Việt Nam, tổ chức liên kết sản xuất, đầu tư và bao tiêu toàn bộ sản phẩm theo giá hợp đồng từ đầu vụ, tổ chức sản xuất được 86 ha bắp giống Syngenta, đơn vị đã áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất: cơ giới hoá bằng máy gieo hạt, bón lót để giảm chi phí nhân công, chi phí sản xuất. Tổng sản lượng thu hoạch đạt 422 tấn quả, không đạt kế hoạch năm, nguyên nhân chủ yếu là trồng không hết diện tích, bỏ trống các góc cây, bờ lô còn nhiều, vẫn nạn cỏ nhiều trong giữa lô còn nhiều, chưa xử lý triệt để, còn nẻ nang và ngại va chạm trong khâu nghiệm thu và xử lý.

4) Doanh thu không đạt kế hoạch đề ra (đạt 91%). Sản lượng cà phê kinh doanh thời kỳ ổn định 48,47 ha không đạt kế hoạch (đạt 95%), năng suất quả tươi giảm 600 kg/ha so với kế hoạch.

5) Công tác quản lý, theo dõi và chăm sóc vườn cây chưa chặt chẽ, cán bộ quản lý chưa có kế hoạch giao nhiệm vụ và giám sát nhân viên trực tiếp phụ trách từng khu vực, vườn cây. Thụ động trong tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, chưa bám sát đồng ruộng và theo dõi quá trình thực hiện chăm sóc vườn cây của công nhân, (nhất là khâu tưới nước, cắt cành, vắn nạn cắt cỏ vào thân cây còn diễn ra nhiều) dẫn đến tình trạng chậm tiến độ kế hoạch chăm sóc, chưa theo dõi chặt chẽ tình trạng sâu bệnh, sức khỏe vườn cây. Chất lượng làm việc của công nhân chưa thực sự đáp ứng yêu cầu. Công tác theo dõi chăm sóc ngô giống còn chưa tốt; việc ngăn chặn và làm cỏ còn chậm, dẫn đến cây trồng phát triển không đồng đều, năng suất không đạt theo kế hoạch đề ra.

6) Công tác thu hoạch, chế biến còn thụ động, việc theo dõi, đánh giá vườn cây để phục vụ xây dựng kế hoạch triển khai chưa kịp thời. Không quy tụ, tập trung được công nhân trong thực hiện kế hoạch thu hoạch, bị động, thiếu nhân công, chậm trễ thu hoạch mùa vụ (do thời tiết mưa nhiều, ảnh hưởng đến việc thu hoạch; cà quả chín rụng nhiều, ý thức một số công nhân còn kém, không tham gia thu hoạch sản lượng).

Việc xây dựng kế hoạch chế biến chưa đảm bảo chất lượng về công tác nhân sự, thiếu nhân công, không có phương án thay thế nhân sự, nhất là công nhân chế biến ướt, chế biến nhân xô dẫn đến kéo dài thời gian chế biến; việc phân loại sản lượng phơi xô giữa cà kinh doanh và cà kiến thiết cơ bản còn nhầm lẫn, dẫn đến không tách biệt cà phê nhân xô của cà kinh doanh và cà kiến thiết cơ bản của công ty.

7) Công tác bảo vệ tuy có sự chuyển biến tích cực, nhưng vẫn nạn san lấp, đào bới đất Công ty dọc theo tuyến đường trong dân còn diễn biến phức tạp, bỏ rác bừa bãi trên lộ và dọc tuyến đường Công ty còn khá nhiều, chưa có biện pháp xử lý triệt để; tình trạng nê nang, né tránh còn nhiều, đây là những nguyên nhân, tồn tại cần phải được khắc phục thời gian tới.

8) Về thiết kế lô thửa, chưa tập trung chốt chặn các điểm cuối đường nội đồng, dẫn đến tình trạng người dân ngang nhiên đi trong lô còn nhiều; ý thức tự giác của một số công nhân còn thấp, đối phó trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch sản xuất công ty.

9) Hiện nay các phòng ban Công ty đã được bố trí cán bộ quản lý phù hợp, tuy nhiên vẫn còn hạn chế về mặt chuyên môn, nhất là đối với bộ phận KTNV. Riêng Phòng Kinh doanh – Tổng hợp của Công ty hiện nay chưa tuyển dụng được đầy đủ nhân sự để hoạt động độc lập nên hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, chủ yếu giao cho Văn phòng kiêm nhiệm.

10) Một số nhân viên vẫn còn hạn chế về mặt chuyên môn nghiệp vụ, bị động trong việc xây dựng kế hoạch công việc và việc triển khai kế hoạch theo dõi, giám sát vườn cây; thiếu, yếu về kinh nghiệm quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ; đặc biệt là bộ phận

kỹ thuật nghiệp vụ. Thiếu cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong sản xuất chế biến cà phê (cà phê nhân chất lượng cao, cà phê rang xay).

11) Công tác thu hoạch shachi còn bỏ ngõ, không chú trọng, dẫn đến hàng năm dù quả chín trên cây còn nhiều, nhưng vẫn không có người thu hoạch, dẫn đến doanh thu, sản lượng không đạt yêu cầu.

### **Phần thứ III:**

## **PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NÔNG SẢN NĂM 2026**

#### **1. Tình hình kinh tế vĩ mô**

Năm 2026 có ý nghĩa quan trọng, khởi đầu giai đoạn phát triển mới, là năm diễn ra các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước: Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 – 2030. Với ý nghĩa đó, đồng thời tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả, thành tựu kinh tế - xã hội đã đạt được trong năm 2025 và đã được Nhân dân và cộng đồng quốc tế đánh giá cao, Quốc hội, Chính phủ đã đặt ra các mục tiêu điều hành kinh tế vĩ mô năm 2026, như: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) phấn đấu từ 10% trở lên; GDP bình quân đầu người đạt 5.400 - 5.500 đô la Mỹ (USD); ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Ngành nông nghiệp được xác định là trụ đỡ phát triển của nền kinh tế. Trong khi đó, dự báo tình hình thế giới tiếp tục phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ bên ngoài; các vấn đề dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục ảnh hưởng nặng nề.

#### **2. Về phát triển ngành nông nghiệp năm 2026.**

Nông nghiệp tiếp tục được xác định là trụ đỡ, động lực tăng trưởng xanh của nền kinh tế, giữ vai trò then chốt trong bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, ổn định xã hội và sinh kế cho người dân nông thôn. Với việc vừa sản xuất vừa bảo vệ môi trường, ngành nông nghiệp hiện đóng góp gần 12% GDP. Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những nước hàng đầu thế giới về an ninh lương thực và xuất khẩu nông sản. Năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 70,09 tỷ USD, xuất siêu 20,7 tỷ USD, khẳng định vị thế nông sản Việt Nam trên bản đồ thương mại toàn cầu.

Bước sang năm 2026, năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030, năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, ngành nông nghiệp đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP đạt 3,7%; tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 73-74 tỷ USD. Với các nông sản chủ lực gồm gạo, cà phê, rau quả, hồ tiêu và điều. Tuy nhiên, rủi ro vẫn hiện hữu trong khi biến đổi khí hậu, bất ổn địa chính trị, chi phí logistics và xu hướng sử dụng thuế như công cụ thương mại tại một số thị trường lớn tiếp tục tạo ra yếu tố bất định. Trọng tâm của nông nghiệp là phát triển dựa trên năng

suất, chất lượng và đổi mới sáng tạo, lấy khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và tổ chức lại sản xuất làm động lực chính.

Theo dự báo của các tổ chức như Ngân hàng thế giới, Bộ nông nghiệp Mỹ, Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam và Viện Kinh tế Tài chính (Bộ Tài chính), nhận định thị trường cà phê năm 2026 trong trạng thái dư cung, nên giá cà phê có thể biến động giảm. Trong khi giá nhiên liệu, phân bón được dự báo tăng cao trong năm 2026, tạo áp lực tăng chi phí đầu vào đối với ngành sản xuất nông nghiệp.

## II. ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2026:

**1. Định hướng:** Tập trung triển khai thực hiện đúng, kịp thời, đầy đủ quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đối với công tác chăm sóc, phát triển các vườn cây trồng, nhất là đối với các vườn cây cà phê thời kỳ kinh doanh và cà phê kiến thiết cơ bản. Đảm bảo các vườn cây phát triển tốt, đồng đều, hạn chế sâu bệnh, cho năng suất đạt và vượt kế hoạch đề ra. Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác chế biến sau thu hoạch đối với cà phê, nhất là cà phê chế biến theo phương pháp chế biến ướt, cà phê đặc biệt nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. Tăng cường hợp tác với đối tác liên kết sản xuất, kinh doanh đối với các sản phẩm cây hàng năm, cây ngắn ngày và cây nha đam, nhằm bổ sung nguồn thu và lợi nhuận cho Công ty.

### 2. Mục tiêu:

- Mục tiêu dài hạn của Công ty

Đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, hiện đại vì sức khỏe cộng đồng, người tiêu dùng, cung cấp ra thị trường sản phẩm chất lượng cao, mang lại lợi nhuận cho Công ty và Tập đoàn. Tạo việc làm, thu nhập ổn định, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động Công ty.

- Mục tiêu trung hạn (đến 2036):

Thực hiện sản xuất cà phê đạt các tiêu chuẩn 4C, tiêu chuẩn RA, hướng tới sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, nông nghiệp xanh. Đảm bảo sản xuất an toàn, bền vững, đạt chất lượng, năng suất cao.

- Mục tiêu ngắn hạn (đến 2030)

Hoàn thành tái canh cây cà phê. Áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất, tạo ra sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm cà phê chất lượng cao, an toàn. Phát triển sản xuất, chế biến và đưa thương hiệu cà phê THUAN AN T&T COFFEE thâm nhập thị trường.

Hợp tác sản xuất bao tiêu sản phẩm đối với các sản phẩm phụ, cây ngắn ngày trong giai đoạn thực hiện tái canh, kiến thiết cơ bản các vườn cà phê, bổ sung nguồn thu với phương châm lấy ngắn nuôi dài. Doanh thu và lợi nhuận tăng đều hai con số qua các năm.

### 3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

#### 3.1 Chỉ tiêu tài chính

Hạng mục nội dung	ĐV tính	Thực hiện năm trước	Kế hoạch đầu năm	+/- SV năm trước	% +/- SV năm trước
<b>TỔNG DOANH THU</b>	Triệu	25.607	37.642	12.035	47
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	Triệu	15.766	26.393	10.627	67,4
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	Triệu	10.016	11.249	1.233	12,3
<b>TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TNDN)</b>	Triệu	9.966	11.177	1.211	12,15
<b>TỔNG DOANH THU</b>	Triệu	25.607	37.642	12.035	47
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp SP/DV	Triệu	25.607	37.642	12.035	47
<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	Triệu	15.766	26.393	10.627	67,4
Giá vốn hàng bán	Triệu	9.385	19.091	9.706	103,4
Chi phí bán hàng	Triệu	42	-		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu	5.328	6.554	1.226	23
Chi phí tài chính	Triệu	560	748	188	33,6
Chi phí khác	Triệu	401	-		
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	Triệu	10.016	11.249	1.233	12,3
Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh chính	Triệu	10.016	11.249	1.233	12,3
<b>THUẾ TNDN</b>	Triệu	50	72	12	24
<b>TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TNDN)</b>	Triệu	9.966	11.177	1.211	12,15

**3.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi, mua sắm, máy móc thiết bị, sửa chữa lớn:**

TT	Tên dự án	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi</b>		
1	Làm sân phơi	Làm 2.500 m <sup>2</sup> sân bê tông phục vụ phơi cà phê	500
2	Làm hàng rào kho chế biến	Làm 500 m hàng rào bảo vệ kho, sân phơi chế biến	600
3	Nhà bảo vệ, vọng gác và trạm bơm kv4, kv2	Xây dựng nhà bảo vệ, vọng gác và trạm bơm tại khu vực 4 và khu vực 2 phục vụ công tác bảo vệ và lắp đặt máy bơm tưới	190
4	Vọng gác trồng bảo vệ cà phê KV1	Xây dựng nhà bảo vệ phục vụ công tác bảo vệ vườn cây	30
5	Làm hàng rào KV4 + KV3A (trụ bê tông+ kẽm gai+ công thi công)	Làm 3.800 m hàng rào bảo vệ vườn cây tại KV4 + KV3A	380
6	Hồ chứa kv4 (20x25x3m)	Làm hồ chứa nước phục vụ sản xuất và chăm sóc cây trồng tại khu vực 4	165

TT	Tên dự án	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
7	Hàng rào B40 ao KV4, KV2	Làm hàng rào bảo vệ an toàn sản xuất tại ao tưới khu vực 4 và khu vực 2	30
<b>II Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị</b>			
1	Mua máy rang xay cà phê	Đầu tư mua sắm 01 hệ thống rang xay cà phê công suất 30 kg/mê	400
2	Mua Xe xúc lật	Đầu tư mua sắm 01 xe xúc lật phụ vụ chế biến cà phê	260
3	Hệ thống điện 03 pha kv4, kv2 tổng chiều dài 700 m	Lắp đặt hệ thống điện 3 pha phục vụ sản xuất, chăm sóc vườn cà phê khu vực 4 và khu vực 2	68
4	Hệ thống camera + trụ sắt phi 60	Lắp đặt 10 hệ thống camera phục vụ giám sát, bảo vệ vườn cây	35,2
5	Ống nhôm quan sát phục vụ bảo vệ	Mua sắm 02 ống nhôm phục vụ giám sát, bảo vệ vườn cây	11
6	Gầu hút xay cà phê nhân	Mua 02 gầu hút xay cà phê nhân	70
<b>III Sửa chữa lớn</b>			
1	Sửa chữa nhà kho khu chế biến	Sửa chữa 300 m <sup>2</sup> nhà kho phục vụ chế biến cà phê	360
<b>Tổng</b>			<b>3.099,2</b>

### 3.3. Chỉ tiêu kế hoạch thu chi tài chính của công ty

TT	Hạng mục	Tổng (trđ)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Số dư đầu năm mang sang</b>	<b>5.000</b>	
<b>B</b>	<b>Thu từ hoạt động sxkd</b>	<b>37.642</b>	
1	Thu tiền bán cà phê nhân xô niên vụ 2025- 2026	10.990	
2	Thu tiền bán cà phê thành phẩm	600	
3	Thu từ bán cà phê quả tươi niên vụ 2026-2027	5.033	
4	Thu từ bán cà phê nhân xô niên vụ 2026-2027	13.001	
5	Thu tiền tạm ứng/ bán bắp giống	3.305	
6	Thu tiền bán nhà đăm	3.554	
7	Thu tiền bán cây cà phê giống	350	
8	Thu tiền bán sachi	660	
9	Thu từ liên kết sản xuất cây dài ngày	150	
<b>C</b>	<b>Thu tiền vay sxkd</b>	<b>10.000</b>	

TT	Hạng mục	Tổng (trđ)	Ghi chú
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>52.206</b>	
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ SX KD</b>	<b>37.690</b>	
1	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 42,87ha	4.655	
2	Chi phí chăm sóc cà phê trồng cải tạo năm 2025( 5,57ha)	147	
3	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 15,2ha	1.648	
4	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 18,91ha	1.932	
5	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cà phê đa thân kinh doanh 24,1ha	3.328	
6	Chăm sóc cà phê KTCB năm 2 - 9,21ha	1.021	
7	Chăm sóc cà phê KTCB đa thân năm 2 - 32ha	3.680	
8	Chăm sóc cà phê KTCB chè xen sachi - 3,8ha	467	
9	Chăm sóc cà phê KTCB chè N1 - 1,13ha	119	
10	Chăm sóc cà phê KTCB N1 đa thân - 5,57ha	1.171	
11	Trồng mới cà phê đa thân 23,9ha KV4	3.338	
12	Trồng mới cà phê đa thân 13ha xen nha đam KV4	2.058	
13	Trồng mới cà phê đa thân 13,7ha tưới truyền thống	1.575	
14	Sản xuất 41ha bắp giống	1.998	
15	Chăm sóc và thu hoạch 6,5ha nha đam	3.272	
16	Chăm sóc và thu hoạch 4ha Sachi	538	
17	Chăm sóc vườn ươm 37.000 cây giống cà phê năm 2 và 100.000 năm 1	23	
18	Ươm 120.000 cây giống cà phê	440	
19	Ươm 130.000 cây giống cà phê	371	
20	Ươm 10.000 cây giống cà ri	42	
21	Ủ phân HCVS	223	
22	Xây dựng cơ sở hạ tầng , mua sắm thiết bị	3.029	
23	Chi phí bảo vệ, thu hoạch và chế biến cà phê nhân xô	2.303	
24	Chăm sóc cây cau	195	

TT	Hạng mục	Tổng (trđ)	Ghi chú
25	Chăm sóc 2ha cà ri	115	
II	Chi trả lãi vay ngân hàng	640	
III	Chi trả tiền gốc vay	7.200	
IV	Chi trả nợ Khang Thịnh	722	
V	Chi hoạt động thường xuyên	5.304	
VI	Chi nộp tiền thuê đất	650	
D	THU - CHI	436	

- Kế hoạch vay vốn sản xuất kinh doanh:

Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn phục vụ đầu tư, chăm sóc vườn cây cà phê đã xuống giống năm 2024, 2025; cà phê trồng mới đa thân thả dọt năm 2026 và bấp giống vụ 1 năm 2026.

Hạn mức vay: **10.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn, có phương án vay vốn kèm theo)

Thời gian bắt đầu vay – thời gian đáo hạn vay: 05 năm từ tháng 06/2026 - tháng 06/2031.

### 3.4. Kế hoạch sản xuất, chăm sóc cà phê:

- Đối với diện tích cà phê kinh doanh ổn định (42,87 ha): Hiện tại vườn cà phê đang ở giai đoạn cuối thời kỳ kinh doanh, cây già cỗi, kém phát triển, chống chịu sâu bệnh, năng hạn kém do đó cần tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát vườn cây, công tác tưới nước, bón phân phù hợp từng thời điểm, quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo vườn cây phát triển ổn định, đạt năng suất, duy trì tiêu chuẩn 4C đã được chứng nhận và đăng ký sản xuất đạt chứng nhận RA. **Đảm bảo năng suất quả tươi năm 2026 đạt 10,5 tấn/ha.**

- Đối với diện tích 15,2 ha cà phê trồng năm 2022 (năm đầu thời kỳ kinh doanh): Tiếp tục duy trì áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững. Đảm bảo duy trì vườn cà phê được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh, cho năng suất cao. **Năm 2026 năng suất quả tươi bình quân đạt 9 tấn/ha.**

- Đối với 18,91 ha cà phê truyền thống (năm đầu thời kỳ kinh doanh): Tiếp tục duy trì áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng đối với đơn vị diện tích đất. Đảm bảo duy trì vườn cà phê được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh, cho năng suất cao. **Năm 2026 năng suất quả tươi bình quân đạt 13 tấn/ha.**

- Đối với 24,1 ha cà phê đa thân (năm đầu thời kỳ kinh doanh): Tiếp tục duy trì áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông

nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng đối với đơn vị diện tích đất. Đảm bảo vườn cà phê được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh, cho năng suất cao vượt trội so với phương pháp truyền thống. **Năm 2026 năng suất quả tươi bình quân đạt 18 tấn/ha.**

- Đối với 9,21 ha cà phê truyền thống (KTCB năm 2): Tiếp tục duy trì áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững. Đảm bảo duy trì vườn cà phê được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh. **Phần đầu năm 2026 đạt sản lượng quả tươi bình quân 3 tấn/ha.**

- Đối với 32 ha cà phê đa thân (KTCB năm 2): Tiếp tục duy trì áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng đối với đơn vị diện tích đất. Đảm bảo vườn cà phê được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh. **Phần đầu năm 2026 đạt sản lượng quả tươi bình quân 7 tấn/ha.**

- Đối với cà phê Arabica (cà phê chè Catimor) trồng xen trong vườn Sachi: Tiếp tục duy trì áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững. Đảm bảo duy trì vườn cà phê được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh. **Phần đầu năm 2026 sản lượng quả tươi trên diện tích 3,8 ha cà phê KTCB năm 2 đạt 8 tấn/ha.**

- Đối với cà phê trồng dặm (5,57 ha): Đảm bảo duy trì vườn cà phê được chăm sóc tốt, sinh trưởng và phát triển đồng đều, cây, cành khỏe mạnh.

- Trồng mới cà phê: Tiến hành cây, xới đất, xử lý đất phòng trừ sâu bệnh, thiết kế lô, thửa và giống để trồng mới 50,6 ha cà phê trên diện tích đất tái canh cà phê theo Phương án Cổ phần của Công ty đã được phê duyệt (gồm: 13,7 ha cà phê đa thân tưới truyền thống, 13 ha cà phê đa thân trồng xen nha đam, 23,9 ha cà phê đa thân tưới nhỏ giọt).

### **3.5. Sản xuất, chăm sóc cây trồng khác:**

- Sản xuất bắp: Liên kết với đối tác sản xuất bao tiêu bắp, tổng diện tích gieo trồng 41 ha, sản lượng dự kiến đạt 213 tấn.

- Sản xuất nha đam: Áp dụng kỹ thuật chăm sóc theo phương pháp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng đối với đơn vị diện tích đất. Đảm bảo chăm sóc tốt, cây sinh trưởng và phát triển đồng đều, khỏe mạnh. **Phần đầu sản lượng đạt 24.300 kg bẹ/ha/lần thu hoạch** (diện tích thu hoạch nha đam năm 2026 là 6,5 ha, số lần thu hoạch nha đam là 9 lần, tổng sản lượng đạt 1.421.550 kg).

- Sản xuất sa chi: Tăng cường các biện pháp chăm sóc, quản lý sâu bệnh, đảm bảo vườn cây phục hồi, phát triển ổn định, **năng suất đạt 30.000 kg** trên tổng diện tích 4 ha sa chi hiện có.

- Chăm sóc cây cà ri: Thực hiện quy trình chăm sóc đối với số lượng cây cà ri trồng xen canh dọc các tuyến bờ lô vườn cây cà phê. Hiện tại một số cây cà ri đã cho thu hoạch, **phần đầu sản lượng quả khô thu hoạch đạt 780 kg**, đây cũng là một nguồn thu phụ giúp tăng nguồn thu của công ty.

- Chăm sóc cây cau: Thực hiện quy trình chăm sóc đối với số lượng cây cau trồng xen canh dọc các tuyến bờ lô vườn cây cà phê, đảm bảo chăm sóc tốt, cây sinh trưởng và phát triển đồng đều, khỏe mạnh.

### 3.6. Cà phê khoán, cao su liên kết

Tiếp tục thực hiện các hợp đồng với các hộ nhận khoán. Thu hồi sản phẩm đúng thời hạn theo hợp đồng. Thanh lý các hợp đồng khi kết thúc thời hạn giao khoán.

### 3.7. Ươm và chăm sóc cây giống:

- Chăm sóc 130.000 cây cà phê giống đã ươm trồng đợt 1 theo đúng quy trình kỹ thuật. Tiếp tục tiến hành ươm cà phê giống đợt 2: 120.000 cây và đợt 3: 130.000 cây, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cây giống đạt yêu cầu chất lượng cho diện tích trồng mới năm 2026.

- Tiến hành cải tạo vườn ươm và các điều kiện kỹ thuật để ươm 10.000 cây cà ri giống.

### 3.8. Ủ phân hữu cơ:

Tận dụng phế phẩm vỏ cà phê, bấp và các phế phẩm cây trồng khác thực hiện ủ 380,6 tấn phân hữu cơ để bổ sung nguồn phân bón lót cho cây trồng, nhằm cải tạo và nâng cao độ phì nhiêu cho đất để bổ sung phân bón lót cho cây trồng.

### 3.9. Kế hoạch chế biến cà phê:

\* Chế biến cà phê nhân:

- Chế biến cà phê nhân theo phương pháp chế biến ướt (CBU): Tiến hành bảo trì, đầu tư máy móc thiết bị và chăm sóc, lựa chọn vườn cà phê phát triển tốt, đạt năng suất, chất lượng để lựa chọn quả tươi nguyên liệu đầu vào đảm bảo tỷ lệ quả chín theo yêu cầu (quả chín trên 85%) để chế biến 60 tấn cà phê nhân theo phương pháp chế biến ướt nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.

- Chế biến cà phê nhân xô: Tiến hành đầu tư, sửa chữa, mở rộng sân bãi để phục vụ phơi, chế biến cà phê nhân, đồng thời có phương án hợp đồng thuê đối tác gia công sấy cà phê, trong trường hợp thời tiết bất lợi, sân bãi không đáp ứng dẫn đến không phơi kịp ảnh hưởng đến chất lượng cà phê nhân. Đảm bảo chế biến đạt 308 tấn cà phê nhân xô.

\* Chế biến cà phê thành phẩm, cà phê bột, cà phê hạt rang xay:

Đầu tư máy móc thiết bị, tăng cường hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, khách hàng. Phân đấu sản lượng sản phẩm cà phê thành phẩm đạt 2.000 kg, doanh thu đạt 600 triệu đồng.

## 4. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự năm 2026:

Mục	Vị trí chức danh	Nhân sự 31/12/2025	Định biên nhân sự đề xuất năm 2026	+/- SV năm trước	Lý do tăng/giảm định biên	Thời gian tuyển dụng
I	Ban lãnh đạo		02	01		

1	Giám đốc	01	01			
2	Phó giám đốc	0	01	01	Tuyển dụng mới	Quý II
<b>II</b>	<b>Phòng Tài chính - Kế toán</b>	<b>04</b>	<b>05</b>	<b>01</b>		
1	Trưởng phòng	01	01	-		
2	Phó phòng	0	0	-		
3	Chuyên viên kế toán	02	03	01	Tuyển dụng mới	Quý I, II
4	Thủ kho	01	01	-		
<b>III</b>	<b>Văn phòng</b>	<b>08</b>	<b>08</b>			
1	Trưởng phòng	0	0	-		
2	Phó phòng	02	02	-		
3	Văn thư – Thủ quỹ	01	01	-		
4	Chuyên viên KD-TH	01	-	-01	Luân chuyển 01 chuyên viên sang bộ phận khác	Quý II
5	Bảo vệ	03	04	01	Tuyển dụng mới	Quý I, II
6	Tạp vụ	01	01	-		
<b>III</b>	<b>Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ</b>	<b>10</b>	<b>13</b>	<b>02</b>		
1	Trưởng phòng		01	01	Tuyển dụng thay thế	
2	Phó phòng	03	03	-		
3	Chuyên viên phòng KT-NV	06	08	02	Tuyển dụng mới 02	Quý I, II
4	Nhân viên	01	01	-		
<b>IV</b>	<b>PHÒNG KD-TH</b>		<b>03</b>	<b>03</b>		
1	Trưởng phòng KD-TH		01	01	Tuyển dụng mới	Quý II
2	Chuyên viên KD-TH		02	02	Tuyển dụng mới 01, luân chuyển bộ phận khác sang 01.	Quý II
<b>V</b>	<b>CÔNG NHÂN TTSX</b>	65	86	20	Tuyển dụng mới	Quý I – Quý II

## 5. Giải pháp SXKD năm 2026:

### 5.1 Nhóm giải pháp, phương án SP/DV

Tăng cường chế biến sản phẩm chủ lực cà phê nhân. Ngoài ra tập trung phát triển chế biến các dòng sản phẩm cà phê bột, cà phê hạt rang xay và cà phê nhân đặc sản chế biến

uớt. Đối với các sản phẩm cây ngắn ngày, thực hiện ký kết hợp đồng liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm với các đối tác truyền thống, uy tín.

### **5.2 Nhóm giải pháp, phương án phân phối, kinh doanh bán hàng**

Kết hợp đa kênh giữa trực tiếp (bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, nhà hàng, quán giải khát) và gián tiếp (thông qua đại lý, siêu thị, trang thương mại điện tử) nhằm tối đa hóa tiếp cận khách hàng. Xây dựng và phát triển thương hiệu, tập trung vào trải nghiệm sản phẩm.

### **5.3 Nhóm giải pháp giá và chính sách bán hàng**

Đối với sản phẩm cà phê chế biến sâu (cà phê bột, cà phê hạt rang xay), áp dụng chính sách giá thấp và các mức giá khác nhau (có chiết khấu, giảm giá) đối với các phân khúc khách hàng và đơn hàng vừa đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và tính cạnh tranh khi thâm nhập thị trường. Có chính sách giá riêng đối với khách hàng, đối tác bán sỉ và giá bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng.

Phát triển chuỗi cửa hàng trưng bày, giới thiệu và trải nghiệm sản phẩm mang nét đặc trưng riêng.

### **5.4. Nhóm giải pháp, phương án marketing bán hàng và truyền thông phát triển thương hiệu**

Đưa thương hiệu Cà phê Thuận An T&T thâm nhập thị trường trên cơ sở các sản phẩm cà phê chế biến sâu thông qua các kênh kinh doanh bán buôn, bán lẻ truyền thống; đối tác hợp tác đầu tư; trang thương mại điện tử; xây dựng hình ảnh thương hiệu thông qua mạng lưới truyền thông, mạng xã hội; đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, tham gia các chương trình, sự kiện quảng bá sản phẩm; xây dựng điểm kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ, trải nghiệm sản phẩm với nét đặc trưng riêng.

### **5.5. Nhóm giải pháp phương án sản xuất**

Thực hiện tái canh theo phương pháp nông nghiệp chất lượng cao đối với diện tích cà phê đã già cỗi. Tập trung đưa năng suất, chất lượng cà phê vượt trội so với cà phê sản xuất theo phương pháp truyền thống; tối ưu hóa hiệu quả và giá trị sử dụng trên đơn vị diện tích đất. Trở thành đơn vị đi đầu ở khu vực trong áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất cà phê, hình thành vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao. Tạo ra sản phẩm cà phê chất lượng, an toàn đáp ứng nhu cầu thị trường và hướng tới xuất khẩu.

### **5.6. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực**

Yếu tố nhân sự là nhân tố cốt lõi cho sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty, nhất là đối với cán bộ quản lý và CBCNV, công nhân có kiến thức chuyên môn phù hợp, có tinh thần nhiệt huyết và tâm huyết gắn bó với công ty. Tập huấn, đào tạo kỹ thuật, chuyên môn đối với lực lượng lao động hiện có. Khuyến khích CBCNV và người lao động tăng cường phân hồi, trao đổi những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm trong thực hiện công việc chuyên môn. Kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với người lao động đạt kết quả cao, năng suất vượt trội.

Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng nhân sự, kết nối với các trường đại học, cơ sở đào tạo, sử dụng đa kênh truyền thông để tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng.

Xây dựng và tổ chức bộ máy hoạt động khoa học, cơ cấu lao động hợp lý, phân công trách nhiệm rõ ràng, có sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng/ban, bộ phận, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công việc. Xây dựng môi trường làm việc năng động, thân thiện, có bản sắc văn hóa riêng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ đảm bảo Công ty phát triển bền vững, hiệu quả. Đảm bảo mọi CBNV và người lao động đều hiểu rõ mục tiêu, xữ mệnh của công ty.

Phát huy tinh thần hỗ trợ của công nhân về các vấn đề thu hoạch shachi, nha đam để tập trung thu đủ, thu đạt sản lượng yêu cầu đặt ra.

Để giảm thiểu bị động về nhân công trong công tác thu hoạch, ngoài lực lượng công nhân công ty tham gia trực tiếp, cần hợp tác ký hợp đồng với đơn vị có lực lượng lao động đảm bảo ổn định để thực hiện giao khoán trong thu hoạch mùa vụ cà phê.

#### 6. Một số ưu điểm, thế mạnh, thách thức, rủi ro, hạn chế, khó khăn:

Mục	Nội dung	Giải pháp
<b>I. Các ưu điểm, lợi thế, thế mạnh</b>		
1	Được sự quan tâm và hỗ trợ từ Tập đoàn và các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Có diện tích đất sản xuất nông nghiệp khá lớn, điều kiện đất đai, khí hậu, vị trí thuận lợi để triển khai cơ giới hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác, sản xuất. Vùng sản xuất cà phê của Công ty đã được tỉnh và Bộ Nông nghiệp đưa vào quy hoạch vùng sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam.	Đầu tư vào chủng loại, chất lượng giống cà phê, cây trồng thích ứng với điều kiện đất đai, khí hậu, có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất trên đơn vị diện tích đất canh tác.
2	Chủ động được nguồn cà phê nguyên liệu đầu vào chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và chế biến sâu (chế biến cà phê rang xay, cà phê bột đóng gói). Có cơ sở nhà xưởng, kho, bãi rộng đảm bảo phục vụ sơ chế và xây dựng nhà xưởng chế biến sâu các sản phẩm cà phê: Cà phê nhân chất lượng cao, cà phê rang xay.	Nâng cao uy tín, tạo lập mối liên kết đầu tư bền vững đối với đối tác liên kết sản xuất các loại cây ngắn ngày, tận dụng vốn liên kết đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất. Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến, phù hợp vào canh tác và chế biến để tạo ra các sản phẩm cà phê đặc sản, cà phê chất lượng cao và cà phê hữu cơ đáp ứng xu hướng nhu cầu thị trường.
3	Đội ngũ nhân viên kỹ thuật trẻ có trình độ chuyên môn, năng động, nhiệt huyết, làm chủ được kỹ thuật canh tác cà phê và một số cây trồng ngắn ngày theo phương thức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.	
4	Sản phẩm cây nông nghiệp ngắn ngày của Công ty được đối tác liên kết đầu tư sản xuất và bao tiêu sản phẩm và ký hợp đồng bảo hiểm rủi ro.	

<b>II. Các nhược điểm, hạn chế bất cập còn tồn tại.</b>		
1	Năng lực tài chính của Công ty còn yếu. Máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất và chế biến chưa được đầu tư đầy đủ.	Tiếp cận các nguồn vốn, chính sách ưu đãi, vay vốn tín dụng để đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.
2	Tìm kiếm, tuyển dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác quản lý, sản xuất và chế biến gặp nhiều khó khăn.	Tập huấn, đào tạo kỹ thuật, chuyên môn đối với lực lượng lao động tại chỗ. Cải cách cơ chế tiền lương, chế độ đãi ngộ, đồng thời có chính sách ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, lao động có tay nghề.
3	Thương hiệu cà phê đang trong giai đoạn đầu xây dựng và thâm nhập thị trường nên thiếu tính chuyên nghiệp và kinh nghiệm trong việc tiếp cận thị trường, khách hàng. Chưa trực tiếp tham gia vào thị trường xuất khẩu.	Xây dựng và phát triển thương hiệu cà phê Thuận An T&T gắn với câu chuyện sản phẩm, văn hóa địa phương, quảng bá trên các kênh truyền thông, mạng xã hội phù hợp để thu hút khách hàng trong và ngoài nước.
<b>III. Các khó khăn, thách thức.</b>		
1	Giai đoạn đầu áp dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp chất lượng cao nên chưa đánh giá đầy đủ được khả năng thích ứng và hiệu quả kinh tế lâu dài.	Thường xuyên rà soát, đánh giá và tối ưu hóa từng bước quy trình sản xuất để đúc kết và tiêu chuẩn hóa các bước quy trình sản xuất.
2	Cạnh tranh trong ngành hàng cà phê ngày càng gay gắt, không chỉ từ các doanh nghiệp, thương hiệu trong nước mà còn từ các doanh nghiệp sản xuất cà phê lớn ở nước ngoài.	Tăng cường liên kết với các nhà phân phối, xuất khẩu để kiểm soát chất lượng sản phẩm và ổn định đầu ra.
3	Yêu cầu về chất lượng và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm ngày càng khắt khe, nhất là thị trường xuất khẩu.	Sản xuất cà phê theo các tiêu chuẩn 4C, tiêu chuẩn RA, hướng tới sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ. Đảm bảo sản xuất an toàn, bền vững, đạt chất lượng, năng suất cao.
<b>IV. Các rủi ro tiềm ẩn.</b>		
1	Sản xuất cà phê chịu tác động rất lớn bởi khí hậu, thời tiết như hạn hán, mưa bão, sương giá, dịch bệnh ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng.	Áp dụng các biện pháp canh tác bền vững từ khâu chọn giống đến quy trình sản xuất, dự báo và phòng ngừa kịp thời sâu bệnh, khí hậu, thời tiết bất lợi.
2	Lao động ở nông thôn ngày càng khan hiếm do người trẻ ngày càng có xu hướng đi tìm việc ở các thành phố lớn, dẫn đến thiếu hụt nhân công trong các đợt cao điểm chăm sóc, thu hoạch và chế biến.	Cải cách cơ chế tiền lương, chế độ đãi ngộ, đồng thời có chính sách ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, lao động có tay nghề.
3	Giá cả chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi biến động của thị trường quốc tế, dẫn đến khó khăn cho	Thường xuyên theo dõi, phân tích dự báo giá cả thị trường. Ứng dụng công nghệ

C.P \* SMN

	việc lên kế hoạch sản xuất kinh doanh kinh doanh.	thông tin và các nền tảng số để cập nhật thông tin thị trường nhanh chóng, kết nối với đối tác hiệu quả hơn. Đầu tư vào chế biến sâu, sản xuất các sản phẩm có giá trị cao như cà phê rang xay, cà phê đặc sản để không còn phụ thuộc hoàn toàn vào giá cà phê nhân thô trên thị trường.
--	---	--

### 7. Kiến nghị đề xuất:

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đề ra, Công ty kiến nghị Đại hội Đồng cổ đông, HĐQT xem xét chấp thuận một số nội dung sau:

- Đồng ý cho phép Công ty tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự theo kế hoạch định biên năm 2026 đề ra;
- Đồng ý toàn phần các nội dung trong báo cáo do công ty đề xuất;
- Đồng ý chủ trương cho công ty vay hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 10 tỷ đồng, thời hạn vay 5 năm 2026-2031.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty báo cáo Đại hội Đồng cổ đông, Hội đồng quản trị biết và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận: *LV*

- Cổ đông tham dự Đại hội;
- HĐQT (thay b/cáo);
- BKS (thay b/cáo);
- Lưu: VP.



**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Một**

PLI. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, CHĂM SÓC CÀ PHÊ KINH DOANH 42,877 HA NĂM 2026

Stt	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá	Thành tiền	DT thực tế sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư, dụng cụ</b>				<b>100.393.150</b>		<b>4.316.036.463</b>	
<b>1</b>	<b>Phân bón</b>				<b>44.765.000</b>	<b>42,877</b>	<b>1.856.010.425</b>	
1.1	Phân SA (1 đợt, bón qua tưới lần 2)	Đồng	250	9.000	2.250.000	42,877	96.473.250	
1.2	Phân NPK (3 đợt)	Đồng	1.600	15.000	24.000.000	42,877	1.029.048.000	
1.3	Phân Hữu cơ (phân gà)	Đồng	2.220	5.000	11.100.000	42,877	475.934.700	
1.4	Phân bón lá đa, trung, vi lượng (2 đợt)	lít/kg	6	200.000	1.200.000	42,877	51.452.400	
1.5	Men Trichoderma plus Sfarm (2 lần/năm)	kg	20	100.000	2.000.000	42,877	85.754.000	
1.6	Kẽm (ZnSO4.7H2O), 2 năm bón 1 lần.	kg	30	35.000	1.050.000	42,877	45.020.850	
1.7	Bo (Na2B4O7.10H2O), 2 năm bón 1 lần.	kg	15	35.000	525.000	42,877	22.510.425	
1.8	Vôi bột (2 năm bón 1 lần)	kg	800	3.300	2.640.000	18,870	49.816.800	KV1
<b>2</b>	<b>Thuốc bảo vệ thực vật</b>				<b>3.000.000</b>		<b>128.631.000</b>	
2.1	Thuốc trừ sâu (3 đợt)	lít/kg	6	300.000	1.800.000	42,877	77.178.600	
2.2	Thuốc bệnh (2 đợt)	lít/kg	4	300.000	1.200.000	42,877	51.452.400	
<b>3</b>	<b>Công chăm sóc</b>				<b>36.818.150</b>		<b>1.565.447.968</b>	
3.1	Làm cỏ gốc, cỏ đường băng (8 đợt)	Công	60	220.000	13.200.000	42,877	565.976.400	
3.2	Phát cỏ bờ lô, vệ sinh lô (3 đợt)	Công	6	220.000	1.320.000	42,877	56.597.640	
3.3	Dánh chổi thân, cành tăm, cành nhót (7 đợt)	Công	21	220.000	4.620.000	42,877	198.091.740	
3.4	Cắt cành, tạo tán sau thu hoạch (1 đợt)	Công	30	220.000	6.600.000	42,877	282.988.200	
3.5	Rong tia cây che bóng, chắn gió (2 lần)	Công	3	220.000	660.000	42,877	28.298.820	

Stt	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá	Thành tiền	DT thực tế sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
3.6	Bón phân (5 đợt)	Công	11,0	220.000	2.420.000	42,877	103.762.340	
3.7	Bón Vôi	Công	2,5	220.000	550.000	18,870	10.378.500	
3.8	Phun phân bón lá đa, trung, vi lượng (2 đợt)	Công	4	220.000	880.000	42,877	37.731.760	
3.9	Phun chế phẩm Trichoderma plus Sfarm (2 đợt)	Công	4	220.000	880.000	42,877	37.731.760	
3.10	Phun thuốc sâu (3 đợt)	Công	9	330.000	2.970.000	42,877	127.344.690	
3.11	Phun thuốc bệnh (2 đợt)		6	330.000	1.980.000	42,877	84.896.460	
3.12	Bốc vác, vận chuyển phân bón (đồng/tấn)	Đồng/tấn	4,921	150.000	738.150	42,877	31.649.658	
<b>4</b>	<b>Chi phí tưới nước (Giao khoán 100% chi phí cho NLD)</b>				<b>15.810.000</b>		<b>765.947.070</b>	
4.1	Chi phí nhân công (3 đợt)	đồng/ha/đợt	1	2.080.000	6.240.000	48,447	302.309.280	
4.2	Dầu tưới (3 đợt)	lít/ha/đợt	110	22.000	7.260.000	48,447	351.725.220	
4.3	Khấu hao máy móc	đồng/ha/đợt	1	200.000	600.000	48,447	29.068.200	
4.4	Dầu nhờm	lít/ha/đợt	3	70.000	630.000	48,447	30.521.610	
4.5	Vận chuyển, bảo quản máy, ống, phụ kiện	đồng/ha/đợt	1	360.000	1.080.000	48,447	52.322.760	
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>				<b>7.900.000</b>		<b>338.728.300</b>	
1	Tiền thuê đất	đồng/ha/năm	1	6.900.000	6.900.000	42,877	295.851.300	
2	Chi phí dự phòng	đồng/ha/năm	1	1.000.000	1.000.000	42,877	42.877.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>4.654.764.763</b>	
	Năng suất quả tươi BQ	kg/ha					10.500	
	Tổng sản lượng cà phê quả tươi dự kiến	kg					450.208,50	
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	đ/ha					<b>108.560.878</b>	

Stt	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá	Thành tiền	DT thực tế sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
	Sản lượng cà phê nhân xô dự kiến	kg					102.320	
	Chi phí thu hoạch và chế biến sp cà phê nhân xô	đồng					373.063.616	
	Chi phí khấu hao vườn cây	đồng					265.577.016	
	Tổng chi phí phát sinh	đồng					5.293.405.395	
	Giá thành đơn vị sản phẩm cà phê nhân xô	đồng/ kg					51.734	

Tổng sản lượng cà phê nhân (kg)	Giá bán cà phê nhân dự kiến (đ/kg)	Doanh thu (VNĐ)	Giá vốn cà phê nhân (đ/kg)	Lợi nhuận (VNĐ)	Ghi chú
102.320,1	80.000	8.185.609.091	5.293.405.395	2.892.203.696	

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL1B. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, CHĂM SÓC CÀ PHÊ KTCB NĂM 1 TRỒNG CẢI TẠO  
TRONG VƯỜN CÀ PHÊ KD 48,447 HA NĂM 2026**

Stt	HẠNG MỤC	ĐVT	DM/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	DT thực tế SX (ha)	Tổng tiền	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ, PHÂN BÓN</b>				<b>4.585.000</b>		<b>91.542.950</b>	
<b>1</b>	<b>Cây giống</b>				<b>385.000</b>		<b>2.144.450</b>	
1.1	Cây giống trồng dặm (5%) giống cty sản xuất	Cây	55	7.000	385.000	5,57	2.144.450	
<b>2</b>	<b>Phân bón</b>				<b>14.850.000</b>		<b>82.714.500</b>	
2.1	Phân Urê (3 đợt)	Kg	250	12.000	3.000.000	5,57	16.710.000	
2.2	Phân lân	Kg	550	9.000	4.950.000	5,57	27.571.500	
2.3	Phân Kali (3 đợt)	Kg	100	14.000	1.400.000	5,57	7.798.000	
2.4	Phân hữu cơ (phân Gà)	Kg	1.100	5.000	5.500.000	5,57	30.635.000	
<b>3</b>	<b>Thuốc BVTV</b>				<b>1.200.000</b>		<b>6.684.000</b>	
3.1	Thuốc sâu	Lít	2	300.000	600.000	5,57	3.342.000	
3.2	Thuốc bệnh	Lít/kg	2	300.000	600.000	5,57	3.342.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG CHĂM SÓC</b>				<b>7.260.000</b>		<b>40.438.200</b>	
1	Vét hố, bón phân (4 đợt)	Công	8	220.000	1.760.000	5,57	9.803.200	
2	Phun thuốc phòng trừ sâu (2 đợt)	Công	4	330.000	1.320.000	5,57	7.352.400	
3	Phun thuốc phòng trừ bệnh (2 đợt)	Công	4	330.000	1.320.000	5,57	7.352.400	
4	Đánh chổi vọt (6 đợt)	Công	12	220.000	2.640.000	5,57	14.704.800	
5	Trồng dặm	Công	1	220.000	220.000	5,57	1.225.400	
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯỚI NƯỚC</b>				<b>2.750.000</b>		<b>15.317.500</b>	
1	Tưới nước trong thời gian chưa ra tưới cho cà phê KD, tưới 10 lít/cây, tưới bằng bồn 1.000 lít	Bồn/ha/đợt	11	250.000	2.750.000	5,57	15.317.500	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>14.595.000</b>		<b>147.298.650</b>	

PL2. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT 15,2 HA CÀ PHÊ KINH DOANH NĂM 2026 (trồng năm 2022)

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá VND	DM/ha	DT sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Đầu tư, chăm sóc</b>						<b>1.513.069.917</b>	
1	Cây giống bầu 2 năm trồng dặm (110 cây/ha)	cây/ha	110	20.000	2.200.000	15,25	33.550.000	
2	Công đào hố, trồng dặm	đồng/cây	110	10.000	1.100.000	15,25	16.775.000	
3	<b>Phân bón</b>				<b>41.678.216</b>		<b>635.592.800</b>	
3.1	Phân SA (1 đợt, bón qua tưới lần 2)	Đồng	250	9.000	2.250.000	14,112	31.752.000	
3.2	Phân NPK (3 đợt)	Đồng	1.600	15.000	24.000.000	14,112	338.688.000	
3.4	Phân gà	Đồng	2.200	5.000	11.000.000	14,112	155.232.000	
3.5	Phân bón lá đa, trung, vi lượng NUCAFE (2 đợt)	lít/kg	6	200.000	1.200.000	14,112	16.934.400	
3.6	Men Trichoderma plus Sfarm (2 lần/năm)	kg	20	100.000	2.000.000	15,250	30.500.000	
3.7	Kẽm (ZnSO <sub>4</sub> .7H <sub>2</sub> O), 2 năm bón 1 lần.	kg	30	35.000	1.050.000	14,112	14.817.600	
3.8	Bo (Na <sub>2</sub> B <sub>4</sub> O <sub>7</sub> .10H <sub>2</sub> O), 2 năm bón 1 lần.	kg	15	35.000	525.000	14,112	7.408.800	
3.9	Vôi bột (2 năm bón 1 lần)	kg	800	3.300	2.640.000	15,250	40.260.000	
4	<b>Thuốc bảo vệ thực vật</b>				<b>3.000.000</b>		<b>45.750.000</b>	
4.1	Thuốc trừ sâu (2 đợt)	lít/kg	6	300.000	1.800.000	15,250	27.450.000	
4.2	Thuốc bệnh (2 đợt)	lít/kg	4	300.000	1.200.000	15,250	18.300.000	
5	<b>Công chăm sóc</b>				<b>33.471.750</b>		<b>510.444.187</b>	
5.1	Làm cỏ gốc, cỏ đường băng (6 đợt)	Công	60	220.000	13.200.000	15,250	201.300.000	
5.2	Phát cỏ bờ lô, vệ sinh lô (3 đợt)	Công	6	220.000	1.320.000	15,250	20.130.000	
5.3	Đánh chồi thân, cành tăm, cành nhớt	Công	21	220.000	4.620.000	14,112	65.197.440	
5.4	Cắt cành, tạo tán sau thu hoạch	Công	30	220.000	6.600.000	14,112	93.139.200	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	DVT	Định mức/ha	Đơn giá VND	ĐM/ha	DT sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
5.5	Rong tia cây che bóng, chắn gió (2 lần)	Công	3	220.000	660.000	15,250	10.065.000	
5.6	Bón phân vô cơ, vôi, Bo, Kẽm (5 đợt)	Công	5,1	220.000	1.111.733	14,112	15.688.781	
5.7	Bón Vôi	Công	2,7	220.000	586.667	15,250	8.946.667	
5.8	Bón phân gà (375kg/công)	Công	6	220.000	1.290.667	15,250	19.682.667	
5.10	Phun phân bón lá đa, trung, vi lượng (2 đợt)	Công	4	220.000	880.000	14,112	12.418.560	
5.11	Phun chế phẩm Trichoderma plus Sfarm (2 đợt)	Công	4	220.000	880.000	14,112	12.418.560	
5.12	Phun thuốc sâu; bệnh (4 đợt)	Công	8	330.000	2.640.000	15,250	40.260.000	
5.13	Bốc vác, vận chuyển phân bón (đồng/tấn)	Đồng/tấn	4,895	150.000	734.250	15,250	11.197.313	Thay đổi đơn giá theo chiều dài quãng đường vận chuyển từ 120.000 đ - 150.000 đ/ tấn
<b>6</b>	<b>Chi phí tưới nước (Giao khoán 100% chi phí cho công nhân )</b>				<b>15.810.000</b>		<b>270.957.930</b>	
6.1	Chi phí nhân công (3 đợt)	đồng/ha/đợt	1	2.080.000	6.240.000	15,250	95.160.000	
6.2	Dầu tưới (3 đợt)	lít/ha/đợt	110	22.000	7.260.000	15,250	110.715.000	
6.3	Khấu hao máy móc	đồng/ha/đợt	1	200.000	600.000	15,250	9.150.000	
6.4	Dầu nhòm	lít/ha/đợt	3	70.000	630.000	15,250	9.607.500	
6.5	Vận chuyển, bảo quản máy, ống, phụ kiện	đồng/ha/đợt	1	360.000	1.080.000	15,250	16.470.000	
6.6	Tưới nước cà phê trồng dặm ktcbl (3 đợt)	công/ha/đợt	39,8	220.000	26.235.000	1,138	29.855.430	
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>						<b>120.475.000</b>	
1	Thuê đất	đ/ha	1	6.900.000	6.900.000	15,250	105.225.000	
2	Dự phòng	đ/ha	1	1.000.000	1.000.000	15,250	15.250.000	
<b>C</b>	<b>CHĂM SÓC CÀ PHÊ DẶM KIẾN THIẾT CƠ BẢN NĂM I</b>						<b>14.782.620</b>	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá VND	DM/ha	DT sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
1	Phân Ure (3 đợt)	kg	250	12.000	3.000.000	1,138	3.414.000	
2	Phân Lân	kg	650	9.000	5.850.000	1,138	6.657.300	
3	Phân Kali (3 đợt)	kg	170	14.000	2.380.000	1,138	2.708.440	
4	Vét cỏ, Bón phân cây trồng đậm (4 đợt)	công	8	220.000	1.760.000	1,138	2.002.880	
<b>Tổng cộng</b>							<b>1.648.327.537</b>	
	Năng suất quả tươi BQ	kg/ha					9.000	
	Tổng sản lượng cà phê quả tươi dự kiến	kg					137.250,00	
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	<b>đ/ha</b>					<b>108.087.052</b>	
	Sản lượng cà phê nhân xô dự kiến	kg					31.193	
	Chi phí thu hoạch và chế biến sp cà phê nhân xô	đồng					113.731.707	
	Chi phí khấu hao vườn cây	đồng					122.576.256	
	<b>Tổng chi phí phát sinh</b>	<b>đồng</b>					<b>1.884.635.500</b>	
	Giá thành đơn vị sản phẩm cà phê nhân xô	đồng/ kg					60.418	

Tổng sản lượng cà phê nhân xô (kg)	Giá bán cà phê nhân (đ/kg)	Doanh thu (VND)	Giá vốn cà phê nhân (đ/kg)	CPKH	Lợi nhuận (VND)
31.193,2	80.000,00	2.495.454.545	1.884.635.500		610.819.046

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

IXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.

IXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.

- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.

- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL3. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT 18.91 HA CÀ PHÊ KINH DOANH NĂM 2026 (trồng năm 2023)

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá VND	DM/ha	DT sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ, CHĂM SÓC</b>				<b>104.971.275</b>		<b>1.905.692.673</b>	
1	Cây giống (trồng dặm (5%))	cây/ha	65	7.000	455.000	18,9	8.604.050	Giống Công ty trồng
2	Công đào hố, trồng dặm	đồng/cây	65	10.000	650.000	18,9	12.291.500	
3	<b>Phân bón</b>				<b>50.310.000</b>		<b>901.052.100</b>	
3.1	Phân SA (1 đợt, bón qua tưới lần 2)	kg	300	9.000	2.700.000	17,910	48.357.000	
3.2	Phân NPK (3 đợt)	kg	1.900	15.000	28.500.000	17,910	510.435.000	
3.3	Phân Gà(2 năm bón 1 lần)	kg	2.200	5.000	11.000.000	17,910	197.010.000	
3.4	Phân bón lá đa, trung, vi lượng NUCAFE (2 đợt)	lít/kg	7	200.000	1.400.000	17,910	25.074.000	
3.5	Men Trichoderma plus Sfarm (2 lần/năm)	kg	20	100.000	2.000.000	17,910	35.820.000	
3.6	Kẽm (ZnSO4.7H2O), 2 năm bón 1 lần.	kg	30	35.000	1.050.000	17,910	18.805.500	
3.7	Bo (Na2B4O7.107H2O), 2 năm bón 1 lần.	kg	15	35.000	525.000	17,910	9.402.750	
3.8	Vôi bột ( 2 năm bón 1 lần)	kg	950	3.300	3.135.000	17,910	56.147.850	
<b>4</b>	<b>Thuốc bảo vệ thực vật</b>				<b>3.600.000</b>		<b>68.076.000</b>	
4.1	Thuốc trừ sâu (3 đợt)	lít/kg	6	300.000	1.800.000	18,910	34.038.000	tăng thêm 100k
4.2	Thuốc bệnh (3 đợt)	lít/kg	6	300.000	1.800.000	18,910	34.038.000	tăng thêm 100k
<b>5</b>	<b>Công chăm sóc</b>				<b>35.076.275</b>		<b>634.288.223</b>	
5.1	Làm cỏ gốc, cỏ đường băng (8 đợt)	Công	60	220.000	13.200.000	17,910	236.412.000	
5.2	Phát cỏ bờ lỗ, vệ sinh lỗ (3 đợt)	Công	6	220.000	1.320.000	17,910	23.641.200	
5.3	Đánh chổi thân, cành tăm, cành nhót (7 đợt)	Công	21	220.000	4.620.000	17,910	82.744.200	
5.4	Cắt cành, tạo tán sau thu hoạch (1 đợt)	Công	25	220.000	5.500.000	17,910	98.505.000	
5.5	Rong tia cây che bóng, chắn gió (2 đợt)	Công	3	220.000	660.000	17,910	11.820.600	
5.6	Bón phân vô cơ, Bo, Kẽm (5 đợt)	Công	6	220.000	1.317.067	17,910	23.588.664	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá VND	ĐM/ha	DT sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
5,7	Bón Vôi (333.3kg/công)	Công	3	220.000	627.063	17,910	11.230.693	
5,9	Bón phân gà (333.3kg/công)	Công	7	220.000	1.452.145	18,910	27.460.066	
5,11	Phun phân bón lá đa, trung, vi lượng (2 đợt)	Công	4	220.000	880.000	17,910	15.760.800	
5,12	Phun chế phẩm Trichoderma plus Sfarm (2 đợt)	Công	4	220.000	880.000	17,910	15.760.800	
5,13	Phun thuốc sâu (3 đợt)	Công	6	330.000	1.980.000	18,910	37.441.800	tăng thêm 100k
5,14	Phun thuốc bệnh (3 đợt)	Công	6	330.000	1.980.000	18,910	37.441.800	tăng thêm 100k
5,15	Bốc vác, vận chuyển phân bón (đồng/kg)	Đồng/kg	4.400	150	660.000	18,910	12.480.600	Từ 120đ - 150đ tùy theo quãng đường
<b>6</b>	<b>Chi phí tưới nước (Giao khoán 100% chi phí cho công nhân )</b>				<b>14.880.000</b>		<b>281.380.800</b>	
6.1	Chi phí nhân công (3 đợt)	đồng/ha/đợt	1	2.080.000	6.240.000	18,910	117.998.400	
6.2	Dầu tưới (3 đợt)	lít/ha/đợt	110	22.000	7.260.000	18,910	137.286.600	
6.3	Khấu hao máy, vận chuyển, ống, phụ kiện (3 đợt)	Công/ha/đợt	1,0	360.000	1.080.000	18,910	20.422.800	
6.4	Dầu nhờn	lít/ha/đợt	1	100.000	300.000	18,910	5.673.000	
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ CÀ PHÊ TRỒNG DẠM</b>				<b>25.930.000</b>		<b>25.930.000</b>	
1	Phân Urê (3 đợt)	Kg	300	12.000	3.600.000	1,00	3.600.000	
2	Phân Kali (3 đợt)	Kg	120	14.000	1.680.000	1,00	1.680.000	
3	Phân Gà	Kg	1.300	5.000	6.500.000	1,00	6.500.000	
4	Vết hủ, bón phân (4 đợt)	Công	8	220.000	1.760.000	1,00	1.760.000	
5	Đánh chổi vọt (6 đợt)	Công	12	220.000	2.640.000	1,00	2.640.000	
6	Tưới nước trong thời gian chưa ra tưới cho cà phê KD, tưới 10 lít/cây, tưới bằng bồn 1.000 lít (3 đợt)	Bồn/ha/đợt	39	250.000	9.750.000	1,00	9.750.000	
<b>D</b>	<b>Chi phí đóng BHXH, BHYT, BHXH cho Công nhân SX</b>							Không bao gồm chi phí đóng bảo hiểm
<b>Tổng cộng</b>							<b>1.931.622.673</b>	
	Năng suất quả tươi BQ	kg/ha					13.000	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá VND	ĐM/ha	DT sản xuất (ha)	Tổng tiền	Ghi chú
	Tổng sản lượng cà phê quả tươi dự kiến	kg					245.830,00	
	Chi phí đầu tư BQ	d/ha					102.148.211	
	Sản lượng cà phê nhân xô dự kiến	kg					55.870	
	Chi phí thu hoạch và chế biến sp cà phê nhân xô	đồng					203.706.125	
	Chi phí khấu hao vườn cây	đồng					253.000.000	
	Tổng chi phí phát sinh	đồng					2.388.328.798	
	Giá thành đơn vị sản phẩm cà phê nhân xô	đồng/ kg					42.748	

Tổng sản lượng cà phê nhân (kg)	Giá bán cà phê nhân (đ/kg)	Doanh thu (VNĐ)	Giá vốn cà phê nhân (đ/kg)	Lợi nhuận (VNĐ)	Tiêu thụ 2026	Giá vốn cà phê nhân 2026 (đ/kg)	Tiêu thụ 2027	Giá vốn cà phê nhân 2027 (đ/kg)
55.870,5	80.000,00	4.469.636.364	2.388.328.798	2.081.307.566	2.320.000.000	1.239.680.896	2.149.636.364	1.148.647.902

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

IXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.

IXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.

- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.

- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL4. DỰ TRÙ CHI PHÍ CHĂM SÓC CÀ PHÊ ĐA THÂN KINH DOANH TƯỚI NHỎ GIỌT DIỆN TÍCH 24,1 HA (Trồng năm 2023)

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức /ha	Đơn giá dự kiến VND	ĐM/ha	Diện tích trồng	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
A	<b>CHI PHÍ</b>				131.822.000	-	-	3.327.510.200	
A	<b>CHI PHÍ CHĂM SÓC</b>				131.822.000			3.327.510.200	
I	<b>VẬT TƯ</b>			-	60.871.000			1.466.991.100	
1	<b>Cây giống</b>				900.000			21.690.000	
1.1	Cây giống trồng dặm (cây chết, cây kém phát triển)	Cây	50	18.000	900.000	24,1	1.205	21.690.000	Cây ghép 2 năm
2	<b>Phân bón</b>				54.271.000			1.307.931.100	
2.1	Phân NPK hòa tan Nova Calcium (15.5-0.0 + 19 (hoặc 26.5) CaO) tưới qua HTT nhỏ giọt	Kg	220	17.700	3.894.000	24,1	5.302	93.845.400	Đơn vị tư vấn
2.2	Phân Urê	Kg	120	12.000	1.440.000	24,1	2.892	34.704.000	
2.3	Phân MAP	Kg	120	37.300	4.476.000	24,1	2.892	107.871.600	
2.4	Phân Kali (kali trắng)	Kg	120	16.700	2.004.000	24,1	2.892	48.296.400	
2.5	Phân Nova Mag_S (MgSO4)	Kg	60	17.200	1.032.000	24,1	1.446	24.871.200	
2.6	Kẽm sunphat (ZnSO4)	Kg	25	25.000	625.000	24,1	603	15.062.500	
2.7	Phân bón NPK bổ sung	Kg	1.200	15.000	18.000.000	24,1	28.920	433.800.000	Giảm lượng phân chạy qua HTT để bón NPK trong mùa mưa
2.8	Phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Lít/kg	4	200.000	800.000	24,1	96	19.280.000	

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức /ha	Đơn giá dự kiến VND	ĐM/ha	Diện tích trồng	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
2.9	Phân gà	Kg	4.400	5.000	22.000.000	24,1	106.040	530.200.000	
<b>3</b>	<b>Thuốc BVTV</b>				<b>5.700.000</b>			<b>137.370.000</b>	
3.1	Thuốc trừ sâu, rầy, rệp...	Lít/kg	4	300.000	1.200.000	24,1	96	28.920.000	
3.2	Thuốc bệnh	Lít/kg	4	300.000	1.200.000	24,1	96	28.920.000	
3.3	Thuốc xử lý môi trường khi trồng dặm	Kg	1	150.000	150.000	24,1	24	3.615.000	
3.4	Thuốc BVTV tưới qua gốc (Velum prime 400SC, Aliette 800WG...)	Lít/kg	3,5	900.000	3.150.000	24,1	84	75.915.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>70.951.000</b>			<b>1.860.519.100</b>	
<b>1</b>	<b>Trồng, chăm sóc</b>				<b>35.420.000</b>			<b>853.622.000</b>	
1.1	Bốc vác, vận chuyển bón phân vi sinh	Công	8	220.000	1.760.000	24,1	193	42.416.000	
1.2	Trồng dặm	Công	1	220.000	220.000	24,1	24	5.302.000	
1.3	Làm cỏ trắng, cỏ gốc .	Công	80	220.000	17.600.000	24,1	1.928	424.160.000	
1.4	Bón phân NPK bổ sung (4 đợt)	Công	6	220.000	1.320.000	24,1	145	31.812.000	
1.5	Làm cỏ bờ lô	Công	6	220.000	1.320.000	24,1	145	31.812.000	
1.6	Phun thuốc sâu, bệnh	Công	6	330.000	1.980.000	24,1	145	47.718.000	
1.7	Phun phân bón lá	Công	4	220.000	880.000	24,1	96	21.208.000	
1.8	Tỉa, chọn chồi	Công	12	220.000	2.640.000	24,1	289	63.624.000	
1.9	Cắt thân tạo hình	Công	20	220.000	4.400.000	24,1	482	106.040.000	
1.10	Vận hành hệ thống tưới, xử lý thuốc, phân (Bao gồm 1 công sửa đường dây tưới)	Công	15	220.000	3.300.000	24,1	362	79.530.000	
<b>2</b>	<b>Máy móc thi công và chi phí khác</b>				<b>35.531.000</b>			<b>1.006.897.100</b>	

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức /ha	Đơn giá dự kiến VND	ĐM/ha	Diện tích trồng	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
2.1	Tiếp nước lên ao trung chuyển	Đồng/tháng	8	1.500.000	12.000.000	24,1	24,1	289.200.000	Bao gồm tiền thuê tiếp nước + chi phí tiền điện tiếp nước
2.2	Điện tưới dùng cho hệ thống nhỏ giọt	Đồng/tháng	8	500.000	4.000.000	24,1	24,1	96.400.000	
2.3	Chi phí bảo dưỡng máy bơm (2 trạm)	vnd/năm	1	3.000.000	3.000.000	2	2	6.000.000	
2.4	Thuê tưới tập trung (03 đợt)	Tr.đ/đợt	1	4.500.000	4.500.000	24,1	72	325.350.000	
2.5	Vật tư thay thế, sửa chữa hệ thống tưới	Tr.đ/ha	1	1.000.000	1.000.000	24,1	24,1	24.100.000	
2.7	Chi phí mua cọc tre, dây để giăng phòng chống gãy, ngã do mưa, gió	Tr.đ/ha	1	2.000.000	2.000.000	24,1	24,1	48.200.000	
2.7	Thuê đất	Trđ/ha/năm	1	7.031.000	7.031.000	24,1	24,1	169.447.100	
2.8	Dự phòng	Vnd/ha	1	2.000.000	2.000.000	24,1	24,1	48.200.000	
<b>Tổng cộng</b>								<b>3.327.510.200</b>	
	Năng suất quả tươi BQ	kg/ha						18.000	
	Tổng sản lượng cà phê quả tươi dự kiến	kg						433.800,00	
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	<b>đ/ha</b>						<b>138.070.963</b>	
	<b>Sản lượng cà phê nhân xô dự kiến</b>	<b>kg</b>						<b>98.591</b>	
	<b>Chi phí thu hoạch và chế biến sp cà phê nhân xô</b>	<b>đồng</b>						<b>359.466.773</b>	
	<b>Chi phí khấu hao vườn cây</b>	<b>đồng</b>						<b>413.000.000</b>	

STT	HẠNG MỤC	DVT	Định mức /ha	Đơn giá dự kiến VND	DM/ha	Diện tích trồng	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
	Tổng chi phí phát sinh	đồng						4.099.976.973	
	Giá thành đơn vị sản phẩm cà phê nhân xô	đồng/ kg						41.586	

Tổng sản lượng cà phê nhân (kg)	Giá bán cà phê nhân (đ/kg)	Doanh thu (VNĐ)	Giá vốn cà phê nhân (đ/kg)	Lợi nhuận (VNĐ)	Ghi chú
98.590,9	80.000,00	7.887.272.727	4.099.976.973	3.787.295.754	Tiêu thụ 2027

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL5. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHO CÀ PHÊ TRUYỀN THÔNG KTCB NĂM 2 - 9.21 HA NĂM 2026 (TRỒNG NĂM 2024)

TT	Hạng mục	ĐVT	ĐM/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	DT trồng	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ, PHÂN BÓN</b>				<b>43.877.000</b>		<b>404.107.170</b>	
<b>1</b>	<b>Cây giống, vật tư</b>				<b>455.000</b>		<b>4.190.550</b>	
1,1	Cây giống trồng dặm (5%), mật độ 1300 cây/ha	Cây	65	7.000	455.000	9,21	4.190.550	Giống Công ty trồng
<b>2</b>	<b>Phân bón</b>				<b>37.320.000</b>		<b>343.717.200</b>	
2.1	Phân NPK (3 đợt)	Kg	1.200	15.000	18.000.000	9,21	165.780.000	
2.3	Phân SA	Kg	200	9.000	1.800.000	9,21	16.578.000	
2,6	Phân Gà	Kg	2.200	5.000	11.000.000	9,21	101.310.000	
2,7	Vôi bột (bón 1 đợt/năm và 2 năm bón 1 lần)	Kg	1.400	3.300	4.620.000	9,21	42.550.200	
2,8	Phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Lít/kg	3,5	200.000	700.000	9,21	6.447.000	
2,9	Chế phẩm nấm Trichoderma plus Sfarm	Kg	12	100.000	1.200.000	9,21	11.052.000	
<b>3</b>	<b>Thuốc BTVT</b>				<b>6.102.000</b>	<b>9,21</b>	<b>56.199.420</b>	
3,1	Thuốc sâu	Lít/kg	2	300.000	600.000	9,21	5.526.000	tăng thêm 100k
3,2	Thuốc bệnh rệp sáp, nấm	Lít/kg	2	300.000	600.000	9,21	5.526.000	tăng thêm 100k
3,3	Thuốc xử lý tuyến trùng dạng hạt (20g/hố)	kg	1,34	150.000	201.000	9,21	1.851.210	
3,4	Thuốc xử lý mối (20g/hố)	kg	1,34	150.000	201.000	9,21	1.851.210	
3,5	Thuốc phòng, xử lý tuyến trùng (Velum, folicur, Aliette) 02 đợt	Lít/kg	2	2.250.000	4.500.000	9,21	41.445.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>37.490.000</b>		<b>345.282.900</b>	
1	Làm cỏ trắng, vét, mở bồn (8 đợt/năm).	Công	75	220.000	16.500.000	9,21	151.965.000	
2	Làm cỏ bờ lô	Công	3	220.000	660.000	9,21	6.078.600	
3	Mở bồn tưới	Công	20	220.000	4.400.000	9,21	40.524.000	

TT	Hạng mục	DVT	ĐM/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	DT trồng	Tổng tiền	Ghi chú
4	Bón phân vô cơ (375kg/công)	Công	4	220.000	880.000	9,21	8.104.800	
5	Bón vôi bột (333.3kg/công)	công	4,0	220.000	880.000	9,21	8.104.800	
6	Bón phân gà (333.3kg/ công)	công	7,0	220.000	1.540.000	9,21	14.183.400	
7	Bốc vác, vận chuyển vôi, phân bón (đồng/tấn)	VNĐ/tấn	5,00	150.000	750.000	9,21	6.907.500	Từ 120k-150k tùy theo quảng đường
8	Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh (6 đợt)	Công	12	330.000	3.960.000	9,21	36.471.600	
9	Phun phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Công	4	220.000	880.000	9,21	8.104.800	
10	Phun chế phẩm Trichoderma plus Sfarm (2 đợt)	Công	6	220.000	1.320.000	9,21	12.157.200	
11	Đánh chổi (6 đợt)	Công	12	220.000	2.640.000	9,21	24.314.400	
12	Rong tia cây chắn gió, che bóng ( 2 đợt)	Công	4	220.000	880.000	9,21	8.104.800	
13	Đào hố, rải phân vôi, lân, phân vi sinh, thuốc mối, tuyến trùng, xả thành lập hố	công	2	220.000	440.000	9,21	4.052.400	
14	Trồng dặm	Công	1	220.000	220.000	9,21	2.026.200	
15	Tủ gốc cho cà phê (tận dụng cỏ khô, cành muồng, các loại cây khác để tủ)	Công	7	220.000	1.540.000	9,21	14.183.400	
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯỚI NƯỚC ( 5 đợt)</b>				<b>22.800.000</b>		<b>198.463.000</b>	
1	Công lao động	Công/đợt	8	220.000	8.800.000	9,21	81.048.000	
2	Đầu tưới (Giá tạm tính)	Lít/ha/đợt	80	22.000	8.800.000	9,21	81.048.000	
3	Khấu hao máy móc, vận chuyển, bảo quản	Công/ha/đợt	2	220.000	2.200.000	9,21	20.262.000	
4	Nhớt (Giá tạm tính)	lít/ha/đợt	1	100.000	500.000	9,21	4.605.000	
5	Tiếp nước (3 đợt)	vnd/ha/đợt	1	500.000	2.500.000	4,6	11.500.000	KV2
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>				<b>7.900.000</b>		<b>72.759.000</b>	
2	Thuế đất	Tr/ha/năm	1	6.900.000	6.900.000	9,21	63.549.000	

TT	Hạng mục	ĐVT	ĐM/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	DT trồng	Tổng tiền	Ghi chú
3	Dự phòng	Tr/ha	1	1.000.000	1.000.000	9,21	9.210.000	
VI	<b>CHI PHÍ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN CÔNG NHÂN SX</b>							Không bao gồm chi phí đóng bảo hiểm
<b>Tổng cộng</b>							<b>1.020.612.070</b>	
	Năng suất quả tươi BQ	kg/ha					3.000	
	Tổng sản lượng cà phê quả tươi dự kiến	kg					27.630	
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	d/ha					<b>110.815.643</b>	
	<b>Chi phí thu hoạch cà phê</b>	<b>đồng</b>					<b>46.665.915</b>	
	<b>Giá thành đơn vị sản phẩm cà phê quả tươi</b>	<b>đồng/ kg</b>					<b>1.689</b>	

Tổng sản lượng cà phê quả tươi (kg)	Giá bán cà phê TƯƠI (đ/kg)	Doanh thu (VNĐ)	Giá vốn cà phê TƯƠI (đ/kg)	Lợi nhuận (VNĐ)	Ghi chú
27.630,0	20.000	552.600.000	46.665.915	<b>505.934.085</b>	Cà KTCB

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL6. DỰ TRÙ CHI SẢN XUẤT CÀ PHÊ ĐA THÂN KTCB NĂM 2 - 32 HA NĂM 2026 (TRỒNG NĂM 2024)

STT	HẠNG MỤC	DVT	Định mức /ha	Đơn giá dự kiến VND	Tổng ĐM/ha	Diện tích trồng	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ CHĂM SÓC</b>				<b>118.845.000</b>	<b>32</b>		<b>3.680.040.000</b>	
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ</b>		-	-	<b>56.694.000</b>	<b>32</b>		<b>1.814.208.000</b>	
<b>1</b>	<b>Cây giống</b>				<b>2.477.000</b>	<b>32</b>		<b>79.264.000</b>	
1.1	Cây giống trồng dặm (cây chết do bệnh, sâu đục thân)	Cây	111	7.000	777.000	32	3.552	24.864.000	Cây giống 2 năm công ty sản xuất
1.2	Hạt muồng hoa vàng chắn gió	Kg	4	100.000	400.000	32	128	12.800.000	
1.3	Giống cây bơ ghép	Cây	50	26.000	1.300.000	32	1.600	41.600.000	
<b>2</b>	<b>Phân bón</b>				<b>48.667.000</b>			<b>1.557.344.000</b>	
2.1	Phân NPK hòa tan Nova Calcium (15.5-0.0 + 19 (hoặc 26.5) CaO) tưới qua HTT nhỏ giọt	Kg	220	17.700	3.894.000	32	7.040	124.608.000	Đơn vị tư vấn
2.2	Phân Urê	Kg	120	12.000	1.440.000	32	3.840	46.080.000	
2.3	Phân MAP	Kg	120	37.300	4.476.000	32	3.840	143.232.000	
2.4	Phân Kali (kali trắng)	Kg	120	20.000	2.400.000	32	3.840	76.800.000	
2.5	Phân Nova Mag S (MgSO4)	Kg	60	17.200	1.032.000	32	1.920	33.024.000	
2.6	Kẽm sunphat (ZnSO4)	Kg	25	25.000	625.000	32	800	20.000.000	
2.7	Phân bón NPK bổ sung	Kg	800	15.000	12.000.000	32	25.600	384.000.000	Giảm lượng phân chạy qua HTT để bón NPK trong mùa mưa
2.8	Phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Lít/kg	4	200.000	800.000	32	128	25.600.000	
2.9	Phân hữu cơ vi sinh (phân gà...)	Kg	4.400	5.000	22.000.000	32	140.800	704.000.000	
<b>3</b>	<b>Thuốc BVTV</b>				<b>5.550.000</b>			<b>177.600.000</b>	
3.1	Thuốc BVTV tưới qua gốc (Velum prime 400SC Aliette 800WG)	Lít/kg	3,5	900.000	3.150.000	32	112	100.800.000	
3.2	Thuốc trừ sâu, rầy, rệp...	Lít/kg	4	300.000	1.200.000	32	128	38.400.000	
3.3	Thuốc bệnh	Lít/kg	4	300.000	1.200.000	32	128	38.400.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>62.151.000</b>			<b>1.865.832.000</b>	
<b>1</b>	<b>Trồng, chăm sóc</b>				<b>36.120.000</b>			<b>1.155.840.000</b>	
1.1	Bóc vận chuyên, bón phân hữu cơ vi sinh	Công	8	220.000	1.760.000	32	256	56.320.000	



Tổng sản lượng cà phê quả tươi (kg)	Giá bán cà phê tươi (đ/kg)	SL bán dự kiến 2026	SL bán dự kiến 2027	Doanh thu dự kiến 2026	Doanh thu dự kiến 2027	Giá vốn cà phê 2026 (đ/kg)	Lợi nhuận 2026 (VNĐ)	Ghi chú
224.000	20.000	224.000	0	4.480.000.000	-	378.326.638	4.101.673.362	

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH điều động làm công việc 0
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL7A. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT CÀ PHÊ CHÈ TRUYỀN THỐNG KTCB NĂM 2 XEN SACHI 3.8 HA NĂM 2026 (TRỒNG NĂM 2024)**

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	ĐM/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ</b>				<b>52.037.000</b>		<b>197.740.600</b>	
1	Phân hữu cơ vi sinh	kg	4.500,0	5.000	22.500.000	3,8	85.500.000	
2	Phân Ure	kg	400	12.000	4.800.000	3,80	18.240.000	
3	Phân kali	kg	200	14.000	2.800.000	3,8	10.640.000	
4	Phân NPK	kg	600	15.000	9.000.000	3,80	34.200.000	
5	Vôi	kg	890	3.300	2.937.000	3,80	11.160.600	
6	Thuốc sâu, bệnh, phân bón lá	lít/kg	4	2.500.000	10.000.000	3,8	38.000.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>34.760.000</b>		<b>132.088.000</b>	
1	Làm cỏ trắng, cò bờ lô, vét bồn, tủ gốc	công	100	220.000	22.000.000	3,80	83.600.000	
2	Bón phân (Vôi, phân hoá học, phân hữu cơ)	công	26	220.000	5.720.000	3,8	21.736.000	
3	Phun phân bón lá	công	4	220.000	880.000	3,80	3.344.000	
4	Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh	công/đợt	3	330.000	1.980.000	3,8	7.524.000	
5	Rong tia cây chắn gió, cây che bóng	công	2	220.000	440.000	3,80	1.672.000	
6	Đánh chổi	công	14	220.000	3.080.000	3,8	11.704.000	
7	Rãi vôi	công	3	220.000	660.000	3,80	2.508.000	
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯỚI NƯỚC(5 đợt)</b>				<b>33.930.000</b>		<b>128.934.000</b>	
1	Tưới nước (8 công/ha/đợt)	Công/đợt	8	220.000	8.800.000	3,80	33.440.000	
2	Tiền điện tiếp nước	Đồng/đợt	500.000	5	12.500.000	3,8	47.500.000	
3	Dầu tưới (Giá tạm tính)	Lít/ha/đợt	50	20.000	5.000.000	3,80	19.000.000	
4	Khấu hao máy móc	vnd/ha/đợt	1	180.000	900.000	3,8	3.420.000	
5	Nhớt (Giá tạm tính)	lít/ha/đợt	1	70.000	350.000	3,80	1.330.000	

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	DM/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng	Tổng tiền	Ghi chú
6	Vận chuyển ồng tưới	công/ha/dợt	2	350.000	3.500.000	3,8	13.300.000	
7	Sửa chữa hệ thống tưới	công	4	220.000	880.000	3,80	3.344.000	
8	Vật tư sửa hệ thống tưới	trđ/ha	2.000.000	1	2.000.000	3,8	7.600.000	
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>				<b>2.110.000</b>		<b>8.018.000</b>	
1	Thuê đất	vnd/ha	1.000.000		1.000.000	3,80	3.800.000	
2	Chi phí vận chuyển	công/tấn	0,5	220.000	110.000	3,8	418.000	
3	Chi phí dự phòng	vnd /ha	1.000.000		1.000.000	3,80	3.800.000	
	<b>Tổng</b>				<b>122.837.000</b>		<b>466.780.600</b>	
	Năng suất quả tươi BQ	kg/ha					8.000	
	Tổng sản lượng cà phê quả tươi dự kiến	kg					30.400,00	
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	đ/ha					<b>122.837.000</b>	
	<b>Chi phí thu hoạch và chế biến cà phê nhân xô</b>	<b>đồng</b>					<b>110.839.732</b>	
	<b>Giá thành đơn vị sản phẩm cà phê nhân xô</b>	<b>đồng/ kg</b>					<b>3.646</b>	

Tổng sản lượng cà phê nhân (kg)	Giá bán cà phê nhân (đ/kg)	Doanh thu (VNĐ)	Giá vốn cà phê nhân (đ/kg)	Lợi nhuận (VNĐ)	Ghi chú	
6.909	120.000	829.090.909	25.190.848	<b>362.310.309</b>	Cà phê KTCB	Tiêu thụ 2027

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL7B. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT CÀ PHÊ CHÈ TRUYỀN THÔNG KTCB NĂM 1 XEN SACHI 1.13 HA NĂM 2026 (TRỒNG NĂM 2025)

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	DM/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ</b>				<b>22.445.000</b>		<b>25.362.850</b>	
1	Cây giống trồng dặm (5%)	cây	223	15.000	3.345.000	1,13	3.779.850	
2	Phân lân	kg	900	9.000	8.100.000	1,13	9.153.000	
3	Phân Ure	kg	400	12.000	4.800.000	1,13	5.424.000	
4	Phân kali	kg	200	14.000	2.800.000	1,13	3.164.000	
5	Thuốc sâu, bệnh, phân bón lá	lít/kg	2	1.700.000	3.400.000	1,13	3.842.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>46.640.000</b>	1,13	<b>52.703.200</b>	
1	Trồng dặm cây chính	công	2	220.000	440.000	1,13	497.200	
2	Làm cỏ trắng, cỏ bờ lô, vét bồn, tủ gốc	công	108	220.000	23.760.000	1,13	26.848.800	
3	Mở bồn tưới	công	38	220.000	8.360.000	1,13	9.446.800	
4	Bón phân	công	13	220.000	5.720.000	1,13	6.463.600	
5	Phun phân bón lá	công	4	220.000	880.000	1,13	994.400	
6	Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh	công	12	330.000	3.960.000	1,13	4.474.800	
7	Rong tia cây chắn gió, cây che bóng	công	2	220.000	440.000	1,13	497.200	
8	Đánh cỏ	công	14	220.000	3.080.000	1,13	3.480.400	
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯỚI NƯỚC(5 đợt)</b>				<b>33.930.000</b>	1,13	<b>38.340.900</b>	
1	Tưới nước (8 công/ha/đợt)	Công/đợt	8	220.000	8.800.000	1,13	9.944.000	
2	Tiền điện tiếp nước	Đồng/đợt	500.000	5	12.500.000	1,13	14.125.000	
3	Dầu tưới (Giá tạm tính)	Lít/ha/đợt	50	20.000	5.000.000	1,13	5.650.000	

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	ĐM/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng	Tổng tiền	Ghi chú
4	Khấu hao máy móc	vnd/ha/đợt	1	180.000	900.000	1,13	1.017.000	
5	Nhớt (Giá tạm tính)	lít/ha/đợt	1	70.000	350.000	1,13	395.500	
6	Vận chuyển ống tưới	công/ha/đợt	2	350.000	3.500.000	1,13	3.955.000	
7	Sửa chữa hệ thống tưới	công	4	220.000	880.000	1,13	994.400	
8	Vật tư sửa hệ thống tưới	trđ/ha	2.000.000	1	2.000.000	1,13	2.260.000	
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>				<b>2.110.000</b>		<b>2.384.300</b>	
1	Thuê đất	vnd/ha	1.000.000		1.000.000	1,13	1.130.000	
2	Chi phí vận chuyển	công/tấn	0,5	220.000	110.000	1,13	124.300	
3	Chi phí dự phòng	vnd /ha	1.000.000		1.000.000	1,13	1.130.000	
	<b>Tổng</b>				<b>105.125.000</b>		<b>118.791.250</b>	

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH (chứ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL8. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT CÀ PHÊ ĐA THÂN CHO 5,7 HA KTCB NĂM I (TRỒNG NĂM 2025)**

STT	HẠNG MỤC	DVT	Định mức /ha	Đơn giá dự kiến VND	DM/ha	Diện tích trồng	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ</b>				<b>137.542.000</b>			<b>783.989.400</b>	
<b>1</b>	<b>Cây giống</b>				<b>1.177.000</b>			<b>6.708.900</b>	
1.1	Cây giống trồng dặm do công ty tự sản xuất (5%)	Cây	111	7.000	777.000	5,7	632,7	4.428.900	
1.2	Hạt muồng vàng	Kg	4	100.000	400.000	5,7	22,8	2.280.000	
<b>2</b>	<b>Phân bón</b>				<b>53.340.000</b>			<b>304.038.000</b>	
2.1	Phân NPK hòa tan (Novacid 22-11-11) tưới qua HTT nhỏ giọt	Kg	420	62.000	26.040.000	5,7	2.394,0	148.428.000	
2.2	Phân Hữu cơ vi sinh/phân gà	Kg	4.400	5.000	22.000.000	5,7	25.080,0	125.400.000	
2.3	Phân bón NPK bổ sung	Kg	300	15.000	4.500.000	5,7	1.710,0	25.650.000	
2.4	Phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Lít/kg	4	200.000	800.000	5,7	22,8	4.560.000	
<b>3</b>	<b>Thuốc BVTV- kềm uốn thân</b>				<b>8.025.000</b>			<b>45.742.500</b>	
3.1	Thuốc BVTV (qua hệ thống tưới nhỏ giọt)	Lít/kg	3,5	900.000	3.150.000	5,7	20,0	17.955.000	
3.2	Thuốc trừ sâu, rầy, rệp...	Lít/kg	4	300.000	1.200.000	5,7	22,8	6.840.000	
3.3	Thuốc bệnh	Lít/kg	4	300.000	1.200.000	5,7	22,8	6.840.000	
3.4	Thuốc xử lý môi trường khi trồng dặm	Kg	1	150.000	150.000	5,7	5,7	855.000	
3.5	Chế phẩm xử lý cơ sinh học	Lít/kg	6	200.000	1.200.000	5,7	34,2	6.840.000	Xử lý cỏ khu vực đầu ra ống nhỏ giọt, không thể dùng máy phát hoặc cuốc, những khu vực cỏ chi, cỏ lá nhiều
3.6	Kềm uốn thân cà phê	kg	45	25.000	1.125.000	5,7	256,5	6.412.500	
<b>4</b>	<b>Hệ thống tưới</b>	<b>Ht</b>	<b>1</b>	<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>	<b>5,7</b>	<b>5,7</b>	<b>313.500.000</b>	Cà phê trồng năm I chưa lắp đặt hệ thống tưới
<b>5</b>	<b>Chi phí lắp đặt hệ thống tưới</b>	<b>Ht</b>	<b>1</b>	<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>5,7</b>	<b>5,7</b>	<b>114.000.000</b>	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>67.941.000</b>			<b>387.263.700</b>	

<b>1</b>	<b>Trồng, chăm sóc</b>				<b>41.910.000</b>			<b>238.887.000</b>	
1.1	Bóc vác, vận chuyển bón phân vi sinh	Công	8	220.000	1.760.000	5,7	45,6	10.032.000	
1.2	Trồng dặm	Công	1	220.000	220.000	5,7	5,7	1.254.000	
1.3	Trồng hạt muồng vàng	Công	2	220.000	440.000	5,7	11,4	2.508.000	
1.4	Làm cỏ trắng, cỏ gốc	Công	107	220.000	23.540.000	5,7	609,9	134.178.000	
1.5	Bón phân NPK bổ sung	Công	4	220.000	880.000	5,7	22,8	5.016.000	
1.6	Làm cỏ bờ lô	Công	3	220.000	660.000	5,7	17,1	3.762.000	
1.7	Phun thuốc sâu, bệnh	Công	5	330.000	1.650.000	5,7	28,5	9.405.000	
1.8	Phun phân bón lá	Công	4	220.000	880.000	5,7	22,8	5.016.000	
1.9	Phun chế phẩm xử lý cỏ	Công	8	330.000	2.640.000	5,7	45,6	15.048.000	
1.10	Tia, chọn chồi	Công	12	220.000	2.640.000	5,7	68,4	15.048.000	
1.11	Công cắt kềm, uốn kềm, uốn thân	Công	8	220.000	1.760.000	5,7	45,6	10.032.000	
1.12	Vận hành hệ thống tưới, xử lý thuốc, phân (Bao gồm công sửa đường dây tưới)	Công	15	220.000	3.300.000	5,7	85,5	18.810.000	
1.13	Tủ gốc cho cà phê (tận dụng cỏ khô, cành muồng, các loại cây khác để tủ)	Công	7	220.000	1.540.000	5,7	39,9	8.778.000	
<b>2</b>	<b>Máy móc thi công và chi phí khác</b>				<b>26.031.000</b>			<b>148.376.700</b>	
2.1	Tiền điện tiếp nước lên ao trung chuyển	vnd/tháng	8	1.500.000	12.000.000	5,7	45,6	68.400.000	
2.2	Điện tưới dùng cho hệ thống nhỏ giọt	vnd/tháng	8	500.000	4.000.000	5,7	45,6	22.800.000	
2.3	Vật tư thay thế, sửa chữa hệ thống tưới	Trđ/ha/năm	1	1.000.000	1.000.000	5,7	5,7	5.700.000	
2.4	Thuê đất	Trđ/ha/năm	1	7.031.000	7.031.000	5,7	5,7	40.076.700	
2.5	Dự phòng	Vnd/ha	1	2.000.000	2.000.000	5,7	5,7	11.400.000	
	<b>Tổng cộng</b>							<b>1.171.253.100</b>	
	Năng suất quả tươi BQ	kg/ha							
	Tổng sản lượng cà phê quả tươi dự kiến	kg							-
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	đ/ha						<b>205.483.000</b>	

Tổng sản lượng cà phê nhân (kg)	Giá bán cà phê nhân (đ/kg)	Doanh thu (VNĐ)	Giá vốn cà phê nhân (đ/kg)	CPKH	Lợi nhuận (VNĐ)
0,0	80.000,00	0		-	-

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

HXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.

HXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.

- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.

- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL9. DỰ TRÙ CHI PHÍ TRỒNG MỚI CÀ PHÊ ĐA THÂN, TUỔI NHỎ GIỌT KHU VỰC4 - DIỆN TÍCH 23,9 HA (trồng tháng 5-7/2026)

STT	HẠNG MỤC	DVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ</b>				<b>112.769.500</b>			<b>1.760.278.550</b>
<b>1</b>	<b>Cây giống</b>				<b>18.808.000</b>	<b>96</b>	<b>59.702</b>	<b>449.511.200</b>
1.1	Cây giống (1,5m*3m) công ty tự sản xuất	Cây	2.222	7.000	15.554.000	23,90	53.106	371.740.600
1.2	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	222	7.000	1.554.000	23,90	5.306	37.140.600
1.3	Trồng cây bơ	cây	50	26.000	1.300.000	23,90	1.195	31.070.000
1.4	Hạt giống muồng hoa vàng chắn gió	Kg	4	100.000	400.000	23,90	96	9.560.000
<b>2</b>	<b>Phân bón</b>				<b>87.211.500</b>			<b>1.122.554.850</b>
2.1	Phân NPK hòa tan (Novacid 22-11-11)	Kg	210	62.000	13.020.000	23,90	5.019	311.178.000
2.2	Phân lân bón lót	Kg	700	5.600	3.920.000	23,90	16.730	93.688.000
2.6	Phân Hữu cơ vi sinh	Kg	6.249	3.500	21.871.500	23,90	149.351	522.728.850
2.7	Vôi bột	Kg	1.000	3.300	3.300.000	23,90	23.900	78.870.000
2.8	Phân NPK hạt 2-1-1 (bón lót)	Kg	30	15.000	450.000	23,90	717	10.755.000
2.9	Phân bón NPK bổ sung (sử dụng theo hiện trạng cây trồng)	Kg	150	15.000	2.250.000	23,90	3.585	53.775.000
2.10	Phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Lít/kg	2	200.000	400.000	23,90	48	9.560.000
2.11	Bạt HDPE lót ao	m2	1.200	35.000	42.000.000	1	1.200	42.000.000
<b>3</b>	<b>Thuốc BVTV-kẽm uốn thân</b>				<b>6.750.000</b>	<b>96</b>	<b>586</b>	<b>188.212.500</b>
3.1	Thuốc BVTV (qua hệ thống tưới)	Lít/kg	3,5	900.000	3.150.000	23,90	84	75.285.000
3.2	Thuốc BVTV xịt qua lá (thuốc sâu, rầy..., bệnh)	Lít/kg	3	200.000	600.000	23,90	72	14.340.000
3.4	Thuốc xử lý môi trường khi trồng	Kg	12	150.000	1.800.000	23,90	287	43.020.000
3.5	Thuốc xử lý cỏ	Lít/kg	6	200.000	1.200.000	23,90	143	28.680.000
3.6	Kẽm uốn thân cà phê	kg	45	25.000	1.125.000	23,90	1.075,5	26.887.500

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền
4	Hệ thống tưới	Ht	1	55.000.000	55.000.000	23,9	23,9	1.314.500.000
5	Vật tư, nhân công lắp đặt hệ thống tưới	Ht	1	20.000.000	20.000.000	23,9	23,9	478.000.000
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>152.741.000</b>			<b>1.578.059.900</b>
<b>1</b>	<b>Trồng, chăm sóc</b>				<b>36.010.000</b>			<b>860.639.000</b>
1.1	Thiết kế lô thửa	Công	5	220.000	1.100.000	23,90	120	26.290.000
1.2	Bóc vác, vận chuyển bón lân, vôi và phân vi sinh	Công	20	220.000	4.400.000	23,90	478	105.160.000
1.3	Trộn phân NPK + thuốc môi, móc hố và trồng cây	Công	16	220.000	3.520.000	23,90	382	84.128.000
1.4	Trồng cây bơ	Đồng/cây	50	3.000	150.000	23,90	1.195	3.585.000
1.5	Vận chuyển cây giống	Công	2,0	220.000	440.000	23,90	48	10.516.000
1.6	Trồng dặm	Công	2	220.000	440.000	23,90	48	10.516.000
1.7	Làm cỏ trắng, cỏ gốc	Công	45	220.000	9.900.000	23,90	1.076	236.610.000
1.8	Phun thuốc xử lý cỏ	Công	8	330.000	2.640.000	23,90	191	63.096.000
1.9	Bón phân NPK	Công	2	220.000	440.000	23,90	48	10.516.000
1.10	Làm cỏ bờ lô	Công	3	220.000	660.000	23,90	72	15.774.000
1.11	Phun thuốc BVTV (sâu, bệnh hại...)	Công	4	330.000	1.320.000	23,90	96	31.548.000
1.12	Công cắt kềm, uốn kềm, uốn thân	Công	8	220.000	1.760.000	23,90	191,2	42.064.000
1.13	Phun phân bón lá	Công	3	220.000	660.000	23,90	72	15.774.000
1.14	Tĩa, chọn chồi	Công	15	220.000	3.300.000	23,90	359	78.870.000
1.15	Trồng cây mường hoa vàng chắn gió	Công	2	220.000	440.000	23,90	47,8	10.516.000
1.16	Vận hành hệ thống tưới, xử lý thuốc, phân	Công	15	220.000	3.300.000	23,90	359	78.870.000
1.17	Tủ gốc cho cà phê (tận dụng cỏ khô, cành mường, các loại cây khác để tủ)	Công	7	220.000	1.540.000	23,90	167	36.806.000
<b>2</b>	<b>Máy móc thi công và chi phí khác</b>				<b>116.731.000</b>			<b>717.420.900</b>

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền
2.1	Rạch hàng	Vnd/ha	1	1.200.000	1.200.000	23,90	24	28.680.000
2.2	Mức ao trung chuyển	ca máy	15	2.700.000	40.500.000	1	15	40.500.000
2.3	Tiếp nước lên ao trung chuyển	vnd/tháng	8	1.500.000	12.000.000	23,90	191	286.800.000
2.4	Điện tưới dùng cho hệ thống nhỏ giọt	vnd/tháng	8	500.000	4.000.000	23,90	191	95.600.000
2.5	Nhà kho bảo vệ máy bơm, hệ thống hút phân, van điều khiển	cái	1	50.000.000	50.000.000			50.000.000
2.6	Thuê đất	đồng/ha/năm	1	7.031.000	7.031.000	23,90	24	168.040.900
2.7	Dự phòng	Vnd/ha	1	2.000.000	2.000.000	23,90	24	47.800.000
	<b>Tổng cộng</b>							<b>3.338.338.450</b>
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	đ/ha						<b>139.679.433</b>

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lò nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL10. DỰ TRÙ CHI PHÍ TRỒNG MỚI CÀ PHÊ ĐA THÂN, TUỔI TRUYỀN THÔNG KHU VỰC 4 - DIỆN TÍCH 13 HA (TRỒNG THÁNG 2-3/2026)**

STT	HẠNG MỤC	DVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ</b>				<b>102.221.900</b>			<b>1.101.384.700</b>	-
<b>1</b>	<b>Cây giống</b>				<b>17.725.400</b>			<b>230.430.200</b>	-
1.1	Cây giống (1,5m*3m) công ty tự sản xuất	Cây	2.222	7.000	15.554.000	13,0	28.886	202.202.000	-
1.2	Cây giống trồng dặm (10%)	Cây	222	7.000	1.555.400	13,0	2.889	20.220.200	-
1.3	Trồng cây cảnh quan che bóng mát ( Hoa phượng tím)	Cây	77	8.000	616.000	13,0	1.001	8.008.000	-
<b>2</b>	<b>Phân bón</b>				<b>41.321.500</b>			<b>537.179.500</b>	-
2.1	Phân lân bón lót	Kg	700	9.000	6.300.000	13,0	9.100	81.900.000	-
2.5	Phân Hữu cơ vi sinh tự ủ	Kg	6.249	3.500	21.871.500	13,0	81.237	284.329.500	-
2.6	Vôi bột	Kg	1.000	3.300	3.300.000	13,0	13.000	42.900.000	-
2.7	Phân NPK hạt (bón lót)	Kg	30	15.000	450.000	13,0	390	5.850.000	-
2.8	Phân NPK bón bổ sung (theo hiện trạng cây)	Kg	600	15.000	9.000.000	13,0	7.800	117.000.000	-
2.9	Phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Lit/kg	2	200.000	400.000	13,0	26	5.200.000	-
<b>3</b>	<b>Thuốc BVTV-kềm uốn thân</b>				<b>8.175.000</b>			<b>106.275.000</b>	-
3.1	Thuốc BVTV tưới qua gốc (Velum prime 400SC, Aliette 800WG...)	Lít/kg	3,5	900.000	3.150.000	13,0	46	40.950.000	-
3.2	Thuốc BVTV xịt qua lá (thuốc sâu, rầy..., bệnh)	Lít/kg	3	300.000	900.000	13,0	39	11.700.000	-
3.4	Thuốc xử lý môi trường trước khi trồng	Kg	12	150.000	1.800.000	13,0	156	23.400.000	-
3.5	Chế phẩm xử lý cơ (sinh học)	Lít/kg	6	200.000	1.200.000	13,0	78	15.600.000	-
3.6	Kềm uốn thân cà phê	kg	45	25.000	1.125.000	13,0	585,0	14.625.000	-
<b>4</b>	<b>Vật tư làm hệ thống tưới</b>	hệ thống	<b>1</b>	<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>	<b>6,5</b>	<b>6,5</b>	<b>227.500.000</b>	Diện tích còn lại tận dụng hệ thống tưới của nhà đăm hiện có
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>61.062.000</b>	-	-	<b>957.086.000</b>	-

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
1	<b>Công lao động Trồng, chăm sóc</b>				<b>39.611.000</b>			<b>486.343.000</b>	-
1.1	Thiết kế lô thửa	Công	5	220.000	1.100.000	13,0	65	14.300.000	-
1.2	Bóc vắc, vận chuyển bón lân, vôi và phân vi sinh	Công	20	220.000	4.400.000	13,0	260	57.200.000	-
1.3	Trộn phân NPK + thuốc mối, móc hồ và trồng cây	Công	16	220.000	3.520.000	13,0	208	45.760.000	-
1.4	Trồng cây cảnh quan che bóng mát ( Hoa phượng tím)	Đồng/cây	77	3.000	231.000	13,0	1.001	3.003.000	-
1.5	Vận chuyển cây giống	Công	2	220.000	440.000	13,0	26	5.720.000	-
1.6	Trồng dặm	Công	2	220.000	440.000	13,0	26	5.720.000	-
1.7	Làm cỏ trắng, cỏ gốc	Công	56	220.000	12.320.000	13,0	728	160.160.000	-
1.8	Phun chế phẩm sinh học xử lý cỏ	Công	8	330.000	2.640.000	13,0	104	34.320.000	-
1.9	Bón phân NPK (phân vô cơ)	Công	6	220.000	1.320.000	13,0	78	17.160.000	-
1.10	Làm cỏ bờ lô	Công	3	220.000	660.000	13,0	39	8.580.000	-
1.11	Phun thuốc BVTV (sâu, bệnh hại...)	Công	4	330.000	1.320.000	13,0	52	17.160.000	-
1.12	Công cắt kềm, uốn kềm, uốn thân	Công	8	220.000	1.760.000	13,0	104,0	22.880.000	
1.13	Phun phân bón lá	Công	3	220.000	660.000	13,0	39	8.580.000	-
1.14	Tỉa, chọn chồi	Công	5	220.000	1.100.000	13,0	65	14.300.000	-
1.15	Tủ gốc cho cà phê	Công	7	220.000	1.540.000	13,0	91	20.020.000	-
1.16	Công cắt kềm, uốn kềm, uốn thân	Công	8	220.000	1.760.000	13,0	104	22.880.000	Trồng tháng 2 sau 4 tháng có thể uốn thân
1.17	Thiết kế, lắp đặt hệ thống tưới	Công	20	220.000	4.400.000	7	130	28.600.000	Thiết kế theo hệ thống tưới bằng béc phun
2	<b>Chi phí tưới nước (10-15 ngày/đợt: dự kiến 04đợt)</b>				<b>3.420.000</b>			<b>177.840.000</b>	-
2.1	Công lao động	Công/đợt	8	220.000	1.760.000	13,0	416	91.520.000	-
2.2	Dầu tưới (Giá tạm tính)	Lít/ha/đợt	50	22.000	1.100.000	13,0	2.600	57.200.000	-
2.3	Khấu hao máy móc	vnd/ha/đợt	1	100.000	100.000	13,0	52	5.200.000	-

131 9.5.4 E 21

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
2.4	Nhót (Giá tạm tính)	lít/ha/đợt	1	110.000	110.000	13,0	52	5.720.000	-
2.5	Vận chuyển	vnd/ha/đợt	1	350.000	350.000	13,0	52	18.200.000	-
<b>3</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>18.031.000</b>			<b>292.903.000</b>	-
3.1	Mức hồ (dùng máy đào)	Ca máy	2,5	3.000.000	7.500.000	13,0	32,5	97.500.000	-
3,2	Tiếp nước lên ao trung chuyển	VND/đợt	1	1.500.000	1.500.000	13,0	52	78.000.000	-
3,3	Thuế đất	tr.đ/ha	1	7.031.000	7.031.000	13,0	13,0	91.403.000	-
3,4	Dự phòng	tr.đ/ha	1	2.000.000	2.000.000	13,0	13,0	26.000.000	-
					<b>163.283.900</b>			<b>2.058.470.700</b>	-
	Năng suất quả tươi BQ	kg/ha							
	Tổng sản lượng cà phê quả tươi dự kiến	kg							-
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	đ/ha						<b>158.343.900</b>	

Tổng sản lượng cà phê nhân (kg)	Giá bán cà phê nhân (đ/kg)	Doanh thu (VNĐ)	Giá vốn cà phê nhân (đ/kg)	CPKH	Lợi nhuận (VNĐ)
0,0	80.000,00	0		-	-

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL11. DỰ TRÙ CHI PHÍ TRỒNG MỚI CÀ PHÊ ĐA THÂN, TƯỚI TRUYỀN THÔNG  
KHU VỰC 2, 3B - DIỆN TÍCH 13,7 HA (TRỒNG THÁNG 6-7)

STT	HẠNG MỤC	DVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ</b>				<b>57.844.400</b>			<b>792.468.280</b>
<b>1</b>	<b>Cây giống</b>				<b>19.109.400</b>			<b>261.798.780</b>
1.1	Cây giống công ty tự sản xuất (1,5m*3m)	Cây	2.222	7.000	15.554.000	13,70	30.441	213.089.800
1.2	Cây giống trồng dặm công ty tự sản xuất (10%)	Cây	222	7.000	1.555.400	13,70	3.044	21.308.980
1.3	Trồng cây hàng rào (cây bơ, cà ri, cau)	Cây	200	10.000	2.000.000	13,70	2.740	27.400.000
<b>2</b>	<b>Phân bón</b>				<b>30.560.000</b>		<b>62.390</b>	<b>418.672.000</b>
2.1	Phân lân bón lót	Kg	700	9.000	6.300.000	13,70	9.590	86.310.000
2.5	Phân gà	Kg	2.222	5.000	11.110.000	13,70	30.441	152.207.000
2.6	Vôi bột	Kg	1.000	3.300	3.300.000	13,70	13.700	45.210.000
2.7	Phân NPK hạt (bón lót)	Kg	30	15.000	450.000	13,70	411	6.165.000
2.8	Phân NPK bón bổ sung (theo hiện trạng cây)	Kg	600	15.000	9.000.000	13,70	8.220	123.300.000
2.9	Phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Lít/kg	2	200.000	400.000	13,70	27	5.480.000
<b>3</b>	<b>Thuốc BVTV - kềm uốn thân</b>				<b>8.175.000</b>		<b>952</b>	<b>111.997.500</b>
3.1	Thuốc BVTV tưới qua gốc (Velum prime 400SC, Aliette 800WG...)	Lít/kg	3,5	900.000	3.150.000	13,70	48	43.155.000
3.2	Thuốc BVTV xịt qua lá (thuốc sâu, rầy..., bệnh)	Lít/kg	3	300.000	900.000	13,70	41	12.330.000
3.4	Thuốc xử lý mối trước khi trồng	Kg	12	150.000	1.800.000	13,70	164	24.660.000
3.5	Chế phẩm xử lý cỏ (sinh học)	Lít/kg	6	200.000	1.200.000	13,70	82	16.440.000

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền
3.6	Kẽm uốn thân cà phê	kg	45	25.000	1.125.000	13,70	616,5	15.412.500
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>50.301.000</b>	-	-	<b>782.831.700</b>
<b>1</b>	<b>Công lao động Trồng, chăm sóc</b>				<b>31.100.000</b>			<b>426.070.000</b>
1.1	Thiết kế lô thửa	Công	5	220.000	1.100.000	13,7	69	15.070.000
1.2	Bóc vác, vận chuyển bón lân, vôi và phân vi sinh	Công	20	220.000	4.400.000	13,7	274	60.280.000
1.3	Trộn phân NPK + thuốc mỗi, móc hố và trồng cây	Công	16	220.000	3.520.000	13,7	219	48.224.000
1.4	Trồng cây hàng rào	Đồng/cây	200	1.500	300.000	13,7	2.740	4.110.000
1.5	Vận chuyển cây giống	Công	2	220.000	440.000	13,7	27	6.028.000
1.6	Trồng dặm	Công	2	220.000	440.000	13,7	27	6.028.000
1.7	Làm cỏ trắng, cỏ gốc	Công	45	220.000	9.900.000	13,7	617	135.630.000
1.8	Phun chế phẩm sinh học xử lý cỏ	Công	8	330.000	2.640.000	13,7	110	36.168.000
1.9	Bón phân NPK (phân vô cơ)	Công	6	220.000	1.320.000	13,7	82	18.084.000
1.10	Làm cỏ bờ lô	Công	3	220.000	660.000	13,7	41	9.042.000
1.11	Công cắt kẽm, uốn kẽm, uốn thân	Công	8	220.000	1.760.000	13,7	109,6	24.112.000
1.12	Phun thuốc BVTV (sâu, bệnh hại...)	Công	4	330.000	1.320.000	13,7	55	18.084.000
1.13	Phun phân bón lá	Công	3	220.000	660.000	13,7	41	9.042.000
1.14	Tỉa, chọn chồi	Công	5	220.000	1.100.000	13,7	69	15.070.000
1.15	Tủ gốc cho cà phê	Công	7	220.000	1.540.000	13,7	96	21.098.000
<b>2</b>	<b>Chi phí tưới nước (10-15 ngày/đợt: dự kiến 03 đợt)</b>				<b>3.420.000</b>			<b>140.562.000</b>
2.1	Công lao động	Công/đợt	8	220.000	1.760.000	13,7	329	72.336.000

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Diện tích trồng (Ha)	Tổng định mức	Tổng tiền
2.2	Dầu tưới (Giá tạm tính)	Lít/ha/đợt	50	22.000	1.100.000	13,7	2.055	45.210.000
2.3	Khấu hao máy móc	vnd/ha/đợt	1	100.000	100.000	13,7	41	4.110.000
2.4	Nhớt (Giá tạm tính)	lít/ha/đợt	1	110.000	110.000	13,7	41	4.521.000
2.5	Vận chuyển	vnd/ha/đợt	1	350.000	350.000	13,7	41	14.385.000
<b>3</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>15.781.000</b>			<b>216.199.700</b>
3.1	Mức hố (dùng máy đào)	Ca máy	2,5	2.700.000	6.750.000	13,7	34	92.475.000
3.2	Thuê đất	tr.đ/ha	1	7.031.000	7.031.000	13,7	13,7	96.324.700
3.3	Dự phòng	tr.đ/ha	1	2.000.000	2.000.000	13,7	13,7	27.400.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>114.985.400</b>			<b>1.575.299.980</b>
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	đ/ha						<b>114.985.400</b>

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL12. DỰ TRÙ CHI PHÍ SXKD BẮP GIỐNG NĂM 2026 (TỪ THÁNG 4 TỚI THÁNG 11.2026)**

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá	Thành tiền	Diện tích dự kiến thực hiện	Tổng định mức	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư</b>				<b>21.075.000</b>			<b>864.075.000</b>	
1	Hạt bắp giống	kg	20			41	820		
2	Vôi	kg	300	3.300	990.000		12.300	40.590.000	
3	Lân hạt	kg	500	9.000	4.500.000		20.500	184.500.000	
4	NPK 30-10-10 (đợt 1- sau 20 ngày tía)	kg	100	13.500	1.350.000		4.100	55.350.000	
5	NPK 16-16-8 (đợt 2 sau 45-50 ngày tía)	kg	200	13.500	2.700.000		8.200	110.700.000	
6	NPK 19-9-19 (đợt 3 sau rút cờ)	kg	100	13.500	1.350.000		4.100	55.350.000	
7	Thuốc xử lý mầm cỏ (Chai 250ml)	Chai	6	60.000	360.000		246	14.760.000	
8	Thuốc xử lý cỏ lưu dẫn (Chai 900ml)	Chai	20	80.000	1.600.000		820	65.600.000	
9	Thuốc trừ sâu Match 050EC 100ml	Chai	35	85.000	2.975.000		1.435	121.975.000	
10	Thuốc bệnh Anvil 5SC 1 Lit	Chai	20	240.000	4.800.000		820	196.800.000	
11	Phân bón lá	Lít	3	150.000	450.000		123	18.450.000	Bổ sung thêm
<b>II</b>	<b>Công lao động</b>				<b>25.720.000</b>			<b>1.054.520.000</b>	
1	Cây, phay đất	ha	1	2.500.000	2.500.000		41,0	102.500.000	Tính chi phí thuê máy ngoài 10 ha, máy công ty 30 ha. Trong trường hợp máy công ty không cây kịp mới thuê máy ngoài
2	Xuống giống, gieo hạt	Ha	1	1.000.000	1.000.000		41,0	41.000.000	
3	Công tía dặm bắp đực, bắp cái	Công	3	220.000	660.000		123	27.060.000	

4	Vận chuyển, bón phân							
	Vôi + lân	Công	3	220.000	660.000		123	27.060.000
	Thức đợt 1 (NPK 30-10-10) 100kg/ha	Công	1	220.000	220.000		41,0	9.020.000
	Thức đợt 2 (NPK 16-16-8) 200kg/ha	Công	1	220.000	220.000		41,0	9.020.000
	Thức đợt 3 (NPK 19-9-19) 100kg/ha	Công	1	220.000	220.000		41	9.020.000
5	Phun thuốc BVTV, phân bón lá							
	Xịt cô mầm	Bồn 1000 lít	1	800.000	800.000		41,0	32.800.000
	Xịt bón lá + sâu	Bồn 1000 lít	2	800.000	1.600.000		82	65.600.000
	Xịt bệnh	Bồn 1000 lít	2	800.000	1.600.000		82	65.600.000
	Xịt cô gốc (xịt 1đợt)	Công	12	300.000	3.600.000		492	147.600.000
6	Khử bấp lẩn	Công	2	220.000	440.000		82	18.040.000
7	Rút cờ bấp cái	Công	12	220.000	2.640.000		492	108.240.000
8	Chặt cây bấp đực	Công	2	220.000	440.000		82	18.040.000
9	Thu hoạch	công/ha	11	220.000	2.420.000		451,0	99.220.000
10	Vận chuyển quả về kho kv2, 4	VNĐ/ha	1	1.500.000	1.500.000		41,0	61.500.000
11	Lột vỏ	kg	5.200	1.000	5.200.000		213.200	213.200.000
<b>III</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>1.933.333</b>			<b>79.266.667</b>
1	Thuê đất	Trđ/ha	1	5.800.000	1.933.333		41,0	79.266.667
	<b>Tổng cộng</b>				<b>48.728.333</b>			<b>1.997.861.667</b>
	<b>Tổng sản lượng</b>	<b>tấn</b>						<b>213</b>
	<b>Giá vốn</b>	<b>trđ//tấn</b>						<b>9,4</b>

880 THU

Tổng sản lượng bấp (tấn)	Giá bán (trđ/tấn)	Doanh thu	Giá vốn	Tổng Lợi nhuận (Trđ)
213	15,50	3.304,6	1.997,9	1.307

3304,6

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lỗ nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL13A. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT NHA ĐAM 6,5 HA TRỒNG 2025**

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức /ha	Định mức cho 01 ha		Diện tích (ha)	Tổng định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
				Đơn giá dự kiến	Thành tiền				
<b>I</b>	<b>CÂY GIỐNG VẬT TƯ</b>				<b>108.150.000</b>			<b>702.975.000</b>	
1	Phân Gà nhập khẩu	kg	6.000	5.000	30.000.000	6,50	39.000,0	195.000.000	
2	Vôi bột	Kg	500	3.500	1.750.000	6,50	3.250,0	11.375.000	
3	<b>NPK 16-16-8 + TE</b>	kg	1.000	15.000	15.000.000	6,50	6.500,0	97.500.000	
4	Phân Humic hạt	kg	1000	25.000	25.000.000	6,50	6.500,0	162.500.000	
5	Chế phẩm phòng trừ nấm bệnh (12 đợt/năm)	kg	72	200.000	14.400.000	6,50	468,0	93.600.000	
7	Sọt đựng bẹ, cây con	đ/cái	500	42.000	21.000.000	6,50	3.250,0	136.500.000	Nếu 2025 chưa mua chuyển qua 2026 ( 2 năm mua 1 lần)
8	Dụng cụ cắt bẹ, nhổ cây con	đ/ha	1	1.000.000	1.000.000	6,50	6,5	6.500.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>368.268.000</b>			<b>2.393.742.000</b>	
1	Công rải vôi - vận chuyển	công	3	220.000	660.000	6,50	19,5	4.290.000	
2	Bóc vác, vận chuyển, bón phân Gà - NPK 16-16-8 + TE - Humic	công	42	220.000	9.240.000	6,50	273,0	60.060.000	
3	Công phun chế phẩm phòng nấm bệnh	công	44	220.000	9.680.000	6,50	286,0	62.920.000	
4	Công bóc vác, vận chuyển lên xe( 10 đợt, mỗi đợt 20 tấn)	đ/kg	200.000	120	24.000.000	6,50	1.300.000,0	156.000.000	
5	Chi phí vận chuyển Bẹ nha đam đi bán ( 10 đợt, mỗi đợt 20 tấn)	đ/kg	200.000	600	120.000.000	6,50	1.300.000,0	780.000.000	
6	Công làm có hàng- luống, tía cây con (12 đợt, 35 công/đợt)	công	420	220.000	92.400.000	6,50	2.730,0	600.600.000	
7	Công cắt bẹ (500 kg/công)	công	437,40	220.000	96.228.000	6,50	2.843,1	625.482.000	
8	Công tưới nước (3 ngày/lần tưới)	công	70	220.000	15.400.000	6,50	455,0	100.100.000	

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức /ha	Định mức cho 01 ha		Diện tích (ha)	Tổng định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
				Đơn giá dự kiến	Thành tiền				
9	Công làm có bờ ranh, bờ lô	công	3	220.000	660.000	6,50	19,5	4.290.000	
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯỚI - THUÊ ĐẤT</b>				<b>27.000.000</b>			<b>175.500.000</b>	
1	Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm	Lần/năm	1	1.000.000	1.000.000	6,50	6,5	6.500.000	
2	Vật tư thay thế, sửa chữa hệ thống tưới	tr.đ/ha	1	1.000.000	1.000.000	6,50	6,5	6.500.000	
3	Tiếp nước lên ao trung chuyển	tr.đ/ha/tháng	12	1.500.000	18.000.000	6,50	78,0	117.000.000	
4	Điện tưới dùng cho hệ thống tưới	trđ/ha	12	500.000	6.000.000	6,50	78,0	39.000.000	
5	Chi phí dự phòng	trđ/ha	1	1.000.000	1.000.000	6,50	6,5	6.500.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>503.418.000</b>			<b>3.272.217.000</b>	
	Sản lượng dự kiến thu bẹ (10 đợt)	kg						<b>1.421.550</b>	
	Giá vốn							<b>2.302</b>	
	<b>Chi phí đầu tư BQ</b>	đ/ha						<b>503.418.000</b>	

- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 220.000 đồng/công.

- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.

- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL14. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT SÁCHI KINH DOANH 4 HA NĂM 2026**

- Sachi là dòng cây bụi cho thu hoạch thường xuyên sức đề kháng kém nên cây chết dần

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	DT thực hiện	Thành tiền/ha	Diện tích thực hiện (ha)	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ, PHÂN BÓN</b>					<b>29.520.000</b>		<b>118.080.000</b>	
1	Phân NPK (4 đợt/năm)	kg	450	15.000	1,00	6.750.000	4,00	27.000.000	
2	Phân kali	kg	450	14.000	1,00	6.300.000	4,00	25.200.000	
3	Phân bón lá	Lít/kg	5	200.000	1,00	1.000.000	4,00	4.000.000	
4	Vôi bột (1 đợt/năm)	kg	200	3.300	1,00	660.000	4,00	2.640.000	
5	phân gà	kg	2.200	5.000	1,00	11.000.000	4,00	44.000.000	
6	Thuốc BVTV	Lít/kg	3	1.000.000	1,00	3.000.000	4,00	12.000.000	
7	Bao đựng sachi	cái	270	3.000	1,00	810.000	4,00	3.240.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>					<b>72.310.000</b>	4,00	<b>289.240.000</b>	
1	Làm cỏ gốc, bờ lô (9 đợt)	Công	54	220.000	1,00	11.880.000	4,00	47.520.000	
2	Cắt cành, tạo tán, cột Sachi lên giàn và trồng dặm	Công	62	220.000	1,00	13.640.000	4,00	54.560.000	
3	Công phun thuốc BVTV	Công	12	330.000	1,00	3.960.000	4,00	15.840.000	
4	Phun phân bón lá (Đa, trung, vi lượng)	Công	12	220.000	1,00	2.640.000	4,00	10.560.000	
6	Nhân công bón phân	công	20	220.000	1,00	4.400.000	4,00	17.600.000	
7	Nhân công bón vôi (333,3kg/công)	kg/công	2	220.000	1,00	440.000	4,00	1.760.000	
8	Thu hoạch (tính cho quả tươi)	kg	7.000	5.000	1,00	35.000.000	4,00	140.000.000	
9	Công phơi quả (tính cho quả tươi)	công/tấn	1	240.000	1,00	240.000	4,00	960.000	
10	Bốc vác, vận chuyển phân bón (đồng/tấn)	vnd/tấn	1	110.000	1,00	110.000	4,00	440.000	
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯỚI NƯỚC(5 đợt)</b>					<b>30.630.000</b>	4,00	<b>122.520.000</b>	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến	DT thực hiện	Thành tiền/ha	Diện tích thực hiện (ha)	Thành tiền	Ghi chú
1	Tưới nước (5 công/ha/đợt)	Công/đợt	5	220.000	1,00	5.500.000	4,00	22.000.000	
2	Tiền điện tưới nước	Đồng/đợt	500.000	5	1,00	12.500.000	4,00	50.000.000	
3	Dầu tưới (Giá tạm tính)	Lít/ha/đợt	50	20.000	1,00	5.000.000	4,00	20.000.000	
4	Khấu hao máy móc	vnd/ha/đợt	1	180.000	1,00	900.000	4,00	3.600.000	
5	Nhớt (Giá tạm tính)	lít/ha/đợt	1	70.000	1,00	350.000	4,00	1.400.000	
6	Vận chuyển ống tưới	công/ha/đợt	2	350.000	1,00	3.500.000	4,00	14.000.000	
7	Sửa chữa hệ thống tưới	công	4	220.000	1,00	880.000	4,00	3.520.000	
8	Vật tư sửa hệ thống tưới	trđ/ha	2.000.000	1	1,00	2.000.000	4,00	8.000.000	
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>					<b>2.110.000</b>	4,00	<b>8.440.000</b>	
1	Thuê đất	vnd/ha	1.000.000		1,00	1.000.000	4,00	4.000.000	
2	Chi phí vận chuyển	công/tấn	0,5	220.000	1,00	110.000	4,00	440.000	
3	Chi phí dự phòng	vnd /ha	1.000.000		1,00	1.000.000	4,00	4.000.000	
	<b>Tổng</b>					<b>134.570.000</b>		<b>538.280.000</b>	
	Sản lượng quả khô dự kiến							<b>30.000</b>	
	Giá vốn							17.943	

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

HXH (chủ lỗ nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.

HXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.

- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.

- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL15A. DỰ TRÙ CHI PHÍ CHĂM SÓC 130.000 CÂY GIỐNG TRỒNG THÁNG 9-10.2025

Stt	Hạng mục	Đvt	Thành tiền
1	Tổng CP Chăm sóc 37.000 cây cà phê giống ươm năm 2024	VND	62.766.850
2	Tổng CP, Ươm 100.000 cây cà phê giống phục vụ sx năm Tháng 2/2026	VND	385.979.050
	<b>Tổng cộng</b>	VND	<b>448.745.900</b>

**A Chăm sóc 37.000 cây cà phê giống ươm năm 2025**

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư</b>				<b>37</b>	<b>36.740.450</b>	
1	Túi Bầu (12*22 cm)	kg	3,5	41.000	130	5.309.500	Theo thực tế
2	Đất đóng bầu	m <sup>3</sup>	1	85.000	37	3.145.000	
3	Phân hữu cơ vi sinh (HCVS)	kg	75	5.000	2.775	13.875.000	
4	Phân Lân	kg	5	9.000	185	1.665.000	
5	Phân DAP	kg	1,15	28.000	43	1.191.400	
6	Trichoderma	kg	1,5	100.000	56	5.550.000	
7	Phân NPK	kg	1,15	15.000	43	638.250	
8	Vôi >85%	kg	3	3.300	111	366.300	
9	Thuốc BVTV	vnđ		2.000.000	2	4.000.000	
10	Chi phí dự phòng	vnđ				1.000.000	
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>					<b>21.026.400</b>	
1	Đào trộn hỗn hợp đất, Đóng bầu, xếp luống, thay bầu ươm	đồng/bầu	1.000	1.000	3.000	3.000.000	

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
2	Bón phân NPK (14 đợt)	công/đợt	0,03	240.000	20	4.795.200	
3	Phun thuốc trừ sâu (7 đợt)	công/đợt	0,04	330.000	15	4.884.000	
4	Nhổ cỏ phá váng (14 đợt)	công/đợt	0,03	240.000	20	4.795.200	
5	Đào bầu cây (1 đợt)	công/đợt	0,2	240.000	15	3.552.000	
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>					<b>5.000.000</b>	
1	Vận chuyển, bốc vác phân HCVS đến vườn ươm	đồng/tấn		100.000	10	1.000.000	
2	Tưới nước	đồng				3.000.000	
3	Chi phí dự phòng	đồng		1.000.000		1.000.000	
<b>TỔNG CỘNG DỰ TOÁN</b>						<b>62.766.850</b>	

**B Ươm 100.000 cây cà phê giống phục vụ sx năm Tháng 2/2026**

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư</b>					<b>214.840.250</b>	
1	Túi Bầu (6*22 cm)	kg	3,5	41.000	389	15.949.000	Theo thực tế
2	Bạt Nilon đen	cuộn		3.000.000	2	6.000.000	
3	Dây rút (4*200mm)	bịch		35.000	20	700.000	
4	Đất đóng bầu	m <sup>3</sup>	1	85.000	111	9.435.000	
5	Vỏ trấu	bao	6	20.000	667	13.340.000	
6	Phân hữu cơ vi sinh (HCVS)	kg/m <sup>3</sup>	75	5.000	8.333	41.665.000	
7	Phân Lân	kg	5	9.000	556	5.004.000	

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
8	Cây cà phê lá sò (gồm 10% hao hụt)	cây		850	111111	94.444.350	
9	Phân DAP	kg	1,15	28.000	128	3.584.000	Theo thực tế
10	Trichoderma	kg	1,5	100.000	167	16.700.000	
11	Phân NPK	kg	1,15	15.000	128	1.920.000	
12	Vôi >85%	kg	3	3.300	333	1.098.900	
13	Thuốc BVTV	vnd		2.000.000	2	4.000.000	
14	Chi phí dự phòng	vnd				1.000.000	
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>				<b>121</b>	<b>166.014.350</b>	
1	Phun thuốc cỏ	công		330.000	3	990.000	
2	Phát dọn, vệ sinh, dọn mặt bằng	công	0,05	240.000	6	1.440.000	
3	Sửa chữa vườn ươm	công	0,1	240.000	11	2.640.000	
4	Đào trộn hỗn hợp đất, đóng bầu, xếp luống	đồng/bầu	1.000	600	111111	66.666.600	
5	Nhổ và cắm cây con vào bầu	đồng/cây	2	250	111.111	27.777.750	
6	Bón phân NPK	công/đợt	0,03	240.000	18	4.320.000	
7	Phun thuốc trừ sâu	công/đợt	0,04	330.000	14	4.620.000	
8	Nhổ cỏ phá váng	công/đợt	0,03	240.000	34	8.160.000	
9	Đào bầu cây	công/đợt	0,3	240.000	20	4.800.000	
10	Xới đất bầu ươm	công/đợt	0,3	240.000	15	3.600.000	
11	Giếng khoan công nghiệp	đồng/m		181.818	110	20.000.000	
12	Máy bơm 3 pha- dây điện - Cáp điện	cái			1	10.000.000	
13	Ống nhựa	ống		392.857	28	11.000.000	

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>					<b>5.124.450</b>	
1	Vận chuyển, bốc vác phân HCVS đến vườn	đồng/tấn		100.000	10	1.000.000	
2	Tưới nước	đồng				3.000.000	
3	Chi phí dự phòng	đồng		1.000.000		1.124.450	
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>385.979.050</b>	

Stt	Hạng mục	Đvt	Công ty tự sản xuất	Công ty mua giống bên ngoài	Chênh lệch
1	Số lượng cây giống sản xuất	Cây	111.111		
2	Tỷ lệ cây giống không đạt chuẩn xuất vườn	%	10%		
3	Số lượng cây giống đạt chuẩn xuất vườn 6 cặp lá	Cây	100.000	100.000	
4	Giá bán vốn tự sản xuất/giá mua ngoài	VND /cây	3.860	9.000	5.140
5	Chi phí tự sản xuất/Chi phí mua ngoài	VND	385.979.050	900.000.000	<b>514.020.950</b>

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH (chủ lỗ nhận khoản chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL 15B. DỰ TRÙ CHI PHÍ ƯƠM 120.000 CÂY GIỐNG CÀ PHÊ (50HA) ( phục vụ kinh doanh cây giống)**

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú	
<b>I</b>	<b>Vật tư</b>				<b>120</b>	<b>168.942.000</b>		
1	Túi Bầu (6*22 cm)	kg	3,5	41.000	420	17.220.000	Theo thực tế	
2	Bạt Nilon đen	cuộn		3.000.000	2	6.000.000		
3	Dây rút (4*200mm)	bịch		35.000	20	700.000		
4	Đất đóng bầu	m <sup>3</sup>	1	85.000	120	10.200.000		
5	Cát	m <sup>3</sup>		900.000	6	5.400.000		
6	Vỏ trấu	bao	6	20.000	720	14.400.000		
7	Phân hữu cơ vi sinh (HCVS)	kg/m <sup>3</sup> (đất)	75	5.000	9.000	45.000.000		
8	Phân Lân	kg	5	9.000	600	5.400.000		
9	Hạt giống cà phê	kg	1	200.000	120	24.000.000		
10	Lưới che Thái	cuộn		900.000	10	9.000.000		
11	Lưới nhựa lỗ nhỏ (1,5x50m) (rào xung quanh vườn)	cuộn		500.000	3	1.500.000		
12	Phân DAP	kg	1,15	28.000	138	3.864.000		
13	Trichoderma	kg	1,5	100.000	180	18.000.000		
14	Phân NPK	kg	1,15	15.000	138	2.070.000		
15	Vôi >85%	kg	3	3.300	360	1.188.000		
16	Thuốc BVTV	vnd		2.000.000	2	4.000.000		
20	Chi phí dự phòng	vnd				1.000.000		
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>					<b>188.382.000</b>		
1	Phun thuốc cỏ	công		330.000	3	990.000		
2	Phát dọn, vệ sinh, dọn mặt bằng	công	0,05	240.000	6	1.440.000		
3	Sửa chữa vườn ươm	công		240.000	15	3.600.000		

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú	
4	Làm mặt bằng, lên luống gieo hạt	công		240.000	15	3.600.000	Theo thực tế	
5	Xử lý hạt giống, gieo giống	công		240.000	6	1.440.000		
6	Đào trộn hỗn hợp đất, Đóng bầu, xếp luống	đồng/bầu		700	120.000	84.000.000		
7	Nhổ và cắm cây con vào bầu	đồng/cây		300	120.000	36.000.000		
8	Bón phân NPK (18 đợt)	công/đợt	0,03	240.000	65	15.552.000		
9	Phun thuốc trừ sâu (10 đợt)	công/đợt	0,04	330.000	48	15.840.000		
10	Nhổ cỏ phá váng (10 đợt)	công/đợt	0,03	240.000	36	8.640.000		
11	Đào bầu cây	công/đợt	0,3	240.000	36	8.640.000		
12	Xới đất bầu ươm	công/đợt	0,3	240.000	36	8.640.000		
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>					<b>83.000.000</b>		
1	Vận chuyển, bốc vác phân đến vườn ươm	đồng/tấn		100.000	10	1.000.000		
2	Tưới nước	đồng				6.000.000		
3	Chi phí mở rộng vườn ươm 1000 m2 (vật tư- nhân công- hệ thống tưới)	m2/đồng		75.000	1000	75.000.000		
4	Chi phí dự phòng	đồng		1.000.000		1.000.000		
<b>TỔNG CỘNG DỰ TOÁN</b>						<b>440.324.000</b>		
<b>Số lượng cây giống</b>						<b>120.000</b>		
<b>Giá vốn BQ</b>						<b>3.669</b>		

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL 15C. DỰ TRÙ CHI PHÍ ƯƠM 130.000 CÂY GIỐNG CÀ PHÊ (50HA) (Niên vụ 2026-2027)

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư</b>				<b>130</b>	<b>174.720.500</b>	
1	Túi Bầu (6*22 cm)	kg	3,5	41.000	455	18.655.000	Theo thực tế
2	Dây rút (4*200mm)	bịch		35.000	20	700.000	
3	Đất đóng bầu	m <sup>3</sup>	1	85.000	130	11.050.000	
4	Cát	m <sup>3</sup>		900.000	6	5.400.000	
5	Vỏ trấu	bao	6	20.000	780	15.600.000	
6	Phân hữu cơ vi sinh (HCVS)	kg/m3(đất)	75	5.000	9.750	48.750.000	
7	Phân Lân	kg	5	9.000	650	5.850.000	
8	Hạt giống cà phê	kg	1	200.000	130	26.000.000	
9	Lưới che Thái	cuộn		900.000	10	9.000.000	
10	Lưới nhựa lỗ nhỏ (1,5x50m) (rào xung quanh vườn)	cuộn		500.000	3	1.500.000	
11	Phân DAP	kg	1,15	28.000	150	4.186.000	
12	Trichoderma	kg	1,5	100.000	195	19.500.000	
13	Phân NPK	kg	1,15	15.000	150	2.242.500	
14	Vôi >85%	kg	3	3.300	390	1.287.000	
15	Thuốc BVTV	vnd		2.000.000	2	4.000.000	
16	Chi phí dự phòng	vnd				1.000.000	
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>					<b>203.278.000</b>	
1	Phun thuốc cỏ	công		330.000	3	990.000	
2	Phát dọn, vệ sinh, dọn mặt bằng	công	0,05	240.000	7	1.560.000	
3	Sửa chữa vườn ươm	công		240.000	15	3.600.000	

4	Làm mặt bằng, lên luống gieo hạt	công		240.000	15	3.600.000	Theo thực tế
5	Xử lý hạt giống, gieo giống	công		240.000	6	1.440.000	
6	Đào trộn hỗn hợp đất, Đóng bầu, xếp luống	đồng/bầu		700	130.000	91.000.000	
7	Nhổ và cắm cây con vào bầu	đồng/cây		300	130.000	39.000.000	
8	Bón phân NPK (22 đợt)	công/đợt	0,03	240.000	70	16.848.000	
9	Phun thuốc trừ sâu (12 đợt)	công/đợt	0,04	330.000	52	17.160.000	
10	Nhổ cỏ phá văng (12 đợt)	công/đợt	0,03	240.000	39	9.360.000	
11	Đào bầu cây	công/đợt	0,3	240.000	39	9.360.000	
12	Xới đất bầu ươm	công/đợt	0,3	240.000	39	9.360.000	
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>					<b>10.100.000</b>	
1	Vận chuyển, bốc vác phân đến vườn ươm	đồng/tấn		100.000	11	1.100.000	
2	Vật tư sửa hệ thống tưới sẵn có	đồng				2.000.000	
3	Tưới nước	đồng				6.000.000	
4	Chi phí dự phòng	đồng		1.000.000		1.000.000	
<b>TỔNG CỘNG DỰ TOÁN</b>						<b>388.098.500</b>	
	<b>Số lượng cây giống</b>					<b>130.000</b>	
	<b>Giá vốn BQ</b>					<b>2.985</b>	

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LD có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL15D. CHI PHÍ ƯƠM 10.000 CÂY CÀ RI

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức (1.000 cây)	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư</b>				<b>11</b>	<b>17.110.850</b>	
1	Túi Bầu (3*22 cm)	kg	3	41.000	33	1.353.000	Theo thực tế
2	Dây rút (4*200mm)	bịch		35.000	20	700.000	
3	Đất đóng bầu	m <sup>3</sup>	1	85.000	11	935.000	
4	Phân hữu cơ vi sinh (HCVS)	kg/m3(đất)	75	5.000	825	4.125.000	
5	Phân Lân	kg	5	9.000	55	495.000	
6	Hạt giống cà ri	kg	1	200.000	11	2.200.000	
7	Phân DAP	kg	1,15	28.000	13	354.200	
8	Trichoderma	kg	1,5	100.000	17	1.650.000	
9	Phân NPK	kg	1,15	15.000	13	189.750	
10	Vôi >85%	kg	3	3.300	33	108.900	
11	Thuốc BVTV	vnđ		2.000.000	2	4.000.000	
12	Chi phí dự phòng	vnđ				1.000.000	
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>					<b>19.674.000</b>	
2	Phát dọn, vệ sinh, dọn mặt bằng	công		240.000	1,0	240.000	
3	Sửa chữa vườn ươm, làm luống gieo	công		240.000	15	3.600.000	
5	Xử lý hạt giống, gieo giống	công		240.000	6	1.440.000	
6	Đào trộn hỗn hợp đất, Đóng bầu, xếp luống	đồng/bầu		600	11.000	6.600.000	
7	Nhổ và cắm cây con vào bầu	đồng/cây		300	11.000	3.300.000	
8	Bón phân NPK (10 đợt)	công/đợt	0,03	240.000	4,00	960.000	

9	Phun thuốc trừ sâu (5 đợt)	công/đợt	0,04	330.000	3,00	990.000
10	Nhổ cỏ phá váng (10 đợt)	công/đợt	0,03	240.000	4	960.000
11	Đào bầu cây	công/đợt	0,3	240.000	3	792.000
12	Xới đất bầu ươm	công/đợt	0,3	240.000	3	792.000
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>					<b>5.100.000</b>
1	Vận chuyển, bốc vác phân đến vườn ươm	đồng/tấn		100.000	11	1.100.000
2	Tưới nước	đồng				3.000.000
3	Chi phí dự phòng	đồng		1.000.000		1.000.000
<b>TỔNG CỘNG DỰ TOÁN</b>						<b>41.884.850</b>
<b>Số lượng cây giống</b>						<b>10.000</b>
<b>Giá vốn BQ</b>						<b>4.188</b>

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

PL16.DỰ TRÙ CHI PHÍ PHÂN HỮU CƠ VI SINH NĂM 2026 (380.600 kg)

Stt	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
<b>I</b>	<b>Chi phí điện, thuê máy móc, nhân công thực hiện</b>				<b>62.580.000</b>
1	Thu gom vỏ bắp, vỏ cà phê	vnd/tấn	350.000	100	35.000.000
2	Công trộn phân chuồng	ca máy	1	3.000.000	3.000.000
3	Công đảo phân (4 lần)	ca máy	4	3.000.000	12.000.000
4	Công vận chuyển, bốc vác - rải vôi	công	6	240.000	1.440.000
5	Công vận chuyển, bốc vác - rải lân	công	6	240.000	1.440.000
6	Công rải Trichodema	công	5	240.000	1.200.000
7	Công phun mật ri đường	công	5	240.000	1.200.000
8	Công tưới nước - tủ bạt	công	20	240.000	4.800.000
9	Điện tưới	vnd/đợt	5	500.000	2.500.000
<b>II</b>	<b>Vật tư</b>				<b>160.200.000</b>
1	Lân	kg	6.000	9.000	54.000.000
2	Nấm trichodema	kg	300	100.000	30.000.000
3	Phân chuồng	kg	20.000	3.000	60.000.000
4	Vôi	kg	4.000	3.300	13.200.000
5	Mật ri đường	kg	300	10.000	3.000.000
<b>Tổng cộng đợt 02</b>					<b>222.780.000</b>

Hạng mục	Sản lượng Phân HCVS dự kiến (kg)	Chi phí sản xuất (VNĐ)	Giá vốn BQ (VNĐ/kg)
Ủ phân vi sinh	380.600	222.780.000	585
<b>Tổng cộng</b>	<b>380.600</b>	<b>222.780.000</b>	<b>585</b>

Ghi chú:

- Công lao động: 220.000 đ/công đối với lao động là công nhân công ty
- Công lao động: 240.000 đ/công đối với lao động thuê ngoài

PL17. DỰ TRÙ CHI PHÍ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG - MÁY MÓC THIẾT BỊ NĂM 2026

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Làm sân phơi	m2	2.500	200.000	500.000.000	Phục vụ chế biến cà phê, do diện tích cà phê thu hoạch tăng, sản lượng tăng từ 800 tấn quả tươi lên trên 1.200 tấn quả tươi
2	Sửa chữa nhà kho khu chế biến	m2	300	1.200.000	360.000.000	
3	Hàng rào kho chế biến	m	500	1.200.000	600.000.000	
4	Mua máy rang xay cà phê 30 kg/mẻ	hệ thống	1	400.000.000	400.000.000	
5	Xe xúc lật	cái	1	260.000.000	260.000.000	
6	Hệ thống điện 03 pha kv4, kv2 tổng chiều dài 700 m	hệ thống	2	34.000.000	68.000.000	
7	Nhà bảo vệ, vọng gác và trạm bơm kv4, kv2	cái	2	95.000.000	190.000.000	
8	Vọng gác trông bảo vệ cà phê KV1	cái	1	30.000.000	30.000.000	
9	Làm hàng rào kv4 + KV3A (trụ bê tông+ kẽm gai+ công thi công)	m	3.800	100.000	380.000.000	
10	Hồ chứa nước hồ kv4 (20x25x3m)	cái	1	165.000.000	165.000.000	
11	Hàng rào B40 ao KV4, KV2	cái	2	15.000.000	30.000.000	
12	Hệ thống camera + trụ sắt phi 60	cái	10	3.520.000	35.200.000	
13	Ông nhôm quan sát phục vụ bảo vệ	cái	2	5.500.000	11.000.000	
14	Gầu hút xay cà phê nhân	cái	2	35.000.000	70.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>3.099.200.000</b>	-

**PL18. DỰ TRÙ CHI PHÍ THU HOẠCH - CHẾ BIẾN CÀ PHÊ NIÊN VỤ 2026 - 2027**

Stt	Hạng mục	Đvt	Thành tiền	Tháng 11/2025	Tháng 12/2025	Tháng 01/2026
1	Tổng chi phí thu hoạch cà phê niên vụ 2026-2027	đồng	2.734.012.920	911.337.640	911.337.640	911.337.640
2	Tổng chi phí chế biến cà phê niên vụ 2026-2027	đồng	720.207.500	240.069.167	240.069.167	240.069.167
	<b>Tổng cộng</b>	<b>đồng</b>	<b>3.454.220.420</b>	<b>1.151.406.807</b>	<b>1.151.406.807</b>	<b>1.151.406.807</b>

**I. CHI PHÍ THU HOẠCH CÀ PHÊ NIÊN VỤ 2026-2027**

Stt	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>1</b>	<b>Tiền công thu hái</b>		<b>1.618,76</b>		<b>1.815.800.400</b>
	Cà phê kinh doanh 42,877 ha	đồng/tấn	471,65	1.200.000	565.976.400
	Cà phê KD 15,2 ha	đồng/tấn	137,25	1.100.000	150.975.000
	Cà phê KD 18,91 ha	đồng/tấn	245,83	1.100.000	270.413.000
	Cà phê KD đa thân 24,1	đồng/tấn	482,00	1.000.000	482.000.000
	Cà phê chè KTCB năm 2 3,8 ha	đồng/tấn	30,40	2.200.000	66.880.000
	Cà phê đa thân KTCB năm 2 32 ha	đồng/tấn	224,00	1.100.000	246.400.000
	Cà phê KTCB năm 2 9,21 ha	đồng/tấn	27,63	1.200.000	33.156.000
<b>2</b>	<b>Tiền bốc vác lên xe</b>	<b>đồng/tấn</b>	<b>1.618,76</b>	<b>50.000</b>	<b>80.937.850</b>
<b>3</b>	<b>Dự kiến bán cà phê quả tươi</b>	<b>tấn</b>	<b>182</b>		
<b>4</b>	<b>Vận chuyển sản phẩm về kho</b>		<b>1.436,76</b>		<b>171.783.670</b>
	Khu vực 1,2,3A và 4 (trừ 182 tấn xuất bán tươi)	đồng/tấn	1093,25	110.000	120.257.170
	Khu vực 3B (KD 6,61 ha + KD2 3,8 ha + KD1 18,2 ha)	đồng/tấn	343,51	150.000	51.526.500

5	Tiền làm thêm giờ của BCD thu hoạch (20 người, 2h/người/ngày)	ngày	60	2.000.000	120.000.000
6	Chi phí hỗ trợ công nhân giám sát chỉ đạo tổ thu hái (3 người)	ngày	180	350.000	63.000.000
7	Chi phí mua bao PP đựng cà phê quả tươi vận chuyển về kho	cái	9.000	3.500	31.500.000
8	Tiền mua dây may, buộc bao	kg	30	40.000	1.200.000
9	Chi phí khen thưởng				11.500.000
	Khen thưởng 9 cặp thu hái	đồng/cặp	9	500.000	4.500.000
	Khen thưởng 10 công nhân có lô đạt năng suất cao qua các năm	đồng/cn	10	500.000	5.000.000
	Khen thưởng 01 tổ thu hái hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	đồng/tổ	1	2.000.000	2.000.000
10	Chi phí bảo vệ cà phê quả tươi ( bảo vệ trên đồng ruộng)	ha	146,097	3.000.000	438.291.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>2.734.012.920</b>
	Tổng sản lượng quả cà phê tươi niên vụ 2025-2026	kg			1.618.757
	Giá thu hoạch bình quân	đồng/kg			1.689

#### I CÀ PHÊ NIÊN VỤ 2026-2027

Stt	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ CHÊ BIẾN CÀ PHÊ CÔNG TY</b>				<b>720.207.500</b>	
<b>I</b>	<b>Mua sắm công cụ dụng cụ</b>				<b>111.977.500</b>	
1	Bao bì đựng cà phê nhân xô	đ/cái	6.000	5.500	33.000.000	
2	Bao bố đựng cà phê nhân CLC	đ/cái	100	40.000	4.000.000	
3	Bao ny lông đựng cà phê nhân CBU	đ/cái	1.000	4.000	4.000.000	

4	Dây may bao	Kg	10	70.000	700.000
5	Trang đào phơi tiêu	Cái	10	120.000	1.200.000
6	Trang cào cà phê	Cái	10	80.000	800.000
7	Xúc nhựa gom cà thóc	Cái	10	20.000	200.000
8	Sửa chữa - thay bánh 04 xe đẩy 04 bánh để khay cà phê	đồng/xe	4	500.000	2.000.000
9	Bạt phơi cà phê (8*30m)	đ/tám	15	2.700.000	40.500.000
10	Bạt nylon phơi sản cà thóc (loại dày)	đ/cuộn	2	2.700.000	5.400.000
11	Xe rùa	đồng/xe	2	600.000	1.200.000
12	Dây điện thấp sáng sản phơi loại 2.5 mm	đ/m	300	22.125	6.637.500
13	Dây điện thấp sáng sản phơi loại 1 mm	đ/m	150	15.000	2.250.000
14	Bóng đèn Led 60W	đ/cái	40	150.000	6.000.000
15	Chuôi đèn	đ/cái	40	10.000	400.000
16	Phích cắm	đ/cái	10	10.000	100.000
17	Taplo điện (2 công tắc, 3 ổ cắm, cầu chì)	đ/cái	5	85.000	425.000
18	Nẹp vuông đi dây điện	đ/m	50	5.200	260.000
19	Băng keo quấn điện 3 pha (hàng Nhật)	đ/cuộn	3	25.000	75.000
20	Băng keo đen loại thường	đ/cuộn	8	15.000	120.000
21	Mỡ bò chịu nhiệt	đ/kg	2	85.000	170.000
22	CP điện 03 pha 100A	cái	1	1.000.000	1.000.000
23	CP điện 02 pha 50A	cái	2	700.000	1.400.000
24	Dây gút	bịch	4	35.000	140.000

<b>II</b>	<b>Mua sắm máy móc thiết bị</b>				<b>40.000.000</b>	
1	Máy xay đập cà phê + motor + Cipi và dây điện	đ/cái	1	22.000.000	22.000.000	
2	Vít cấp liệu cà phê tươi 6 m + vận chuyển	đ/cái	1	18.000.000	18.000.000	
<b>III</b>	<b>Chi phí sửa chữa bảo dưỡng máy móc</b>				<b>12.000.000</b>	
1	Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc chế biến ướt, máy xay xát cà phê và xây nhân	đồng			12.000.000	
<b>IV</b>	<b>Tiền nhân công, điện nước</b>				<b>277.580.000</b>	
1	Chi phí nhân công vận hành máy, công phơi đảo, xay xát, đóng bao, bốc vác, vận chuyển sản phẩm nhập kho	Công	400	350.000	140.000.000	
2	Chi phí điện sản xuất	đ/kwh	12.500	2.600	32.500.000	
3	Công vệ sinh sân phơi	đ/công	30	300.000	9.000.000	
4	Công lắp điện -dựng trụ điện sân phơi - bơm dầu mỡ máy móc	đ/công	8	300.000	2.400.000	
5	Công lắp hệ thống an ninh	đ/công	4	300.000	1.200.000	
6	Tiền làm thêm giờ cho CNSXTT - CBCĐ	đ/giờ	400	60.000	24.000.000	
7	Tiền làm thêm giờ cho CB trực ca trưa (2h/ngày)	đ/giờ	100	60.000	6.000.000	
8	Tiền làm thêm giờ cho CB trực ca T7 (6h/ngày) &CN (10h/ngày)	đ/giờ	208	60.000	12.480.000	
9	Thuê 02 máy cày (200k/ngày + dầu nhớt cty)	đ/ngày	50	400.000	20.000.000	01 xe có ben
10	Dầu + nhớt (máy cày thuê)	lít/ngày	500	20.000	10.000.000	02 xe
11	Công vận hành máy xúc lật	đ/ngày	50	400.000	20.000.000	
12	Dầu + nhớt (xe xúc lật)	lít/ngày	450	20.000	9.000.000	
<b>V</b>	<b>Khen thưởng</b>				<b>1.650.000</b>	

1	Công nhân (Giấy khen + vật chất)	đ/người	3	550.000	1.650.000	
<b>VI</b>	<b>Chi phí thuê sấy bên ngoài</b>				<b>277.000.000</b>	
1	Sấy cà phê khi thời tiết bất lợi (2.200 đ/kg)	đ/tấn	100	2.500.000	250.000.000	
2	Vận chuyển bốc xếp nhập kho (200 đ/kg)	đ/tấn	100	200.000	20.000.000	
3	Công trực giám sát sấy	đ/ngày	20	350.000	7.000.000	
<b>B</b>	<b>SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ NHÂN CÔNG TY NIÊN VỤ 2025-2026</b>	<b>tấn</b>			<b>368</b>	
	Cà phê nhân CBU	tấn			60	
	Cà phê nhân xô	tấn			308	
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ CHẾ BIẾN CÀ PHÊ XÔ CÔNG TY</b>	<b>đ/tấn</b>			<b>1.957.086</b>	
	<b>CHI PHÍ CHẾ BIẾN CÀ PHÊ XÔ CÔNG TY</b>	<b>đ/kg</b>			<b>1.957</b>	

**PL19. DỰ TRÙ CHI PHÍ CHĂM SÓC CÂY CAU NĂM 2026**

TT	Hạng mục	ĐVT	ĐM KTCB năm 1-năm 4 (11.000 cây trồng xen phân tán)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ</b>				<b>89.650.000</b>	
1	Phân NPK (bón 3 đợt/năm)	kg	2.310	15.000	34.650.000	
2	Phân hữu cơ vi sinh	kg	11.000	5.000	55.000.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>				<b>96.480.000</b>	
1	Bóc vác, vận chuyển, bón phân NPK, vi sinh, thuốc mỗi	công	70	240.000	16.800.000	
2	Công tưới nước (5 đợt)	công	83	240.000	19.920.000	5 đợt, số đợt tăng lên nếu nắng hạn kéo dài
3	Làm cỏ trắng, cỏ bừa	công	238	240.000	57.120.000	6 đợt
4	Làm cỏ bờ lô	công	11	240.000	2.640.000	3 đợt
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>đồng</b>			<b>9.306.500</b>	
	<b>Tổng</b>				<b>195.436.500</b>	

Đơn giá nhân công dự kiến tăng theo mức tăng lương tối thiểu vùng từ 5-10%

- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH (chủ lô nhận khoán chăm sóc): 220.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân công đối với LĐ có tham gia BHXH điều động làm công việc khác: 240.000 đồng/công.
- Đơn giá nhân thuê khoán ngoài: 240.000 đồng/công.
- Công độc hại bằng 150% công bình thường.

**PL.20. DỰ TRÙ CHI PHÍ CHĂM SÓC CÂY CARI (KTCB năm 2) NĂM 2026**

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến VND	TỔNG ĐM/ha	Diện tích trồng	Tổng tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÂY GIỐNG VẬT TƯ</b>							
1	Phân NPK (bón 3 đợt/năm)/lần	kg	800	15.000	12.000.000	2	24.000.000	200g/cây/đợt
2	Phân gà/Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000	5.000	10.000.000	2	20.000.000	1.500g/cây
3	Vôi bột	Kg			-	2	-	2 năm bón 1 lần
4	Thuốc BVTV	Lít/kg	4	300.000	1.200.000	2	2.400.000	
<b>II</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>					2	-	
1	Bốc vác, vận chuyển, bón phân NPK	công	4	220.000	880.000	2	1.760.000	
2	Bốc vác, vận chuyển, bón phân hữu cơ vi sinh	công	6	220.000	1.320.000	2	2.640.000	
3	Công phun thuốc BVTV	Công	6	330.000	1.980.000	2	3.960.000	
4	Làm cỏ bồn (8 đợt)	công	40	220.000	8.800.000	2	17.600.000	
5	Làm cỏ trắng (3 đợt)	công	21	220.000	4.620.000	2	9.240.000	
6	Công làm cỏ bờ lô	công	6	220.000	1.320.000	2	2.640.000	
7	Công cắt cành- tạo tán	công	5	220.000	1.100.000	2	2.200.000	
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯỚI</b>					2	-	
1	Chi phí tưới (dự kiến 5 đợt)	Tr.đ/ha/đợt	5	220.000	1.100.000	2	2.200.000	
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ THU HOẠCH</b>					2	-	
1	Công thu hoạch vận chuyển	công	40	220.000	8.800.000	2	17.600.000	
2	Công phơi, tách quả và đóng bao	công	12	220.000	2.640.000	2	5.280.000	
3	Bao bì	cái	50	4.000	200.000	2	400.000	

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức/ha	Đơn giá dự kiến VND	TỔNG ĐM/ha	Diện tích trồng	Tổng tiền	Ghi chú
4	Dây bao	kg	0,5	30.000	15.000	2	30.000	
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>						-	
1	Thuê đất	trđ/ha	0,5	1.000.000	500.000	2	1.000.000	
2	Chi phí dự phòng	trđ/ha	1	1.000.000	1.000.000	2	2.000.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>57.475.000</b>		<b>114.950.000</b>	
	<b>Năng suất BQ</b>	kg/cây					0,30	
	Sản lượng quả khô dự kiến (1300 cây/ha)	kg					780	
	Giá bán	đ/kg					40.000	
	Doanh thu						<b>31.200.000</b>	
	Lợi nhuận	đ/kg					- 83.750.000	



Stt	Hạng mục	Doanh thu dự kiến	Chi phí đầu tư	Giá vốn	Lãi gộp	CPQL	Lãi vay	Chi phí khác	LỢI NHUẬN TRƯỚC	THUẾ TNDN	LỢI NHUẬN SAU
19	Ươm 130.000 cây giống cà phê - PL15C		371		-						
20	Ươm 10.000 cây giống cà ri -PL15D		42		-						
21	Ủ phân HCVS - PL16		223		-						
22	Xây dựng cơ sở hạ tầng , mua sắm thiết bị -PL17		3.099								
23	Chi phí bảo vệ, thu hoạch và chế biến cà phê nhân xô - PL18		3.454								
24	Chăm sóc cây cau -PL19		195								
25	Chăm sóc 2ha cà ri - PL20		115								
26	Doanh thu bán cà phê nhân niên vụ 2025 - 2026	10.990		3.910	7.080						
27	Doanh thu bán cà phê nhân niên vụ 2026 - 2027	13.001		8.418	4.583						
28	Doanh thu bán cà phê tươi ( cà KTCB) niên vụ 2026-2027	5.033		425	4.608						
29	Doanh thu bán cà phê thành phẩm	600		240	360						
30	Doanh thu bán cây giống	350		183	167						
31	Thu từ sx liên kết cây dài ngày	150			150						
<b>TỔNG</b>		<b>37.642</b>	<b>38.897</b>	<b>19.091</b>	<b>18.551</b>	<b>6.554</b>	<b>748</b>		<b>11.249</b>	<b>72</b>	<b>11.177</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ THUẬN AN**

**KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ NĂM 2026**

Tt	Hạng mục	CPQL	Chi chú
1	Chi phí nhân viên quản lý	4.900	Theo bảng KH chi phí định biên nhân sự 2026
2	Chi phí đồ dùng văn phòng, tiếp khách thường xuyên, phân bổ CCDC, dịch vụ mua ngoài	404	
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	600	Theo chi phí khấu hao thực tế tại thời điểm
4	Tiền thuê đất và các khoản thuế, phí	650	
<b>TỔNG</b>		<b>6.554</b>	

<b>LÃI VAY</b>	<b>748</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng BIDV	540
Lãi trả chậm Khang Thịnh	108
Chi phí lãi vay cá nhân theo giai đoạn	100

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ THUẬN AN**

**TỔNG KẾ HOẠCH THU - CHI TÀI CHÍNH NĂM 2026**

TT	Hạng mục	Tổng (trđ)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Số dư đầu năm mang sang</b>	<b>5.000</b>	
<b>B</b>	<b>Thu từ hoạt động sxkd</b>	<b>37.642</b>	
1	Thu tiền bán cà phê nhân xô niên vụ 2025- 2026	10.990	
2	Thu tiền bán cà phê thành phẩm	600	
3	Thu từ bán cà phê quả tươi niên vụ 2026-2027	5.033	
4	Thu từ bán cà phê nhân xô niên vụ 2026-2027	13.001	
5	Thu tiền tạm ứng/ bán bắp giống	3.305	
6	Thu tiền bán nhà đăm	3.554	
7	Thu tiền bán cây cà phê giống	350	
8	Thu tiền bán sachi	660	
9	Thu từ liên kết sản xuất cây dài ngày	150	
<b>C</b>	<b>Thu tiền vay sxkd</b>	<b>10.000</b>	
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>52.206</b>	
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ SX KD</b>	<b>37.690</b>	
1	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 42,87ha	4.655	
2	Chi phí chăm sóc cà phê trồng cải tạo năm 2025( 5.57ha)	147	
3	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 15,2ha	1.648	
4	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 18,91ha	1.932	
5	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cà phê đa thân kinh doanh 24,1ha	3.328	
6	Chăm sóc cà phê KTCB năm 2 - 9,21ha	1.021	
7	Chăm sóc cà phê KTCB đa thân năm 2 - 32ha	3.680	
8	Chăm sóc cà phê KTCB chẻ xen sachi - 3,8ha	467	
9	Chăm sóc cà phê KTCB chẻ NI - 1,13ha	119	
10	Chăm sóc cà phê KTCB NI đa thân - 5,57ha	1.171	
11	Trồng mới cà phê đa thân 23,9ha KV4	3.338	
12	Trồng mới cà phê đa thân 13ha xen nhà đăm KV4	2.058	
13	Trồng mới cà phê đa thân 13,7ha tưới truyền thống	1.575	
14	Sản xuất 41ha bắp giống	1.998	

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Tổng (trđ)</b>	<b>Ghi chú</b>
15	Chăm sóc và thu hoạch 6,5ha nha đam	3.272	
16	Chăm sóc và thu hoạch 4ha Sachi	538	
17	Chăm sóc vườn ươm 37.000 cây giống cà phê năm 2 và 100.000 năm 1	23	
18	Ươm 120.000 cây giống cà phê	440	
19	Ươm 130.000 cây giống cà phê	371	
20	Ươm 10.000 cây giống cà ri	42	
21	Ủ phân HCVS	223	
22	Xây dựng cơ sở hạ tầng , mua sắm thiết bị	3.029	
23	Chi phí bảo vệ, thu hoạch và chế biến cà phê nhân xô	2.303	
24	Chăm sóc cây cau	195	
25	Chăm sóc 2ha cà ri	115	
<b>II</b>	<b>Chi trả lãi vay ngân hàng</b>	<b>640</b>	
<b>III</b>	<b>Chi trả tiền gốc vay</b>	<b>7.200</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi trả nợ Khang Thịnh</b>	<b>722</b>	
<b>V</b>	<b>Chi hoạt động thường xuyên</b>	<b>5.304</b>	
<b>VI</b>	<b>Chi nộp tiền thuê đất</b>	<b>650</b>	
<b>D</b>	<b>THU - CHI</b>	<b>436</b>	

## KẾ HOẠCH DÒNG TIỀN CHI NĂM 2026



DVT: Trđ

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	TỔNG CỘNG
1	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 42,87ha	28	690	333	999	627	254	584	189	566	195	160	28	4.655
2	Chi phí chăm sóc cà phê trồng cải tạo năm 2025( 5.57ha)	-	-	-	61	5	22	8	13	8	13	2	15	147
3	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 15,2ha	10	153	237	159	380	148	183	64	211	42	50	10	1.648
4	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê kinh doanh 18,91ha	-	222	192	163	467	191	229	70	269	80	49	-	1.932
5	Chi phí Chăm sóc và thu hoạch cà phê đa thân kinh doanh 24,1ha	366	193	236	85	201	428	810	271	248	193	195	99	3.328
6	Chăm sóc cà phê KTCB năm 2 - 9,21ha	48	89	55	53	97	165	49	131	46	153	88	47	1.021
7	Chăm sóc cà phê KTCB đa thân năm 2 - 32ha	195	142	195	139	249	411	1.037	340	336	238	249	149	3.680
8	Chăm sóc cà phê KTCB chèn xen sachi - 3,8ha	39	45	40	52	91	38	23	35	24	37	10	33	467
9	Chăm sóc cà phê KTCB chèn N1 - 1,13ha	9	13	13	20	9	12	4	10	7	11	0	10	119
10	Chăm sóc cà phê KTCB N1 đa thân - 5,57ha	473	43	48	35	49	155	50	63	113	60	49	35	1.171
11	Trồng mới cà phê đa thân 23,9ha KV4					988	681	410	331	275	239	251	164	3.338
12	Trồng mới cà phê đa thân xen nhà dăm KV4	859	298	90	34	68	104	118	55	60	26	178	169	2.058
13	Trồng mới cà phê đa thân 13,7ha tưới truyền thống	-	-	-	15	452	326	204	136	106	76	144	117	1.575
14	Sản xuất 41ha bắp giống				415	558	242	312	432	-	40	-	-	1.998
15	Chăm sóc và thu hoạch 6,5ha nhà dăm	191	234	341	257	295	334	260	308	260	220	260	312	3.272
16	Chăm sóc và thu hoạch 4ha Sachi	46	102	39	68	20	45	25	48	28	41	35	41	538
17	Chăm sóc vườn ươm 37.000 cây giống cà phê năm 2 và 100.000 năm 1	8	5	7	3	-	-							23

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	TỔNG CỘNG
18	Ươm 120.000 cây giống cà phê	341	44	10	27	10	10	-	-	-	-	-	-	440
19	Ươm 130.000 cây giống cà phê							281	1	46	27	8	8	371
20	Ươm 10.000 cây giống cà ri	31	5	1	3	1	1							42
21	Ủ phân HCVS	160	63											223
22	Xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị	468	-	-	195	-	-	-	41	600	985	740	-	3.029
23	Chi phí bảo vệ, thu hoạch và chế biến cà phê nhân xô											1.151	1.151	2.303
24	Chăm sóc cây cau	4	14	4	73	28	-	11	18	10	18	11	4	195
25	Chăm sóc 2ha cà ri	26	1	1	17	6	23	15	2	6	16	2	-	115
26	Chi trả lãi vay ngân hàng	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	145	640
27	Chi trả tiền gốc vay	50			50			50			50		7.000	7.200
28	Chi trả nợ Khang Thịnh												722	722
29	Chi hoạt động thường xuyên	442	442	442	442	442	442	442	442	442	442	442	442	5.304
30	Chi nộp tiền thuê đất					325					325			650
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.839</b>	<b>2.842</b>	<b>2.329</b>	<b>3.409</b>	<b>5.412</b>	<b>4.078</b>	<b>5.149</b>	<b>3.046</b>	<b>3.705</b>	<b>3.574</b>	<b>4.122</b>	<b>10.700</b>	<b>52.206</b>
	<b>Lũy kế</b>	<b>3.839</b>	<b>6.681</b>	<b>9.009</b>	<b>12.418</b>	<b>17.830</b>	<b>21.908</b>	<b>27.057</b>	<b>30.104</b>	<b>33.809</b>	<b>37.383</b>	<b>41.505</b>	<b>52.206</b>	

## KẾ HOẠCH DÒNG TIỀN THU NĂM 2026

Mang sang 5.000 DVT: trđ

Tiền mặt 5.000

Tiền gửi tiết kiệm

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	TỔNG CỘNG
<b>A Thu từ hoạt động sxkd</b>	<b>2.633</b>	<b>1.633</b>	<b>2.900</b>	<b>4.585</b>	<b>445</b>	<b>937</b>	<b>1.287</b>	<b>527</b>	<b>527</b>	<b>3.012</b>	<b>5.560</b>	<b>13.596</b>	<b>37.642</b>
1 Thu tiền bán cà phê nhân xô niên vụ 2025-2026	2.500	1.500	2.850	4.140									10.990
2 Thu tiền bán cà phê thành phẩm	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	600
3 Thu từ bán cà phê quả tươi niên vụ 2026-2027											5.033		5.033
4 Thu từ bán cà phê nhân xô niên vụ 2026-2027												13.001	13.001
5 Thu tiền tạm ứng/ bán bắp giống						410	410			2.485			3.305
6 Thu tiền bán nha đam				395	395	395	395	395	395	395	395	395	3.554
7 Thu tiền bán cây cà phê giống							350						350
8 Thu tiền bán sachi	83	83				83	83	83	83	83	83		660
9 Thu từ liên kết sản xuất cây dài ngày												150	150
<b>B Thu tiền từ đi vay</b>					<b>500</b>	<b>2.500</b>	<b>4.000</b>	<b>3.000</b>					<b>10.000</b>
<b>Tổng dòng tiền thu</b>	<b>2.633</b>	<b>1.633</b>	<b>2.900</b>	<b>4.585</b>	<b>945</b>	<b>3.437</b>	<b>5.287</b>	<b>3.527</b>	<b>527</b>	<b>3.012</b>	<b>5.560</b>	<b>13.596</b>	<b>47.642</b>
<b>Dòng tiền chi</b>	<b>3.839</b>	<b>2.842</b>	<b>2.329</b>	<b>3.409</b>	<b>5.412</b>	<b>4.078</b>	<b>5.149</b>	<b>3.046</b>	<b>3.705</b>	<b>3.574</b>	<b>4.122</b>	<b>10.700</b>	<b>52.206</b>
<b>Thặng dư trong kỳ</b>	<b>(1.207)</b>	<b>(1.209)</b>	<b>571</b>	<b>1.176</b>	<b>(4.467)</b>	<b>(641)</b>	<b>138</b>	<b>481</b>	<b>(3.178)</b>	<b>(562)</b>	<b>1.438</b>	<b>2.895</b>	
<b>Tồn quỹ</b>	<b>3.793</b>	<b>2.584</b>	<b>3.156</b>	<b>4.332</b>	<b>(136)</b>	<b>(776)</b>	<b>(638)</b>	<b>(157)</b>	<b>(3.335)</b>	<b>(3.897)</b>	<b>(2.459)</b>	<b>436</b>	

TỔNG DOANH THU, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN THEO QUÝ NĂM 2026

Stt	Hạng mục	QUÝ 1								QUÝ 2							
		Doanh thu dự kiến	Giá vốn	Lãi gộp	CPQL	Lãi vay	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNDN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Doanh thu dự kiến	Giá vốn	Lãi gộp	CPQL	Lãi vay	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNDN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ
1	Sản xuất 4 tha hộp gộp			-													
2	Chiếm sóc và thu hoạch 6,5ha nhà đăm	395	375	19						790	751	39					
3	Chiếm sóc và thu hoạch 4ha Sạch	165	133	30						83	67	15					
4	Doanh thu bán cà phê nhân mịn vụ 2025 - 2026	6.850	2.386	4.470						4.140	1.530	2.610					
5	Doanh thu bán cà phê nhân mịn vụ 2026 - 2027			-							-						
6	Doanh thu bán cà phê tạt (cà KTCB) mịn vụ 2026-2027			-							-						
7	Doanh thu bán cà phê thành phẩm	150	60	90						150	60	90					
8	Doanh thu bán cây giống			-						350	183	167					
9	Thu từ xe liên kết cây dài ngày			-							-						
	<b>TỔNG</b>	<b>7.560</b>	<b>2.950</b>	<b>4.610</b>	<b>1.639</b>	<b>187</b>	<b>2.784</b>	<b>18</b>	<b>2.766</b>	<b>5.512</b>	<b>2.592</b>	<b>2.921</b>	<b>1.639</b>	<b>187</b>	<b>1.095</b>	<b>18</b>	<b>1.077</b>

TỔNG DOANH THU, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN THEO QUÝ NĂM 2024

ST	Hạng mục	QUÝ 3								QUÝ 4								TỔNG NĂM							
		Doanh thu dự kiến	Giá vốn	Lãi gộp	CPQI	Lãi vay	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNDN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Doanh thu dự kiến	Giá vốn	Lãi gộp	CPQI	Lãi vay	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNDN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Doanh thu dự kiến	Giá vốn	Lãi gộp	CPQI	Lãi vay	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNDN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ
1	Hàn mãc (thủ nhập gộp)	1.637,3	998,9	638,4					1.637,3	998,9	638,4							3.305	1.998	1.307	-	-	-	-	-
2	Chiếm sóc và thu hoạch ở nhà (thu nhập)	1.185	1.126	58,4					1.185	1.120	64,4							3.554	3.379	175	-	-	-	-	-
3	Chiếm sóc và thu hoạch ở nhà (đất)	348	305	43,4					187	134	53,4							666	538	122	-	-	-	-	-
4	Doanh thu bán và gửi nhận niên vụ 2025 - 2026			-							-							10.990	3.910	7.080	-	-	-	-	-
5	Doanh thu bán và gửi nhận niên vụ 2026 - 2027			-					(3.001)	8.418	(4.583,3)							17.001	8.418	4.583	-	-	-	-	-
6	Doanh thu bán và gửi nhận ( cũ KTCN) niên vụ 2026-2027			-					5.033	425	4.607,6							5.033	425	4.608	-	-	-	-	-
7	Doanh thu bán và gửi thành phẩm	130	80	50,0					150	80	70,0							609	340	269	-	-	-	-	-
8	Doanh thu bán cây giống			-							-							336	185	151	-	-	-	-	-
9	Thu và an toàn kết cấp (lãi ngày)			-					150	0	150,0							150	-	150	-	-	-	-	-
TỔNG		2.234	2.387	847	1.839	187	(978)	18	(996)	21.316	11.182	10.133	1.639	187	8.348	18	8.330	37.842	19.061	18.581	6.584	748	11.249	72	11.177

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
Công ty thành viên của JPA International  
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM  
Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP** **CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 33

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

**1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 08/03/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Thuận An. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000173846, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp (thay đổi lần thứ 01 ngày 25/07/2019), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là TAN.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 16.136.900.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2025: 16.136.900.000 đồng.

**2. Trụ sở hoạt động**

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 0261.3747053
- Fax : 0261.3747087

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Trồng cây cà phê;
- Sản xuất cà phê;
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác;
- Trồng cây lấy củ có chất bột;
- Trồng cây có hạt chứa dầu.

**4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**4.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Tuấn Long	Chủ tịch	14/06/2024	
Ông Lê Văn Một	Thành viên	14/06/2024	
Bà Trịnh Thị Mai Dung	Thành viên	14/06/2024	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

### BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

#### 4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng ban	14/06/2024	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	14/06/2024	
Ông Tô Mạnh Hà	Thành viên	14/06/2024	

#### 4.3 Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Một	Giám đốc	14/06/2024	
Bà Lê Thị Định	Kế toán trưởng	10/03/2021	

#### 5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Một, chức vụ Giám đốc Công ty, tái bổ nhiệm ngày 14/06/2024.

#### 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 33.

#### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### 9. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

---

Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**LÊ VĂN MỘT**

**Giám đốc**

Thuận An, ngày 12 tháng 03 năm 2026



Số: 09/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/03/2026, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2026

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng-VIETVALUES**



**Huỳnh Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh**

*Giấy CNDKHN số: 3402-2025-071-1*

*Chữ ký được ủy quyền*

**Nguyễn Hữu Huy - Kiểm toán viên**

*Giấy CNDKHN số: 4917-2024-071-1*

**Nơi nhận:**

- *Như trên.*
- *Lưu VIETVALUES.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>9.968.094.390</b>	<b>5.356.821.808</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>4.474.018.445</b>	<b>1.129.418.479</b>
111	1. Tiền	V.1	974.018.445	1.129.418.479
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>246.656.328</b>	<b>216.633.876</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	126.410.000	114.235.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	19.116.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	101.130.328	102.398.876
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>5.223.170.179</b>	<b>4.002.085.969</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.5	5.223.170.179	4.002.085.969
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>24.249.438</b>	<b>8.683.484</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	24.249.438	8.683.484
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>31.696.990.960</b>	<b>24.124.966.428</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>10.303.587.140</b>	<b>8.708.839.664</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	10.303.587.140	8.708.839.664
222	- Nguyên giá		26.274.879.410	23.229.198.800
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.971.292.270)	(14.520.359.136)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>20.319.439.663</b>	<b>14.083.599.478</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	20.319.439.663	14.083.599.478
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.073.964.157</b>	<b>1.332.527.286</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	1.073.964.157	1.332.527.286
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>41.665.085.350</b>	<b>29.481.788.236</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>10.563.757.882</b>	<b>7.451.544.461</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>8.013.757.882</b>	<b>4.701.544.461</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	1.847.837.181	2.000.046.746
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	-	50.838.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	96.656.561	1.120.930.159
314	4. Phải trả người lao động	V.12	267.240.392	969.911.065
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	73.315.068	75.172.858
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	13.433.350	119.855.110
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	5.199.999.990	200.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	515.275.340	164.790.523
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.550.000.000</b>	<b>2.750.000.000</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15	2.550.000.000	2.750.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>31.101.327.468</b>	<b>22.030.243.775</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.17	<b>31.283.779.908</b>	<b>22.229.327.250</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		16.136.900.000	16.136.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.136.900.000	16.136.900.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.181.371.689	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.965.508.219	6.092.427.250
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	1.040.380.326
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		9.965.508.219	5.052.046.924
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>(182.452.440)</b>	<b>(199.083.475)</b>
431	1. Nguồn kinh phí	V.18	(182.452.440)	(199.083.475)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>41.665.085.350</b>	<b>29.481.788.236</b>

Người lập biểu



LÊ THỊ ĐỊNH

Kế toán trưởng



LÊ THỊ ĐỊNH

Thuận An, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Giám Đốc



LÊ VĂN MỘT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

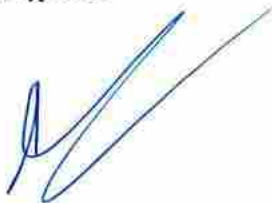
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>25.607.060.157</b>	<b>22.624.050.636</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>25.607.060.157</b>	<b>22.624.050.636</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	9.398.037.079	12.596.176.615
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>16.209.023.078</b>	<b>10.027.874.021</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	7.873.935	1.366.466
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	559.982.086	309.120.812
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		410.613.629	309.120.812
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	41.599.377	54.347.309
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	5.328.756.517	4.779.558.468
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>10.286.559.033</b>	<b>4.886.213.898</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.7	130.797.842	1.212.498.802
32	12. Chi phí khác	VI.8	401.183.799	932.143.082
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>(270.385.957)</b>	<b>280.355.720</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>10.016.173.076</b>	<b>5.166.569.618</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	50.664.857	114.522.694
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>9.965.508.219</b>	<b>5.052.046.924</b>
70	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	VI.12	<b>6.176</b>	<b>2.566</b>
71	<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	VI.13	<b>6.176</b>	<b>2.566</b>

Thuận An, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



LÊ THỊ ĐỊNH

Kế toán trưởng



LÊ THỊ ĐỊNH

Giám Đốc



LÊ VĂN MỘT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>10.016.173.076</b>	<b>5.166.569.618</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7	1.450.933.134	1.442.885.035
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3/7/8	(7.873.935)	(526.068.775)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	410.613.629	309.120.812
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>11.869.845.904</b>	<b>6.392.506.690</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(23.843.000)	3.204.973.069
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.5	(1.221.084.210)	308.184.761
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(1.968.153.580)	1.936.617.732
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.6	242.997.175	(1.072.997.745)
14	- Tiền lãi vay đã trả	V.13; VI.4	(412.471.419)	(284.732.165)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(118.924.873)	(42.081.983)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		435.545.025	256.037.623
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.16/18	(979.484.734)	(756.380.776)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>7.824.426.288</b>	<b>9.942.127.206</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.7/ 8	(9.281.520.795)	(8.734.098.381)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7/8	-	676.634.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	1.694.483	1.366.466
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(9.279.826.312)</b>	<b>(8.056.097.915)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.15	5.749.999.990	6.472.228.767
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.15	(950.000.000)	(5.332.228.767)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.14	-	(2.066.532.743)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>4.799.999.990</b>	<b>(926.532.743)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>		<b>3.344.599.966</b>	<b>959.496.548</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	V.1	<b>1.129.418.479</b>	<b>169.921.931</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>4.474.018.445</b>	<b>1.129.418.479</b>

Người lập biểu



LÊ THỊ ĐỊNH

Kế toán trưởng



LÊ THỊ ĐỊNH

Thuận An, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Giám Đốc



LÊ VĂN MỘT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 08/03/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Thuận An. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000173846, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp (thay đổi lần thứ 01 ngày 25/07/2019), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Trồng cây cà phê;
- Sản xuất cà phê;
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác;
- Trồng cây lấy củ có chất bột;
- Trồng cây có hạt chứa dầu.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025, tuy mặt hàng Bắp Syngenta có sản lượng bán ra giảm, nhưng mặt hàng Cà phê có sản lượng bán ra tăng, đồng thời đơn giá bán bình quân của 2 mặt hàng chính đều tăng dẫn đến doanh thu tăng 13,19%. Bên cạnh, chính sách giảm thuế thuê đất năm 2024 và năm 2025 có hiệu lực trong năm 2025 dẫn đến giá vốn năm nay giảm 25,39%. Điều này làm cho tỷ lệ lãi gộp/doanh thu năm nay tăng 19% so với năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

##### 6. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 86 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/01/2025 là 81 nhân viên).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Các chi phí trả trước khác*

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, Cụ thể:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
Vườn cây lâu năm	4 - 15
Tài sản cố định khác	4 - 5

#### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản kiến thiết vườn cây phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến vườn cây đang trong quá trình kiến thiết xây dựng cơ bản. Giá trị vườn cây này được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

#### 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 9. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

##### *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**11. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu bán thành phẩm (Cà phê, bắp syngenta,...)*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu thành phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu thành phẩm hoặc quyền kiểm soát thành phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán thành phẩm.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán thành phẩm.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

**13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

**14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

**15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	216.736.494	43.336.039
Tiền gửi ngân hàng	757.281.951	1.086.082.440
Tương đương tiền (*)	3.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.474.018.445</b>	<b>1.129.418.479</b>

(\*) Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đăk Nông.

Không có khoản tiền gửi ngân hàng cuối kỳ bị phong tỏa để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh cho các khoản vay và các khoản thanh toán.

**2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	<b>114.235.000</b>
Công ty TNHH PTNN Cuộc sống xanh T&T	-	114.235.000
<b>Phải thu khách hàng là các đối tượng khác</b>	<b>126.410.000</b>	-
Hợp tác xã nông nghiệp Hena	111.410.000	-
Các đối tượng khác	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>126.410.000</b>	<b>114.235.000</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán là các đối tượng khác</b>	<b>19.116.000</b>	-
Công ty TNHH Thiết kế và In ấn Tân Thịnh 3	19.116.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.116.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>79.706.192</b>	-	<b>79.706.192</b>	-
Hoàng Hải	75.920.677	-	75.920.677	-
Trần Quang Hiền	3.785.515	-	3.785.515	-
<b>Phải thu các đối tượng khác</b>	<b>21.424.136</b>	-	<b>22.692.684</b>	-
Phải thu về tiền bồi thường thiệt hại cây cối, hoa màu	6.899.184	-	18.899.184	-
Lãi dự thu	6.179.452	-	-	-
Tạm ứng	7.000.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	1.345.500	-	793.500	-
<b>Cộng</b>	<b>101.130.328</b>	-	<b>102.398.876</b>	-

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	555.006.725	-	163.469.153	-
Công cụ, dụng cụ	273.602.839	-	605.386.696	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.147.434.276	-	3.035.387.618	-
Thành phẩm	1.247.126.339	-	57.206.788	-
Hàng hóa	-	-	140.635.714	-
<b>Cộng</b>	<b>5.223.170.179</b>	-	<b>4.002.085.969</b>	-

- Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Công ty không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ.
- ✓ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là cà phê nhân xô đang trong quá trình sản xuất.
- ✓ Thành phẩm chủ yếu là các sản phẩm nông nghiệp đã qua chế biến như cà phê nhân, đậu phộng khô giống nguyên quả.

**6. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm, kiểm định	13.477.683	7.240.085
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	10.771.755	1.443.399
<b>Cộng</b>	<b>24.249.438</b>	<b>8.683.484</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	8.683.484	5.578.650
Tăng trong năm	33.194.268	18.348.855
Phân bổ trong năm	(17.628.314)	(15.244.021)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.249.438</b>	<b>8.683.484</b>

**b. Dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bồi thường thu hồi đất (*)	444.904.574	800.828.246
Chi phí lãi trả chậm (**)	212.230.351	320.603.299
Chi phí sửa chữa tài sản	341.760.825	183.975.064
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	24.635.823	25.746.134
Chi phí trả trước dài hạn khác	50.432.584	1.374.543
<b>Cộng</b>	<b>1.073.964.157</b>	<b>1.332.527.286</b>

(\*) Chi phí bồi thường thu hồi đất theo Bản án số 48/2022/DS-ST ngày 30/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, về việc tranh chấp hợp đồng thuê khoán và kiện đòi tài sản; và Bản án số 77/2023/DS-PT ngày 26/09/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc tranh chấp hợp đồng thuê khoán và kiện đòi tài sản.

(\*\*) Chi phí lãi trả chậm căn cứ theo Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 31/12/2024 với Công ty Cổ phần Công nghệ tưới Khang Thịnh, về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều khoản trong Hợp đồng số 22 - KT/HĐKT/2024 ký ngày 18/06/2024 giữa Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An với Công ty Cổ phần Công nghệ tưới Khang Thịnh.

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.332.527.286	262.634.375
Tăng trong năm	358.707.171	1.554.807.003
Phân bổ trong năm	(617.270.300)	(484.914.092)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.073.964.157</b>	<b>1.332.527.286</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số đầu năm	13.705.887.354	1.465.301.111	952.500.800	456.404.000	6.515.897.507	133.208.028	23.229.198.800
Đ/tư XD/CB hoàn thành	262.514.286	-	74.194.038	-	1.838.643.830	870.328.456	3.045.680.610
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.968.401.640</b>	<b>1.465.301.111</b>	<b>1.026.694.838</b>	<b>456.404.000</b>	<b>8.354.541.337</b>	<b>1.003.536.484</b>	<b>26.274.879.410</b>
<b>Khấu hao</b>							
Số đầu năm	8.912.659.329	645.510.839	952.500.800	412.499.759	3.558.931.772	38.256.637	14.520.359.136
Khấu hao trong năm	646.635.127	178.421.099	7.000.570	27.057.008	493.352.560	98.466.770	1.450.933.134
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.559.294.456</b>	<b>823.931.938</b>	<b>959.501.370</b>	<b>439.556.767</b>	<b>4.052.284.332</b>	<b>136.723.407</b>	<b>15.971.292.270</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm	4.793.228.025	819.790.272	-	43.904.241	2.956.965.735	94.951.391	8.708.839.664
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.409.107.184</b>	<b>641.369.173</b>	<b>67.193.468</b>	<b>16.847.233</b>	<b>4.302.257.005</b>	<b>866.813.077</b>	<b>10.303.587.140</b>

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 7.655.797.061 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2025 là 0 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2025 là 1.602.182.479 đồng (*xem thuyết minh số V.15*).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vườn cây kiến thiết cơ bản	20.210.964.463	13.543.287.637
- Vườn cà phê trồng mới năm 2023 (18,2ha)	3.639.642.772	2.115.029.575
- Vườn Cà phê đa thân năm 2023 (13,86ha)	3.578.109.269	2.566.283.749
- Vườn Cà phê đa thân trồng mới 2024 (17ha - KV4)	2.926.730.762	1.181.226.043
- Vườn Cà phê đa thân năm 2024 (15ha - KV 1)	2.813.146.532	2.810.173.346
- Vườn Cà phê đa thân năm 2023 (10,24ha)	2.527.364.779	1.931.466.937
- Vườn Cà phê năm 2022 (15,2ha)	-	1.838.643.830
- Vườn cây kiến thiết cơ bản khác	4.725.970.349	1.100.464.157
Công trình xây dựng cơ bản	108.475.200	540.311.841
- Giếng khoan	-	431.836.641
- Trung tâm logistics	108.475.200	108.475.200
<b>Cộng</b>	<b>20.319.439.663</b>	<b>14.083.599.478</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán là các đối tượng khác	1.847.837.181	2.000.046.746
Công ty Cổ phần Công nghệ tưới Khang Thịnh	1.738.637.145	1.945.676.340
Các đối tượng khác	109.200.036	54.370.406
<b>Cộng</b>	<b>1.847.837.181</b>	<b>2.000.046.746</b>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	-	50.838.000
Trần Thị Phương Loan	-	27.400.000
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	-	13.603.000
Phạm Quang Huy	-	9.835.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>50.838.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm
Thuế GTGT	4.140.159	20.330.709	20.634.453	3.836.415
Thuế TNDN	114.606.637	50.664.857	118.924.873	46.346.621
Thuế TNCN	29.685.205	128.781.638	111.993.318	46.473.525
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	972.498.158	807.600.213	1.780.098.371	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.005.000	15.005.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.120.930.159</b>	<b>1.022.382.417</b>	<b>2.046.656.015</b>	<b>96.656.561</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

+ Đối với sản phẩm trồng trọt bán ra thuộc đối tượng không chịu thuế; đối với phân bón bán ra thuộc đối tượng không chịu thuế từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và chịu thuế suất 5% từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025 theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ.

+ Đối với sản phẩm cà phê bột, cà phê phin giấy, dầu đậu phộng, ... chịu thuế suất 10%. Trong năm 2025, các sản phẩm như cà phê bột, cà phê phin giấy, dầu đậu phộng... được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 8% từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; và từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025 theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản được miễn thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Các hoạt động khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% (theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025).

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.016.173.076	5.166.569.618
- Thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản	9.743.545.894	4.593.956.149
- Thu nhập khác	272.627.182	572.613.469
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế	179.466.862	638.202.187
- Các khoản điều chỉnh tăng	179.466.862	638.202.187
+ Chi phí không hợp lệ	12.800.206	471.535.531
+ Chi phí thù lao HĐQT không chuyên trách	166.666.656	166.666.656
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.195.639.938	5.804.771.805
- Thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản	9.923.012.756	5.232.158.336
- Thu nhập từ hoạt động khác	272.627.182	572.613.469
Thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản được miễn thuế	9.923.012.756	5.232.158.336
Thu nhập tính thuế	272.627.182	572.613.469
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (%)	17%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	46.346.621	114.522.694
Chi phí thuế TNDN truy thu năm trước	4.318.236	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>50.664.857</b>	<b>114.522.694</b>

**12. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	267.240.392	969.911.065
<b>Cộng</b>	<b>267.240.392</b>	<b>969.911.065</b>

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
Phải trả là các đối tượng khác	73.315.068	75.172.858
Lãi dự trả	73.315.068	75.172.858
<b>Cộng</b>	<b>73.315.068</b>	<b>75.172.858</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.433.350	119.855.110
Kinh phí công đoàn	13.433.350	94.020.859
Nhận ký quỹ, ký cược	-	24.000.000
Các khoản phải trả khác	-	1.834.251
<b>Cộng</b>	<b>13.433.350</b>	<b>119.855.110</b>

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/ dài hạn****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn sang ngắn hạn	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	5.749.999.990	750.000.000	-	4.999.999.990
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Nông (1)	-	4.999.999.990	-	-	4.999.999.990
- Ông Nguyễn Văn Phúc	-	550.000.000	550.000.000	-	-
- Bà Lê Thị Giang	-	200.000.000	200.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Nông (2)	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>5.749.999.990</b>	<b>950.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>5.199.999.990</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(1) Vay ngắn hạn ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch Đắk Mil theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/4552893/HĐTD ngày 08/05/2025 với hạn mức cho vay là 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư sản xuất nông nghiệp. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
<b>Vay dài hạn</b>					
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Nông (2)	2.750.000.000	-	-	200.000.000	2.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>200.000.000</b>	<b>2.550.000.000</b>

(2) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch Đắk Mil theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/4552893/HĐTD ngày 11/07/2024, số tiền vay 3.000.000.000 đồng (3 tỷ đồng). Mục đích vay - Trồng mới cây cà phê, thời gian vay từ ngày ký hợp đồng đến ngày 20/02/2029, lãi suất trong hạn 8%/tháng, 06 tháng điều chỉnh một lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2024/4552893/HĐTC giữa khách hàng Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch Đắk Mil (Xem thuyết minh số V.7).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	164.790.523	911.055.561	(560.570.744)	515.275.340
<b>Cộng</b>	<b>164.790.523</b>	<b>911.055.561</b>	<b>(560.570.744)</b>	<b>515.275.340</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	16.136.900.000	-	1.390.005.887	17.526.905.887
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.052.046.924	5.052.046.924
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(349.625.561)	(349.625.561)
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>16.136.900.000</b>	<b>-</b>	<b>6.092.427.250</b>	<b>22.229.327.250</b>
Số dư tại 01/01/2025	16.136.900.000	-	6.092.427.250	22.229.327.250
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.965.508.219	9.965.508.219
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(911.055.561)	(911.055.561)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	5.181.371.689	(5.181.371.689)	-
<b>Số dư tại 31/12/2025</b>	<b>16.136.900.000</b>	<b>5.181.371.689</b>	<b>9.965.508.219</b>	<b>31.283.779.908</b>

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông	5,00	806.850.000	5,00	806.850.000
Ông Trần Quang Hiến	22,31	3.600.000.000	22,31	3.600.000.000
Ông Hoàng Hải	21,69	3.500.000.000	21,69	3.500.000.000
Công ty TNHH Phù Đồng Invest	18,81	3.035.000.000	18,81	3.035.000.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	12,39	2.000.000.000	12,39	2.000.000.000
Ông Lê Văn Một	11,01	1.776.000.000	11,01	1.776.000.000
Các cổ đông khác	8,79	1.419.050.000	8,79	1.419.050.000
<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>16.136.900.000</b>	<b>100</b>	<b>16.136.900.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>		
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	16.136.900.000	16.136.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	16.136.900.000	16.136.900.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-
<b>d. Cổ phiếu</b>		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.613.690	1.613.690
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.613.690	1.613.690
- Cổ phiếu phổ thông	1.613.690	1.613.690
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.613.690	1.613.690
- Cổ phiếu phổ thông	1.613.690	1.613.690
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.092.427.250	1.390.005.887
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	9.965.508.219	5.052.046.924
Phân phối lợi nhuận	6.092.427.250	349.625.561
Phân phối lợi nhuận năm trước	6.092.427.250	349.625.561
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	911.055.561	349.625.561
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	5.181.371.689	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>9.965.508.219</b>	<b>6.092.427.250</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**18. Nguồn kinh phí**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	(199.083.475)	(15.719.750)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	435.545.025	129.883.750
Chi sự nghiệp	418.913.990	313.247.475
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>(182.452.440)</b>	<b>(199.083.475)</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thuyết minh số VII.1)</i>	-	114.235.000
<b>Doanh thu đối với các đối tượng khác</b>	25.607.060.157	22.509.815.636
Doanh thu bán thành phẩm	25.587.710.157	22.475.860.175
Doanh thu bán hàng hóa	19.350.000	33.955.461
<b>Cộng</b>	<b>25.607.060.157</b>	<b>22.624.050.636</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm	9.382.622.839	12.456.200.856
Giá vốn bán hàng hóa	15.414.240	139.975.759
<b>Cộng</b>	<b>9.398.037.079</b>	<b>12.596.176.615</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	7.873.935	1.366.466
<b>Cộng</b>	<b>7.873.935</b>	<b>1.366.466</b>

01738  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN  
N. T. L.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	410.613.629	309.120.812
Chi phí chậm trả	108.372.948	-
Chi phí tài chính khác	40.995.509	-
<b>Cộng</b>	<b>559.982.086</b>	<b>309.120.812</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	643.929	1.880.072
Chi phí nhân viên bán hàng	5.642.941	9.489.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.368.088	34.977.371
Chi phí khác bằng tiền	23.944.419	8.000.856
<b>Cộng</b>	<b>41.599.377</b>	<b>54.347.309</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.643.983.903	3.189.351.169
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	67.058.554	66.474.221
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	601.150.671	595.494.421
Thuế phí, và lệ phí	310.422.039	544.151.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	492.686.179	347.440.160
Chi phí khác bằng tiền	213.455.171	36.647.372
<b>Cộng</b>	<b>5.328.756.517</b>	<b>4.779.558.468</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, đền bù	-	676.634.000
Kinh phí cấp bổ sung	78.959.000	-
Thu nhập khác	51.838.842	535.864.802
<b>Cộng</b>	<b>130.797.842</b>	<b>1.212.498.802</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường tài sản trên đất	355.923.672	266.942.754
Các khoản phạt và truy thu thuế	12.250.407	-
Chi phí tái canh lại Vườn Gấc	-	261.516.904
Chi tiền hỗ trợ đền bù, giải toả khu vực trồng cà phê	-	151.931.691
Chi phí khác	33.009.720	251.751.733
<b>Cộng</b>	<b>401.183.799</b>	<b>932.143.082</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.965.508.219	5.052.046.924
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.797.119.429)	(911.055.561)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	(1.797.119.429)	(911.055.561)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.168.388.790	4.140.991.363
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.613.690	1.613.690
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.062</b>	<b>2.566</b>

- Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay với tỷ lệ 18,03% theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 để đảm bảo tính so sánh và sẽ điều chỉnh lại khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông chính thức.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 2.566 đồng/cổ phiếu (số trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là 2.343 đồng/cổ phiếu). Nguyên nhân là do Công ty điều chỉnh giảm lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông do trích Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-TAN ngày 09/05/2025.

*Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:*

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.613.690	1.613.690
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)</b>	<b>1.613.690</b>	<b>1.613.690</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	8.168.388.790	4.140.991.363
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.168.388.790	4.140.991.363
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.613.690	1.613.690
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>5.062</b>	<b>2.566</b>

(\*) Xem thuyết minh báo cáo tài chính số VI.9.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.693.557.264	3.807.493.394
Chi phí nhân công	9.868.995.529	8.518.768.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.381.359.276	1.422.059.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	882.838.461	1.945.401.069
Chi phí khác bằng tiền	1.125.261.810	1.004.069.209
<b>Cộng</b>	<b>16.952.012.340</b>	<b>16.697.792.033</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2025			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Bùi Tuấn Long	Chủ tịch HĐQT	-	66.666.660	-	66.666.660
2	Lê Văn Một	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	384.571.380	33.333.324	-	417.904.704
3	Trịnh Thị Mai Dung	Thành viên HĐQT	-	33.333.324	-	33.333.324
4	Ngô Hồng Minh	Trưởng BKS	-	26.666.664	-	26.666.664
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	-	20.000.004	-	20.000.004
6	Tô Mạnh Hà	Thành viên BKS	-	20.000.004	-	20.000.004
7	Lê Thị Định	Kế toán trưởng	285.362.297	-	-	285.362.297
	<b>Tổng cộng</b>		<b>669.933.677</b>	<b>199.999.980</b>	<b>-</b>	<b>869.933.657</b>

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2024			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Bùi Tuấn Long	Chủ tịch HĐQT	-	36.333.330	-	36.333.330
2	Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT	-	30.333.330	-	30.333.330
3	Lê Văn Một	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	265.604.624	33.333.324	227.328.000	526.265.948
4	Trịnh Thị Mai Dung	Thành viên HĐQT	-	33.333.324	-	33.333.324
5	Ngô Hồng Minh	Trưởng BKS	-	26.666.664	-	26.666.664
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	-	20.000.004	-	20.000.004
7	Tô Mạnh Hà	Thành viên BKS	-	20.000.004	-	20.000.004
8	Lê Thị Định	Kế toán trưởng	170.029.992	-	-	170.029.992
	<b>Tổng cộng</b>		<b>435.634.616</b>	<b>199.999.980</b>	<b>227.328.000</b>	<b>862.962.596</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty TNHH PTNN Cuộc sống xanh T&T  
 Trần Quang Hiến  
 Hoàng Hải

Bên liên quan khác  
 Cổ đông  
 Cổ đông

*Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Tên công ty	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu bán hàng hóa</b>		
Công ty TNHH PTNN Cuộc sống xanh T&T	-	114.235.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính số V.2, V.4.

**2. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại do điều chỉnh Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DHĐCĐ-TAN ngày 09/05/2025.

Báo cáo KQKD	Số liệu so sánh trên BCTC năm 2025 trình bày lại		Số liệu năm 2024 trên BCTC năm 2024 được kiểm toán	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.566	70	2.343
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.566	71	2.343

**3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

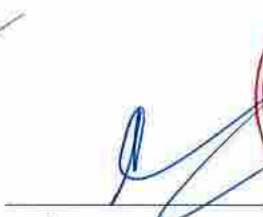
**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thuận An, ngày 12 tháng 03 năm 2026



**LÊ THỊ ĐỊNH**  
Người lập biểu



**LÊ THỊ ĐỊNH**  
Kế toán trưởng



**LÊ VĂN MỌT**  
Giám đốc



Số: 01/2026/BC-BKS

Thuận An, ngày 22 tháng 04 năm 2026

## BÁO CÁO

### V/V: THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

*Kính gửi:* Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An sửa đổi đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua ngày 22/4/2022;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;*

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS trong năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát trong năm 2026 như sau:

## PHẦN I

### THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC GIAO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

#### I. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Kể từ khi diễn ra Đại hội cổ đông thường niên 2025 ngày 09/5/2025 đến ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2026, Ban kiểm soát Công ty đã họp 04 phiên để triển khai các chức năng, nhiệm vụ của Ban, ngoài ra các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thống nhất qua điện thoại và e-mail. Nội dung các phiên họp của Ban Kiểm soát đều được các thành viên thống nhất thông qua.

Thù lao của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 ngày 09/5/2025 và được phân bổ chi tiết cho từng chức danh Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát với định mức theo chức danh (thực nhận sau khi khấu trừ thuế TNCN):

- Trưởng Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban Kiểm soát: 1.500.000 đồng/người/tháng

Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng theo Quy chế nội bộ của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

## **II. GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

Thực hiện Khoản 1, Điều 48, Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông thường niên 2022 thông qua ngày 22/4/2022, BKS thực hiện đánh giá về hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Giám đốc trong năm 2025 như sau:

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An và các quy định có liên quan của pháp luật.

Báo cáo hoạt động của HDQT, Giám đốc đã phản ánh đầy đủ các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Các văn bản, Nghị quyết của HDQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, với tinh thần trách nhiệm cao, HDQT, Ban Giám đốc đều có sự phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên và các cấp điều hành, có tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ thông qua các phiên họp HDQT được diễn ra trong năm 2025, nhằm duy trì đảm bảo hoạt động ổn định cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện các cuộc kiểm soát theo kế hoạch tại Công ty thông qua việc kiểm tra sổ kế toán, báo cáo tài chính do đơn vị lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. BKS đã tham gia và giám sát công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán và theo dõi tiến độ, kết quả thực hiện công việc. Cùng với đó, Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng thực hiện trước khi công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

## **III. PHỐI HỢP VỚI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG CÔNG VIỆC GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY VÀ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH**

Trong năm 2025, Ban Giám đốc Công ty tập trung nguồn lực phục vụ công tác ổn định công tác sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Điều hành đã tuân thủ các nghị quyết của HDQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong công tác giám sát tài chính, Ban Kiểm soát đã phối hợp và giám sát Ban Giám đốc, đặc biệt đối với Phòng Tài chính kế toán thực hiện các nội dung quan trọng bao gồm:

- Định kỳ thực hiện công tác kiểm soát về mặt hồ sơ, chứng từ và ghi chép trên sổ kế toán.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán đáp ứng đủ năng lực và giá thành để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.
- Thẩm định báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 với phần ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần, trình Đại hội đồng cổ đông của Công ty xem xét phê duyệt.

## **IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**

### **1. Các căn cứ**

- Báo cáo tài chính do Ban Giám đốc Công ty lập theo các biểu mẫu do Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 53/2017/TT-BTC ngày 21/03/2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC;

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng thực hiện, hoàn thành và phát hành;

- Sổ kế toán, chứng từ gốc lưu tại Công ty.

## 2. Xác nhận báo cáo tài chính

### 2.1. Ban kiểm soát xác nhận

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại ngày 31/12/2025

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2025 (RÚT GỌN)

Đơn vị: đồng

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2025	31/12/2024	Tăng (giảm)	%
<b>I</b>	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>41.665.085.350</b>	<b>29.481.788.236</b>	<b>12.183.297.114</b>	<b>41%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.474.018.445	1.129.418.479	3.344.599.966	296%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	246.656.328	216.633.876	30.022.452	14%
4	Hàng tồn kho	5.223.170.179	4.002.085.969	1.221.084.210	31%
5	Tài sản ngắn hạn khác	24.249.438	8.683.484	15.565.954	179%
6	Tài sản cố định	10.303.587.140	8.708.839.664	1.594.747.476	18%
7	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	20.319.439.663	14.083.599.478	6.235.840.185	44%
8	Tài sản dài hạn khác	1.073.964.157	1.332.527.286	(258.563.129)	-19%
<b>II</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>41.665.085.350</b>	<b>29.481.788.236</b>	<b>12.183.297.114</b>	<b>41%</b>
1	Nợ ngắn hạn	8.013.757.882	4.701.544.461	3.312.213.421	70%
2	Nợ dài hạn	2.550.000.000	2.750.000.000	(200.000.000)	100%
3	Vốn chủ sở hữu	31.101.327.468	22.030.243.775	9.071.083.693	41%
	<i>Trong đó:</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.136.900.000	16.136.900.000	-	0%
	Các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.146.879.908	6.092.427.250	9.054.452.658	149%
	Nguồn kinh phí	(182.452.440)	(199.083.475)	16.631.035	-8%

### Thuyết minh một số chỉ tiêu chính:

#### 2.2.1. Chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền"

Số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2025 tăng 3,3 tỷ đồng, tương đương tăng 296% so với tại ngày 31/12/2024 chủ yếu do tại thời điểm cuối năm, Công ty thực hiện bán hạt cà phê tươi và thu tiền ngay, hiện trên thị trường hàng hóa, sản phẩm cà phê tươi của Công ty đang có mức giá tốt, tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHDCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua.

#### 2.2.2. Chỉ tiêu "Hàng tồn kho"

Số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2025 thể hiện giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là cà phê nhân xô cà phê niên vụ 2025 – 2026 đang trong quá trình sản xuất, bảo quản.

#### 2.2.3. Chỉ tiêu "Tài sản cố định"

Số dư tài sản cố định tại ngày 31/12/2025 phản ánh giá trị còn lại (sau khi lấy nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế) của nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị, dụng cụ quản lý và vườn cây cà phê của Công ty. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ đối với giá trị trồng vườn cây cà phê trồng năm 2022, giồng khoan, đường điện 3 pha, hàng rào bảo vệ, vườn ươm và sân bê tông.

#### 2.2.4. Chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang"

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 31/12/2025 thể hiện giá trị CCDC, tiền lương, tiền thuê đất... cho việc trồng mới và chăm sóc vườn cây lâu năm (cà phê) của Công ty. Trong đó:

- Chi phí trồng mới vườn cây cà phê (2022 - 2024) và vườn cây kiến thiết cơ bản khác: 20.210.964.463 đồng;

- Chi phí xây dựng cơ bản khác (trung tâm logistics): 108.475.200 đồng.

#### 2.2.5. Chỉ tiêu "Nợ ngắn hạn" và "Nợ dài hạn"

Tổng số dư nợ phải trả (ngắn hạn và dài hạn) tại ngày 31/12/2025 tăng hơn 3,3 tỷ đồng so với tại ngày 31/12/2024, chủ yếu do: trong năm 2025, Công ty đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2025/4552893/HĐTD ngày 08/5/2025 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đắk Nông với hạn mức vay 05 tỷ đồng, phục vụ công tác trồng mới cây cà phê của Công ty.

#### 2.2.6. Chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu"

Số dư vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 tăng 09 tỷ đồng đồng so với ngày 31/12/2024 chủ yếu do kết chuyển lợi nhuận trong kỳ 9,9 tỷ đồng và Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền ~911 triệu đồng.

### 2.3. Kết quả kinh doanh (dạng rút gọn) năm 2025

Đơn vị: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024	Tăng (giảm)	%
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.607.060.157	22.624.050.636	2.983.009.521	13%
2	Giá vốn hàng bán	9.398.037.079	12.596.176.615	-3.198.139.536	-25%

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024	Tăng (giảm)	%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.209.023.078	10.027.874.021	6.181.149.057	62%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7.873.935	1.366.466	6.507.469	476%
5	Chi phí tài chính	559.982.086	309.120.812	250.861.274	100%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>410.613.629</i>	<i>309.120.812</i>	<i>101.492.817</i>	<i>100%</i>
6	Chi phí bán hàng	41.599.377	54.347.309	(12.747.932)	-23%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.328.756.517	4.779.558.468	549.198.049	11%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	10.286.559.033	4.886.213.898	5.400.345.135	111%
9	Thu nhập khác	130.797.842	1.212.498.802	(1.081.700.960)	-89%
10	Chi phí khác	401.183.799	932.143.082	(530.959.283)	-57%
11	Lợi nhuận khác	(270.385.957)	280.355.720	(550.741.677)	-196%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.016.173.076	5.166.569.618	4.849.603.458	94%
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	50.644.857	114.522.694	(63.877.837)	-56%
14	Lợi nhuận sau thuế	9.965.528.219	5.052.046.924	4.913.481.295	97%

**Thuyết minh một số chỉ tiêu chính:**

**2.3.1. Chỉ tiêu "Doanh thu":**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh năm 2025 tăng hơn 2,9 tỷ đồng, tương đương tăng 13% so với năm 2024 chủ yếu do trong năm 2025 Công ty đẩy mạnh tiêu thụ cây ngắn ngày (sachi khô) và hạt cà phê tươi được giá tốt cũng như sản lượng ổn định đã làm doanh thu trong năm 2025 của Công ty tăng mạnh, cùng với đó, trong năm Công ty được giảm 30% tiền thuê đất theo các quyết định 746/QĐ-LDO ngày 19/8/2025 và 1659/QĐ - LDO ngày 23/10/2025 với tổng số tiền 1,072 tỷ đồng. Các điều này đã làm tổng lợi nhuận gộp trong năm 2025 của Công ty tăng mạnh, đạt hơn 16 tỷ đồng, tăng 62% so với thực hiện năm 2024.

**2.3.2. Chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp"**

Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2025 bao gồm chi phí chi phí tiền lương nhân viên khối văn phòng, chi phí bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) với số tiền 3,64 tỷ đồng, chi phí công cụ dụng cụ phân bổ và khấu hao tài sản cố định của khối văn phòng với số tiền ~600 triệu đồng, tiền thuê đất, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác (~800 triệu đồng).

2.3.3. Thực hiện chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT thường niên năm 2025 thông qua.

384  
 3 TY  
 HÂN  
 PHÊ  
 N A  
 T. L

DVT: tỷ đồng.

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2025	TH năm 2025	Tăng/ (Giảm) TH/KH	% TH/KH
1	Tổng Doanh thu	28.165	25.746	(2.419)	91%
2	Tổng chi phí	21.700	15.730	(5.970)	72%
3	Lợi nhuận trước thuế	6.465	10.016	3.551	155%
4	Lợi nhuận sau thuế	6.465	9.966	3.501	154%

Trong năm 2025, mặc dù chỉ tiêu tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoàn thành 91% KHKD do ĐHDCTD thường niên năm 2025 giao phó; tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực và áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, đã làm chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế hoàn thành vượt 55% kế hoạch ĐHDCTD thường niên năm 2025 của Công ty giao phó.

#### **\* Tổng kết các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát**

Qua công tác kiểm tra, giám sát trong năm 2025, Ban Kiểm soát kết luận rằng Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; các hoạt động quản trị, điều hành được triển khai phù hợp, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả.

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán, lưu trữ chứng từ và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước được thực hiện đúng quy định; không phát hiện sai phạm trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở kết quả giám sát, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được; đồng thời tăng cường hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao hiệu quả công tác quản trị và giám sát tài chính, đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

#### **\* Đánh giá về các giao dịch có liên quan**

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các giao dịch giữa Công ty, công ty con, hoặc công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này.

Đồng thời, Công ty cũng không phát sinh giao dịch với các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của Công ty là thành

viên sáng lập hoặc giữ chức danh quản lý trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

## PHẦN II

### PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2026

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An, Ban kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát trong năm 2026 như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Điều lệ Công ty trên các công việc:

- Quản trị, điều hành Công ty thực hiện theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông.

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, kịp thời hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy mô phát triển và đặc thù của Công ty.

- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong từng dự án, hoạt động cụ thể thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

2. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm theo quy định.

3. Lập báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát hàng quý, kết quả thẩm định báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

4. Kịp thời thông báo cho HĐQT về những vi phạm của người quản lý, điều hành, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Điều lệ Công ty.

5. Hợp BKS định kỳ (trực tiếp hoặc theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản) tổng kết công tác thực hiện hàng quý và đề ra kế hoạch hành động cho quý tiếp theo.

6. Thực hiện công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ của Công ty, của Pháp luật và theo yêu cầu của HĐQT.

Trên đây là Báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát trong năm 2025, kết quả thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ của BKS trong năm 2026, Ban kiểm soát xin kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An xem xét./

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu Ban kiểm soát

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng Ban**



Ngô Hồng Minh

C.T.C.P  
CÔNG

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng  
Tel: 0261 3747 053 \* Fax: (0261) 3747 087

Số: ...01.../2026/TTr -HĐQT

Thuận An, ngày 22. tháng 04 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: thông qua bổ sung, sửa đổi mã ngành, ngành nghề kinh doanh

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp năm 2020 (LDN 2020) là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg, ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Hệ thống ngành Kinh tế Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Cà phê Thuận An;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua nội dung sau:

Qua rà soát ngành nghề kinh doanh, để tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc điều chỉnh phạm vi hoạt động về việc sửa đổi, bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty, nội dung cụ thể như sau:

### I. THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Xóa nội dung mã ngành nghề kinh doanh chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

STT	Tên mã ngành, ngành nghề kinh doanh bị xóa	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn phân bón; - Bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	Chưa Khớp Mã
2	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	Chưa Khớp Mã
3	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	Chưa Khớp Mã
4	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	Chưa Khớp Mã



## 2. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên mã ngành, ngành nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn: <i>Chi tiết: Bán lẻ cà phê thành phẩm</i>	4711
2	Điều hành tua du lịch	7912
3	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ của hàng ăn uống thuộc chuỗi của hàng ăn nhanh)</i>	5610 56101
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

## II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY.

Sửa đổi về mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty để phù hợp với việc Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg, ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Hệ thống ngành Kinh tế Việt Nam, cụ thể như sau:

STT	Tên mã ngành, ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cà phê	0126 (chính)
2	Sản xuất cà phê	1077
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>- Bán buôn phân bón; - Bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp</i>	4679
4	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
5	Bán buôn thực phẩm	4632
6	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
7	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9	Trồng cây ăn quả	0121
10	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
11	Trồng cây lâu năm khác: <i>Chi tiết: Gồm các cây như Cây cau, cây trầu không, cây dâu tằm</i>	0129

STT	Tên mã ngành, ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
12	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
13	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
14	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
15	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
16	Chế biến và bảo quản rau quả <i>- Chi tiết: Sản xuất, chế biến rau quả</i>	1030
17	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
18	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
19	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
20	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn: <i>- Chi tiết: Bán lẻ cà phê thành phẩm</i>	4711
21	Điều hành tua du lịch	7912
22	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>- Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)</i>	5610 56101
23	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810



### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐHĐCĐ chấp thuận ủy quyền cho Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty chủ động thực hiện các công việc liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: lập, ký và nộp hồ sơ; làm việc, giải trình khi có yêu cầu; nhận kết quả và hoàn tất các thủ tục theo quy định.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!*

**Bùi Tuấn Long**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Tel: 0261 3747 053 \* Fax: (0261) 3747 087

Số: 02./2026/ITr -HDQT

Thuận An, ngày 22 tháng 4... năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản trị, điều hành và định hướng phát triển của Công ty, đồng thời nhằm triển khai đồng bộ các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc điều chỉnh vốn điều lệ và cập nhật, bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty;

Trên cơ sở rà soát, đối chiếu toàn diện Điều lệ hiện hành với quy định của pháp luật và các nội dung dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhận thấy một số quy định của Điều lệ chưa được cập nhật, điều chỉnh tương ứng, đặc biệt đối với các nội dung liên quan đến vốn điều lệ và danh mục ngành, nghề kinh doanh. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ là cần thiết nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa Điều lệ với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sau khi được thông qua;

Bên cạnh đó, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cũng nhằm tiếp tục chuẩn hóa, hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ về tổ chức, quản trị, phân cấp thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện, bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng và khả thi trong quá trình áp dụng, phù hợp với quy mô và yêu cầu quản trị của Công ty trong giai đoạn hiện nay;

Việc hoàn thiện Điều lệ theo các nội dung nêu trên là cơ sở pháp lý quan trọng để Công ty triển khai các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và tổ chức thực hiện hiệu quả các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời hạn chế các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong quá trình hoạt động;

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty (sửa đổi, bổ sung) kèm theo.

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.**

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *uylis*  
CHỦ TỊCH HĐQT  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ  
THUẬN AN  
Bùi Tuấn Long

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;
- Điều lệ này được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 22/05/2026

**CHƯƠNG I**

**CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**ĐIỀU 1. HÌNH THỨC, TÊN GỌI VÀ TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY**

1. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **THUAN AN COFFEE JOINT STOCK COMPANY**  
Tên công ty viết tắt: **THUAN AN COFFEE, JSC**
3. **Địa chỉ trụ sở chính:** Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam  
Điện thoại: (0261) 3747 053 Fax: (0261) 3747 087  
E-mail: [congtycaphethuanan.tan@gmail.com](mailto:congtycaphethuanan.tan@gmail.com)  
Website: <http://www.caphethuanan.com.vn>
4. **Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty:**  
Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

## ĐIỀU 2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên mã ngành, ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cà phê	0126 (chính)
2	Sản xuất cà phê	1077
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>- Bán buôn phân bón;</i> <i>- Bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp</i>	4679
4	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
5	Bán buôn thực phẩm	4632
6	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
7	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9	Trồng cây ăn quả	0121
10	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
11	Trồng cây lâu năm khác: <i>Chi tiết: Gồm các cây như Cây cau, cây trầu không, cây dâu tằm</i>	0129
12	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
13	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
14	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
15	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
16	Chế biến và bảo quản rau quả <i>- Chi tiết: Sản xuất, chế biến rau quả</i>	1030
17	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
18	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
19	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột	4631

STT	Tên mã ngành, ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	mỹ	
20	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn: - Chi tiết: Bán lẻ cà phê thành phẩm	4711
21	Điều hành tua du lịch	7912
22	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)	5610 56101
23	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

- Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
- Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ các quy định của pháp luật để đạt hiệu quả tốt nhất cho các cổ đông.

### **ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

- Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam. Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

### **ĐIỀU 4. VỐN ĐIỀU LỆ**

- Vốn điều lệ:** 16.136.900.000 đồng
  - Tổng số cổ phần: 1.613.690 cổ phần
  - Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
  - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần (Mười nghìn đồng Việt Nam trên

↓

một cổ phần)

**2. Số cổ phần, loại cổ phần đăng ký chào bán:**

- Cổ phần phổ thông: 1.613.690 cổ phần

**ĐIỀU 5. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

1. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty: Công ty không có cổ đông sáng lập
2. Vốn điều lệ của Công ty có thể được góp bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

**ĐIỀU 6. THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty có quyền quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua các hình thức sau:
  - a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
  - b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
  - c) Chào bán cổ phần ra công chúng;
  - d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định giảm vốn điều lệ của Công ty trong các trường hợp sau đây:
  - a) Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp, không kể thời gian đăng ký tạm ngừng kinh doanh, và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
  - b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định của pháp luật;
  - c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của pháp luật;
  - d) Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu, điều kiện được ghi tại cổ phiếu cho cổ đông sở hữu cổ phần có quyền ưu đãi hoàn lại theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
  - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 7. CÁC LOẠI CỔ PHẦN**

1. Công ty có các loại cổ phần sau:
  - a) Cổ phần phổ thông;
  - b) Cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy

định của pháp luật.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## **ĐIỀU 8. CỔ PHIẾU**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật..
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

## **ĐIỀU 9. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
  - d) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan.

## **ĐIỀU 10. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
  - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
  - a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

- b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông

84  
TY  
AN  
HE  
A  
LK

đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **ĐIỀU 11. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 34 Điều lệ này.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra với Công ty.
8. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **ĐIỀU 12. CỔ PHẦN PHỔ THÔNG CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

1. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán khi đăng ký thành lập Công ty.
2. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người

không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.

3. Các hạn chế quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với cổ phần phổ thông sau đây:
  - a) Cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập Công ty;
  - b) Cổ phần đã được chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập.

### **ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG ƯU ĐÃI**

Cổ đông ưu đãi (nếu có) có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, theo nội dung ghi trong cổ phiếu tương ứng và theo quy định tại Điều lệ này.

### **ĐIỀU 14. CHÀO BÁN CỔ PHẦN**

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:
  - a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
  - b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
  - c) Chào bán cổ phần ra công chúng.
3. Chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **ĐIỀU 15. CHÀO BÁN CỔ PHẦN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU**

1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại Công ty.
2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu được thực hiện như sau:
  - a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;
  - b) Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công

ty đúng hạn theo thông báo thì cổ đông đó coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

- c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
- 3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

#### **ĐIỀU 16. CHÀO BÁN CỔ PHẦN RIÊNG LẺ**

- 1. Chào bán cổ phần riêng lẻ của Công ty phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
  - a) Không chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng;
  - b) Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- 2. Công ty thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định sau đây:
  - a) Công ty quyết định phương án chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Cổ đông của Công ty thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sáp nhập, hợp nhất Công ty;
  - c) Trường hợp cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không mua hết thì số cổ phần còn lại được bán cho người khác theo phương án chào bán cổ phần riêng lẻ với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

#### **ĐIỀU 17. BÁN CỔ PHẦN**

- 1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần.

2. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:
  - a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
  - c) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

### **ĐIỀU 18. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này hoặc trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo trường hợp do Đại hội đồng cổ đông quyết định chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
2. Phương thức chuyển nhượng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 127 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu hợp lệ của cổ đông theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

### **ĐIỀU 19. CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ**

1. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty là chào bán không thông qua phương tiện thông tin đại chúng cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chúng

khoản chuyên nghiệp và đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ như sau:

- a) Nhà đầu tư chiến lược đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ;
  - b) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán.
2. Công ty được quyền chào bán trái phiếu riêng lẻ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:
- a) Công ty đã thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán và đã đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;
  - b) Có báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm phát hành được kiểm toán;
  - c) Bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định pháp luật;
  - d) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán; trừ trường hợp Công ty phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản hoặc Công ty thuộc đối tượng là tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan);
  - e) Điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công ty quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định sau đây:
- a) Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này;
  - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu.
4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

## **ĐIỀU 20. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG**



1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá phù hợp quy định của pháp luật trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

## **ĐIỀU 21. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY**

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
  - a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty;
  - b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ

chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

## **ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI**

1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

## **ĐIỀU 23. TRẢ CỔ TỨC**

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
  - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

1

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
  - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
  - d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - d) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

#### **ĐIỀU 24. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.



## CHƯƠNG II

### CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

#### ĐIỀU 25. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Mô hình tổ chức quản lý và hoạt động: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.
2. Trường hợp Công ty có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của Công ty thì Công ty không bắt buộc phải có Ban kiểm soát.

#### ĐIỀU 26. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Người quản lý Công ty là các cán bộ giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Người quản lý Công ty có trách nhiệm sau đây:
  - a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
  - b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
  - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### ĐIỀU 27. CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
  - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
  - c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây:
  - a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 38 Điều lệ này.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **ĐIỀU 28. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [50%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **ĐIỀU 29. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm;

- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

### **ĐIỀU 30. TRIỆU TẬP HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
  - h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.
6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

### **ĐIỀU 31. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

### **ĐIỀU 32. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **ĐIỀU 33. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
  - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - b) Phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải

lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

### **ĐIỀU 34. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
  - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác không trái quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **ĐIỀU 35. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

1

- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

### **ĐIỀU 36. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

- Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
  - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

### **ĐIỀU 37. HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
  - b) Định hướng phát triển Công ty;
  - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

### **ĐIỀU 38. ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **ĐIỀU 39. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ này;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
  - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
  - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy văn bản không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - d) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
  7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **ĐIỀU 40. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **ĐIỀU 41. HIỆU LỰC CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **ĐIỀU 42. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ Công ty;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

#### **ĐIỀU 43. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [50%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28, khoản 1 và khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại các doanh nghiệp do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, quyết định việc tăng, giảm vốn góp, thay đổi tỷ lệ vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư, quyền mua cổ phần/vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28, khoản 1 và khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
  - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
  4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **ĐIỀU 44. NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị có tối thiểu ba (03) và không quá năm (05) thành viên, tùy vào tình hình hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông có thể điều chỉnh số lượng thành viên hội đồng quản trị phù hợp với từng giai đoạn.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

#### **ĐIỀU 45. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

#### **ĐIỀU 46. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
  - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
  - đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **ĐIỀU 47. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản

này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **ĐIỀU 48. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian, địa điểm họp;
  - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
  3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
  4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.
  5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

#### **ĐIỀU 49. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

#### **ĐIỀU 50. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, THAY THẾ VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ này;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **ĐIỀU 51. GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

- 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
- 2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.  
Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
  - c) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
  - g) Tuyển dụng lao động;
  - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

## **ĐIỀU 52. BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

## **ĐIỀU 53. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **ĐIỀU 54. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định trách nhiệm của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản

cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **ĐIỀU 55. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
  - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
  - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

#### **ĐIỀU 56. TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **ĐIỀU 57. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Điều 53 Điều lệ này
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này
  - d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **ĐIỀU 58. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

- c) Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **ĐIỀU 59. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
  - a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
  - b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

1

- c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
  - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách những người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

#### **ĐIỀU 60. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **ĐIỀU 61. TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG**

1. Hội đồng quản trị Công ty xây dựng định mức nhân viên và quỹ lương Công ty. Giám đốc Công ty có quyền tuyển dụng lao động theo nhu cầu của Công ty trên cơ sở định mức đó trừ các trường hợp tuyển dụng các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị. Trường hợp tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động đối với những người giữ chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị phải được Hội đồng quản trị chấp thuận.

1

2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động trong việc sử dụng lao động của Công ty. Giám đốc có quyền xây dựng và ban hành Nội quy Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và các nhân viên Công ty phải tuân thủ theo Nội quy Công ty. Nội quy này phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị trước khi ban hành.

### **CHƯƠNG III**

#### **TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **ĐIỀU 62. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY**

1. Kỳ kế toán năm của Công ty là 12 tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty tính từ đầu ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến hết ngày cuối cùng của kỳ kế toán năm. Trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thời gian không quá 03 kỳ kế toán tháng liên tiếp thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo hoặc cộng với kỳ kế toán năm trước đó để tính thành một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng phải không quá 15 tháng.
2. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng
  - a) Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản hướng dẫn chuẩn mực kế toán do cơ quan có thẩm quyền ban hành; áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận;
  - b) Công ty lập sổ kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;
  - c) Đơn vị tiền tệ Công ty sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”. Việc sử dụng ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ (nếu có) hoặc ghi nhận trong các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh (nếu có) phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

#### **ĐIỀU 63. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định trích lập các quỹ, mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty do Hội đồng quản trị trình.

2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

#### **CHƯƠNG IV**

#### **DẤU VÀ CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY**

##### **ĐIỀU 64. CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY**

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
  - a) Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;
  - b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy phép và giấy chứng nhận khác;
  - c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
  - d) Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;
  - đ) Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán;
  - e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;
  - g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
  - h) Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty (nếu có).
2. Công ty lưu trữ tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính Công ty hoặc địa điểm khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

##### **ĐIỀU 65. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU**

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, [Tổng Giám đốc/Giám đốc] sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

#### **CHƯƠNG V**

#### **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ**

##### **ĐIỀU 66. CÁC TRƯỜNG HỢP VÀ ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ CÔNG TY**

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
  - a) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

### **ĐIỀU 67. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI THỂ CÔNG TY**

Việc giải thể Công ty trong các trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 66 Điều lệ này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể Công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b) Lý do giải thể;
  - c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty;
  - d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
  - đ) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của Công ty hoặc quyết định thành lập tổ chức thanh lý riêng để thanh lý tài sản của Công ty.
3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.  
  
Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.
4. Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:
  - a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;



- b) Nợ thuế;
  - c) Các khoản nợ khác.
5. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty và các khoản nợ, phần còn lại chia cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
  6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi hồ sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

## **ĐIỀU 68. PHÁ SẢN**

Việc phá sản đối với Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

## **CHƯƠNG VI**

### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **ĐIỀU 69. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được lưu giữ theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

#### **ĐIỀU 70. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
  - a) Cổ đông với Công ty; hoặc
  - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh

Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ thời điểm bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải (nếu có) không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền.

2. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

**CHƯƠNG VII**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**ĐIỀU 71. HIỆU LỰC THI HÀNH**

1. Bản Điều lệ này gồm 7 Chương, 71 Điều có hiệu lực kể từ ngày 22/05/2026.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**GIÁM ĐỐC**  
*Lê Văn Một*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng

Tel: 0261 3747 053 \* Fax: (0261) 3747 087

Số: ..08../2026/TTr -HDQT

Thuận An, ngày 04 tháng 04 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp năm 2020 (LDN 2020) là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Luật chứng khoán năm 2019 (LCK 2019) là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán 2019.

- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cà phê Thuận An;

#### Hội đồng quản trị xin trình Đại hội biểu quyết thông qua:

Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cho phù hợp tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nội dung chi tiết các quy định sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (đã cập nhập các nội dung được sửa đổi, bổ sung) sẽ được Hội đồng quản trị ban hành và có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!**

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *24/05*  
CHỦ TỊCH HĐQT



*Đào Tuấn Long*  
Đào Tuấn Long

## PHỤ LỤC

(Đính kèm Tờ trình Số: .03../2026/TTr -HDQT về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty)

### Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế quản trị hiện hành”.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi”.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>	
<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thẩm quyền, nghĩa vụ và phương thức hoạt động của người quản lý công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người lao động của công ty.</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng dựa trên Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản pháp luật liên quan khác.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.</p>	<p>Bổ sung, làm rõ phạm vi điều chỉnh bao gồm đầy đủ hoạt động của ĐHCĐ, HDQT, BKS và Ban điều hành; đồng thời cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và Thông tư 116/2020/TT-BTC, khắc phục quy định cũ còn thiếu và chưa đầy đủ.”</p>

<p>Không có nội dung</p>	<p>3. Giải thích thuật ngữ</p> <p>Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị Công ty: là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;</li> <li>- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</li> <li>- Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</li> <li>- Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;</li> <li>- Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</li> <li>- Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</li> <li>- Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;</li> </ul>	<p>Bổ sung và chuẩn hóa các thuật ngữ sử dụng trong Quy chế (quản trị công ty, người quản lý, người điều hành...); đồng thời cập nhật viện dẫn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019, nhằm đảm bảo thống nhất cách hiểu và áp dụng trong toàn Công ty, khắc phục việc trước đây chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ.</p>
--------------------------	---	---

#### Điều 4. Đại hội cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm được tổ chức một lần.

.....

#### Điều 5. Thông báo chốt danh sách cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

.....

#### Điều 6. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:.....

#### Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông, cổ đông đến tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu.

.....

#### Điều 8. Cách thức bỏ phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.

#### Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 15 của Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 14 của Điều lệ Công ty. Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền này được gọi là Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Tổng công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho

- **Chuẩn hóa theo Luật Doanh nghiệp 2020 và văn bản hướng dẫn:** Nội dung cũ còn rời rạc, một số quy định chưa đầy đủ hoặc chưa bám sát quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 (đặc biệt về trình tự triệu tập, điều kiện họp, quyền cổ đông, hủy nghị quyết...).

- **Phù hợp quy định pháp luật chứng khoán đối với công ty đại chúng:** Bổ sung các nghĩa vụ về công bố thông tin, thời hạn thông báo, nguồn dữ liệu cổ đông từ VSDC, công bố trên UBCKNN và Sớ GDCK theo Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

- **Chi tiết hóa trình tự, thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ:** Nội dung cũ quy định còn đơn giản (chủ yếu nguyên tắc), chưa quy định rõ từng bước như: lập danh sách cổ đông, gửi tài liệu, đăng ký dự họp, kiểm phiếu, lập biên bản... → sửa đổi để đảm bảo áp dụng thống nhất, hạn chế sai sót thực tế.

- **Bổ sung các hình thức tham dự và biểu quyết hiện đại:** Nội dung mới bổ sung họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu qua email... phù hợp thực tiễn quản trị và xu hướng chuyển đổi số (nội dung cũ chưa đề cập).

- **Làm rõ quyền của cổ đông/nhóm cổ đông:** Bổ sung quyền kiến nghị chương

<p>.....</p> <p><b>Điều 9. Cách thức kiểm phiếu</b></p> <p>1. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số thẻ (phiếu) biểu quyết thu về so với số thẻ (phiếu) biểu quyết phát ra.</p>	<p>tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	<p>trình họp, điều kiện (<math>\geq 5\%</math> cổ phần), quyền yêu cầu hủy nghị quyết... nhằm đảm bảo minh bạch và bảo vệ cổ đông theo luật.</p>
<p>.....</p> <p><b>Điều 10. Thông qua kết quả kiểm phiếu</b></p> <p>Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>d) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị nội dung chương trình họp Đại hội.</p>	<p>- <b>Chuẩn hóa quy trình kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả:</b> Nội dung cũ quy định còn sơ lược; nội dung mới quy định chi tiết Ban kiểm phiếu, cách kiểm phiếu, nội dung biên bản, thời hạn công bố... để tăng tính minh bạch và kiểm soát rủi ro pháp lý.</p>
<p><b>Điều 11. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp ĐHDCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng Tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>- <b>Bổ sung đầy đủ quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</b> Nội dung mới quy định chi tiết từ khâu chuẩn bị, gửi phiếu, nhận phiếu đến kiểm phiếu và điều kiện thông qua (<math>\geq 50\%</math>), thay vì quy định còn đơn giản trước đây.</p>
<p>.....</p> <p><b>Điều 12. Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p>		<p>- <b>Tái cấu trúc, gộp điều khoản để dễ áp dụng:</b> Nội dung cũ chia nhiều điều (Điều 4-13), trùng lặp và phân tán; nội dung mới gộp lại thành một điều thống nhất, logic theo từng quy trình.</p>
<p>.....</p> <p><b>Điều 13. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHDCĐ</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHDCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ</p>		

<p>đồng quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCD trong các trường hợp sau đây:</p> <p>.....</p>		
<p><b>CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>Điều 16. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:</p> <p>a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.</p> <p>b) Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 10% đến dưới 20% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.</li> <li>- Từ 20% đến dưới 30% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.</li> </ul> <p>.....</p>	<p><b>Điều 3. Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 27 của Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 3 nhằm chuẩn hóa và hoàn thiện quy định về Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp 2020 (Điều 153–160), đặc biệt về vai trò, quyền, nghĩa vụ, tiêu chuẩn, cơ cấu, nhiệm kỳ và trách nhiệm của thành viên HĐQT. Đồng thời cập nhật theo Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP về cơ cấu thành viên độc lập, công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng.</p> <p>Nội dung sửa đổi đã bổ sung, chi tiết hóa quy trình đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT; quy định rõ điều kiện, tiêu chuẩn, tỷ lệ sở hữu cổ phần và nghĩa vụ công bố thông tin ứng viên, đảm bảo minh bạch theo quy định tại Điều 115, Điều 155, Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Đồng thời, hoàn thiện quy trình tổ chức họp HĐQT, điều kiện tiến hành họp, biểu quyết và thông qua nghị quyết theo Điều 157, 158 Luật Doanh nghiệp 2020; bổ sung các hình thức họp trực tuyến, biểu quyết điện tử, lấy ý kiến bằng văn bản phù</p>

	<p>.....</p>	<p>hợp thực tiễn quản trị.</p> <p>Bên cạnh đó, sửa đổi nhằm làm rõ nguyên tắc xử lý xung đột lợi ích, trách nhiệm thành viên HĐQT theo Điều 160, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020; bổ sung quy định về Người phụ trách quản trị công ty theo Điều 156.</p> <p>Việc tái cấu trúc, hệ thống lại các quy định từ nhiều điều trước đây giúp nội dung logic, đồng bộ, dễ áp dụng, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị và giảm thiểu rủi ro pháp lý cho Công ty.</p>
<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p> <p>.....</p> <p><b>Điều 26. Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>.....</p> <p><b>Điều 27. Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm</p>	<p><b>Điều 4. Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 42 của Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên);</p> <p>Ban kiểm soát của Công ty có từ ba (3) đến năm (5) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Trưởng hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc</p>	<p>Thay đổi số lượng Kiểm soát viên từ cố định 03 người → quy định 3–5 người, phù hợp Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020 và thực tế tổ chức.</p> <p>Bổ sung quy định Kiểm soát viên hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục làm việc khi chưa bầu mới, nội dung trước đây chưa có.</p> <p>Cập nhật tiêu chuẩn Kiểm soát viên từ Điều 164 (cũ) → Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020, đồng thời làm rõ điều kiện độc lập và trình độ Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>Hoàn thiện quy trình đề cử, ứng cử, bầu cử; bổ sung cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm và yêu cầu công bố thông tin ứng viên trước ĐHCĐ (theo NB 155/2020).</p> <p>Quy định lại miễn nhiệm, bãi nhiệm theo</p>

<p>soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>.....</p>	<p>nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	<p>hướng tách bạch rõ từng trường hợp (không đủ điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm...).</p>
<p><b>Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>.....</p>	<p>b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;</p>	<p>Bổ sung chi tiết cách bầu và thay thế Trưởng Ban kiểm soát (thời hạn, cách triệu tập, xử lý khi từ chức/vắng mặt).</p>
<p><b>Điều 29. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>.....</p>	<p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p>	<p>Gộp các Điều 25-30 thành một điều để tránh trùng lặp, dễ áp dụng và thống nhất với Điều lệ Công ty.</p>
<p><b>Điều 30. Thủ lao của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền</p>	<p>- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (3) năm liền trước đó.</p>	<p>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>.....</p>

<p>lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>.....</p>		
<p><b>Chương V: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p> <p><b>Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. ....</p> <p><b>Điều 32. Người điều hành Công ty</b></p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. ....</p> <p><b>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc.</p> <p>2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc</p>	<p><b>Điều 5. Giám đốc</b></p> <p>Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc;</p> <p>Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc thực hiện theo Điều 38 của Điều lệ Công ty.</p> <p>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:</p> <p>Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc;</p> <p>Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.</p> <p>Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;</p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (1) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.</p> <p>Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc;</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>- Rút gọn phạm vi điều chỉnh: bỏ quy định về “người điều hành khác” (Phó Giám đốc, Kế toán trưởng...), chỉ tập trung vào Giám đốc nhằm tránh trùng lặp; các chức danh này đã được quy định tại Điều lệ và/hoặc quy chế nội bộ khác, phù hợp nguyên tắc phân cấp quản lý theo Luật Doanh nghiệp 2020 (Điều 162).</p> <p>- Chuyển từ quy định chi tiết sang dẫn chiếu Điều lệ: không liệt kê lại toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Giám đốc mà dẫn chiếu Điều lệ Công ty, đảm bảo thống nhất hệ thống văn bản nội bộ.</p> <p>- Chuẩn hóa quy trình nhân sự Giám đốc: bổ sung đầy đủ các nội dung bổ nhiệm, ký hợp đồng, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng, trong khi quy định cũ chưa đầy đủ.</p> <p>- Bổ sung nghĩa vụ công bố thông tin: quy định rõ việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc phải thực hiện theo Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

<p>hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc; Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được</p> <p>Công ty thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật hiện hành.</p> <p>Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.</p> <p>Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.</p>	<p>- Giữ và chuẩn hóa các nội dung cốt lõi: thống nhất quy định về nhiệm kỳ, thẩm quyền của HĐQT trong bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định thù lao của Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Tái cấu trúc điều khoản: gộp các Điều 31-33 thành một điều thống nhất, sắp xếp lại theo hướng logic, để áp dụng và giảm rủi ro pháp lý.</p>
<p><b>Chương VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b></p> <p><b>Điều 34. Báo cáo tài chính năm</b></p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p><b>Điều 35. Báo cáo thường niên</b></p>	<p><b>Điều 6. Các hoạt động khác</b></p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;</p> <p>Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc thực hiện theo khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.</p> <p>Người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.</p> <p>b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều</p>	<p>- Chuyên nội dung về báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và công bố thông tin sang thực hiện theo Luật Kế toán, Luật Chứng khoán 2019, ND 155/2020 và quy chế công bố thông tin riêng, không quy định lại để tránh trùng lặp.</p> <p>- Bổ sung quy định cụ thể về phối hợp giữa HĐQT – Ban kiểm soát – Giám đốc: triệu tập họp, cung cấp thông tin, gửi tài liệu và thông báo kết quả họp.</p> <p>- Làm rõ trách nhiệm báo cáo của Giám đốc (định kỳ, đột xuất, báo cáo theo yêu cầu), thay cho quy định chung trước đây.</p> <p>- Bổ sung vai trò Người phụ trách quản trị công ty trong hỗ trợ họp và cung cấp thông tin giữa các bên.</p> <p>- Thêm cơ chế đánh giá, khen thưởng, kỷ</p>

<p>năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p><b>Điều 35. Báo cáo thường niên</b></p> <p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p><b>Điều 36. Nghĩa vụ công bố thông tin</b></p> <p>1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Công ty Ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>3. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.</p>	<p>Ban kiểm soát và Giám đốc theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.</p> <p>b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc;</p> <p>.....</p>	<p>- Bổ sung vai trò Người phụ trách quản trị công ty trong hồ trợ hợp và cung cấp thông tin giữa các bên.</p> <p>- Thêm cơ chế đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý.</p> <p>- Tái cấu trúc nội dung từ quy định về báo cáo sang cơ chế phối hợp và vận hành nội bộ, giúp dễ áp dụng và phù hợp thực tế.</p>
--	---	--

*Một số điều chỉnh chi tiết khác về thứ tự chương, điều khoản, từ ngữ sử dụng và một số dẫn chiếu điều khoản để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Quy chế nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.*

Số: 06/2026/QĐ-HĐQT-TAN

Thuận An, ngày 22 tháng 05 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;
- Căn cứ vào Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An ngày 22/05/2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty” của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng, Ban chuyên môn và toàn thể CBNV làm việc tại Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- HĐQT, BKS (B/c);
- Lưu: VP.

TM.HĐQT  
CHỦ TỊCH HĐQT  
  
Bùi Tuấn Long

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**

(Ban hành theo Quyết định số: 06 /QĐ-HDQT ngày 22 / 05 /2026 của HĐQT Công ty)

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cà phê Thuận An
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-DHĐCĐ ngày 22./05./2026.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cà phê Thuận An. (Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các nội dung sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng dựa trên Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

**2. Đối tượng áp dụng:**

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

**3. Giải thích thuật ngữ**

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Quản trị Công ty: là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;

- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

- Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

- Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;

- Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

## **Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 28 của Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 30 của Điều lệ Công ty. Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền này được gọi là Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Tổng công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp

chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

d) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị nội dung chương trình họp Đại hội.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 34 của Điều lệ Công ty.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán

Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Công ty công bố.

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

h) Điều kiện tiến hành;

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ ba mươi ba (33)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

k) Cách thức bỏ phiếu;

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng cổ đông một (01) Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau ba mươi (30) phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước.

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

#### l) Cách thức kiểm phiếu;

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Ban Kiểm phiếu làm việc trong một (1) phòng làm việc/khu vực riêng;
- Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
- Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

#### m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;

Điều kiện đề Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo Điều 38 của Điều lệ Công ty.

#### n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng

số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Danh sách trúng cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

o) Cách thức phân đôi, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ Công ty;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;

Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi (50)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 3. Hội đồng quản trị**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 43 của Điều lệ Công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (5) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có);
- Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

#### d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề bầu thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

- Thành viên mất năng lực hành vi dân sự;

\* Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định trên.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

g) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (1) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 58 của Điều lệ Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (1) lần.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó.

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải xác định thời gian cụ thể, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết;

Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị/người được ủy quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- Thời gian, địa điểm họp;

- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp.

Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm i Khoản 4 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và luật chứng khoán.

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty;

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Ban Kiểm soát**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 54 của Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên);

Ban kiểm soát của Công ty có từ ba (3) đến năm (5) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (3) năm liền trước đó.

Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 38 Điều lệ Công ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty.

Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trưởng Ban kiểm soát được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Ban Kiểm soát trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (1) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Ban Kiểm soát phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định;

- Có đơn từ chức bằng văn bản gửi tới Công ty và được chấp thuận;

- Kiểm soát viên mất năng lực hành vi dân sự.

\* Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Luật chứng khoán.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 60 của Điều lệ Công ty.

## **Điều 5. Giám đốc**

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc;

Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc thực hiện theo Điều 51 của Điều lệ Công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc;

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

b) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (1) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

c) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc;

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc; Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được Công ty thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật hiện hành.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

## **Điều 6. Các hoạt động khác**

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc thực hiện theo khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.

Người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc;

Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho Giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

d) Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Giám đốc và Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị và thông báo triệu tập đến các Thành viên Hội đồng quản trị trước ba (3) ngày làm việc khi cuộc họp Hội đồng quản trị diễn ra.

d) Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

Giám đốc Công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị về các vấn đề cụ thể như sau:

- Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị Công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;

- Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc;

Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

g) Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:

- Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

- Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty;

- Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật;

- Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành của Công ty.

### Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 8 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 22 tháng 05 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị. /- *yls*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Bùi Tuấn Long



Số: 04/2026/ITr-HĐQT

Thuận An, ngày 04 tháng 04 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

V/v: *Quy thù lao HĐQT và BKS năm 2025, kế hoạch năm 2026*

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**I. BÁO CÁO VỀ VIỆC CHI THÙ LAO NĂM 2025:**

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi thù lao năm 2025 cho HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

- Cơ cấu Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát từ năm 2025 gồm: 03 TV HĐQT, 03 TV BKS
- Quỹ thù lao năm 2025 được ĐHĐCĐ phê duyệt: 180.000.000 đồng
- Thù lao HĐQT đã chi: 120.000.000 đồng
- Thù lao BKS đã chi: 60.000.000 đồng
- Tổng chi: 180.000.000 đồng

**II. KẾ HOẠCH CHI THÙ LAO NĂM 2026:**

- Căn cứ cơ cấu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2024-2029 được ĐHĐCĐ phê chuẩn;
- Căn cứ cơ cấu HĐQT và BKS của Công ty ở thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An;
- Căn cứ yêu cầu về công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh trong năm 2026.

**Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:**

\* Quỹ thù lao cho Hội đồng Quản trị và ban Kiểm soát năm 2026 như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/tháng
- Thành viên HĐQT: 2.500.000đ/ tháng
- Trưởng BKS: 2.000.000đ/ tháng
- Thành viên BKS: 1.500.000đ/tháng.

Tính đủ 12 tháng là: **180.000.000 đồng**

- Hội đồng quản trị: 120.000.000 đồng
- Ban Kiểm soát: 60.000.000 đồng

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

*Trân trọng cảm ơn./.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *uhs*  
CHỦ TỊCH  
  
Bùi Trần Long

**TỜ TRÌNH**

**V.v: Phê duyệt Phân phối lợi nhuận của năm 2025**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2021.

- Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần cà phê Thuận An được Đại hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 22/04/2022 ;

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cà phê Thuận An kính trình Đại hội đồng Cổ đông về việc phân phối lợi nhuận như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025:**

ĐVT: VND

STT	Nội dung	Kế hoạch PPLN 2025	Thực hiện PPLN 2025
1	Lợi nhuận năm trước để lại	1.040.380.326	1.040.380.326
2	Lợi nhuận sau thuế năm nay	5.052.046.924	5.052.046.924
3	Tổng Lợi nhuận	6.092.427.250	6.092.427.250
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	911.055.561	911.055.561
5	Cổ tức chi trả	0	0
5.1	Tỷ lệ cổ tức	0	0
5.2	Cổ tức chi trả	0	0
6	Trích quỹ đầu tư, phát triển	5.181.371.689	5.181.371.689
7	Lợi nhuận còn để năm sau	0	0



**2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2026:**

STT	Nội dung	Kế hoạch PPLN 2026	Thực hiện PPLN 2025	Chênh lệch	
1	Lợi nhuận năm trước để lại	0	1.040.380.326	-1.040.380.326	0
2	Lợi nhuận sau thuế năm nay	9.965.508.219	5.052.046.924	4.913.461.295	97%
3	Tổng Lợi nhuận	9.965.508.219	6.092.427.250	3.873.080.969	
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.076.441.507	911.055.561	165.385.946	18%
5	Trả cổ tức năm 2025	0	0	0	0
5.1	Tỷ lệ cổ tức	0%	0	0%	0
5.2	Cổ tức chi trả	0	0	0	0
6	Trích quỹ đầu tư, phát triển	8.889.066.712	5.181.371.689	3.707.695.023	
7	Lợi nhuận còn lại	0	0	0	

**Ghi chú:** Theo KHSXKD năm 2026, Công ty còn thiếu nguồn vốn 10 tỷ đồng để đầu tư SXKD nên kính trình ĐHĐCĐ trích toàn bộ lợi nhuận sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi vào quỹ đầu tư, phát triển.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Bùi Tuấn Long**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ THUẬN AN**

Số: 01 /2026/TTr-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thuận An, ngày 22 tháng 04 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

**V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026**

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua ngày 27/6/2020, được sửa đổi, bổ sung và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 22/4/2022.*

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, thuộc danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố;
- Có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi, chất lượng và tiến độ yêu cầu.

2. Đề xuất danh sách đơn vị kiểm toán dự kiến mời chào dịch vụ thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty theo quy định của Pháp luật và giao Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HDQT, BKS;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Ngô Hồng Minh**